



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - SỐ 604 / Kỳ II - 8/2021



**NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ
KINH DOANH ĐA CẤP TẠI VIỆT NAM**



**BÀI TOÁN ĐÀO TẠO LẠI NGHỀ
CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG
BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19**



**THỎA THUẬN THUẾ
DOANH NGHIỆP TOÀN CẦU
VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM**



**HÀ GIANG
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**

BỆNH VIỆN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TỈNH HÀ GIANG TẬN TÂM VÌ SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH

Xác định nâng cao y đức của người thầy thuốc không chỉ là nâng cao tay nghề, làm chủ trang thiết bị hiện đại mà còn là nâng cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với người bệnh... Bởi thế, những năm qua, Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hà Giang đã vượt qua mọi khó khăn, tạo được niềm tin yêu nơi người bệnh.

Bệnh viện Phục hồi chức năng (PHCN) tỉnh Hà Giang là bệnh viện chuyên khoa hạng III tuyến tỉnh, được thành lập từ năm 2010, quy mô 80 giường bệnh kế hoạch. Tổ chức bộ máy hiện nay của bệnh viện gồm có 4 phòng chức năng, 11 khoa lâm sàng và cận lâm sàng; Tổng số cán bộ, nhân viên là 69 người, trong đó, có 15 bác sĩ đã được đào tạo chuyên khoa về PHCN. Trong những năm qua, mặc dù còn nhiều khó khăn về nhân lực, vật lực, nhưng với sự quyết tâm cố gắng của Chi bộ, Ban Giám đốc và tập thể cán bộ, viên chức, Bệnh viện luôn cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước giao, nổi bật ở các lĩnh vực như: Khám chữa bệnh, điều dưỡng, PHCN và triển khai Chương trình PHCN dựa vào cộng đồng...

Hiện nay, cơ sở vật chất Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang được chia làm 2 khu, cách nhau khoảng 5 km bao gồm: Khu A là nơi đặt trụ sở chính, các phòng chức năng và tổ chức hoạt động khám chữa bệnh - phục hồi chức năng, có tổng diện tích gần 30,62 nghìn m²; Khu B có khoa An dưỡng, gồm các nhà nghỉ, phòng tắm khoáng, bể bơi nước khoáng và một số phòng thủy trị liệu phục vụ cho mọi đối tượng có nhu cầu. Tổng diện tích khu B gần 57 nghìn m² với cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, yên tĩnh, thoáng mát, có thể tổ chức các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm cùng người thân, gia đình và bạn bè.

Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Giám đốc Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang cho biết: Những năm gần đây, ngoài việc tăng cường đào tạo chuyên môn, nâng cao tinh thần y đức, xây dựng môi trường bệnh viện xanh - sạch - đẹp, thân thiện với người bệnh, Bệnh viện còn đầu tư nhiều trang thiết bị như: Máy xét nghiệm sinh hóa máu, sinh hóa nước tiểu, huyết học tự động; máy chụp X-quang cao tần; máy điện tim; hệ thống luyện tập phục hồi chức năng toàn thân và các chi; máy châm cứu không kim. Với các thiết bị chuyên về vật lý trị liệu kết hợp với sử dụng nguồn nước khoáng nóng thiên nhiên đã điều trị hiệu quả các bệnh về cơ, xương, khớp, thần kinh, tim mạch, hô hấp. Đặc biệt, điều trị hiệu quả PHCN cho bệnh nhân sau tai biến mạch máu não, sau phẫu thuật, sau chấn thương, sau di chứng bỏng... Ngoài ra, Bệnh viện còn cung cấp các dụng cụ chỉnh hình, chân giả cho những người khuyết tật.

Bên cạnh đó, những năm gần đây, Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang còn triển khai khám, điều trị và quản lý các bệnh mạn tính như tiểu đường, tăng huyết áp cho người dân trên địa bàn theo phân tuyến chuyên môn. Với việc quan tâm đầu tư các trang thiết bị hiện đại, đào tạo nhân lực chuyên sâu để phát triển chuyên môn kỹ thuật PHCN, nhất là kỹ thuật đòi hỏi trình độ chuyên môn cao. Bệnh viện còn thực hiện kết hợp giữa y học hiện đại và y học cổ truyền trong khám chữa bệnh, đặc biệt, triển khai nhóm



Y bác sĩ Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang khám cho bệnh nhân bằng phương pháp điện trị liệu

kỹ thuật hoạt động trị liệu, ngôn ngữ trị liệu và tâm lý trị liệu cho nhóm bệnh trẻ tự kỷ và nhóm bệnh nhân tai biến mạch máu não...

Nhờ vậy, năm 2020, tổng số bệnh nhân đến khám 8.274 lượt bệnh nhân, đạt trên 100% KH; Tổng số bệnh nhân điều trị nội trú 2.102 lượt bệnh nhân, đạt 105% KH; Tổng các lượt xét nghiệm 36.259 lượt, đạt trên 100% KH; Công suất sử dụng giường bệnh đạt 90%, tăng 9,8% so với năm 2019.

Mục tiêu phát triển trong giai đoạn tới, Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang xác định: Quy hoạch, nâng cao chất lượng bệnh viện theo định hướng chuyên khoa, ưu tiên đối tượng là người cao tuổi. Làm tốt vai trò tham mưu cho ngành Y tế Hà Giang tập trung phát triển mạng lưới PHCN thống nhất trong toàn tỉnh nhằm nâng cao vai trò và hiệu quả của công tác PHCN, đảm bảo cho người khuyết tật được tiếp cận các dịch vụ y tế, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật. Mở rộng các loại hình dịch vụ; Xây dựng thương hiệu từ nguồn tài nguyên nước khoáng sẵn có; Huy động nguồn lực từ việc xã hội hóa, liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư có tiềm lực lớn về tài chính và kinh nghiệm trong lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều dưỡng, kết hợp hoạt động khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng với du lịch nghỉ dưỡng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân và du khách gần xa, kể cả khách quốc tế./.

Trọng Nghĩa



Đến với Bệnh viện PHCN tỉnh Hà Giang, bệnh nhân sẽ được ngâm khoáng kết hợp tập luyện dưới nước và khám bệnh



HỘI NGHỊ CÔNG BỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Sáng ngày 30/7/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng TCTK về công tác cán bộ. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK. Hội nghị được kết nối trực tuyến với các điểm cầu: Nhà xuất bản Thống kê, các cá nhân liên quan; một số Cục Thống kê.

Tại Hội nghị, thừa ủy quyền của Tổng cục trưởng TCTK, đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đã thông báo về việc nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/8/2021 đối với đồng chí Đỗ Anh Kiếm, Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường; đồng chí Đỗ Văn Chiến, Giám đốc Nhà Xuất bản Thống kê. Đồng thời công bố Quyết định điều động, bổ nhiệm đồng chí Phạm Thị Quỳnh Lợi, Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ giữ chức vụ Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường; Quyết định giao Quyền Giám đốc Nhà Xuất bản Thống kê đối với đồng chí Nguyễn Viết Quân, Phó Giám đốc; Quyết định bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Thị Thúy Hằng, Phó Giám đốc giữ chức vụ Tổng Biên tập Nhà Xuất bản Thống kê; Quyết định điều động, bổ nhiệm đồng chí Đoàn Thị Hồng Hạnh, Thống kê viên chính Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính. Các Quyết định bổ nhiệm, điều động có hiệu lực từ ngày 01/8/2021.



Tại Hội nghị, thay mặt lãnh đạo TCTK, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đã gửi tới các đồng chí: Đỗ Anh Kiếm, Đỗ Văn Chiến lời tri ân với những đóng góp vào sự phát triển của ngành Thống kê và chúc mừng các đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tổng cục trưởng cho biết, thực hiện chủ trương của Đảng về luân chuyển, điều động cán bộ, đồng thời để kiện toàn lãnh đạo các đơn vị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị do Bộ trưởng giao và tình hình thực tế của từng đơn vị trong Ngành, Lãnh đạo Tổng cục Thống kê điều động, bổ nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo của TCTK. Theo đó, việc điều động nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ tiếp tục phát huy kinh nghiệm công tác thông qua môi trường mới, lĩnh vực mới, tạo điều kiện để đào tạo đội ngũ lãnh đạo phát triển toàn diện ở các lĩnh vực đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Ngành.

Tại Hội nghị, Tổng cục trưởng chúc mừng cá nhân các đồng chí: Phạm Thị Quỳnh Lợi, Nguyễn Viết Quân, Nguyễn Thị Thúy Hằng và Đoàn Thị Hồng Hạnh đã được Lãnh đạo và Ban Thường vụ đảng ủy cơ quan Tổng cục tin tưởng giao đảm nhận cương vị mới, với trọng trách lớn hơn.

Công việc trong thời gian sắp tới khá nặng nề, đặc biệt trong giai đoạn ngành Thống kê thực hiện rất nhiều nhiệm vụ quan trọng theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, vì vậy, để hoàn thành tốt các nhiệm vụ sắp tới, Tổng cục trưởng đề nghị 4 đồng chí cần tiếp tục phấn đấu, nỗ lực, giữ vững bản lĩnh chính trị, rèn luyện tu dưỡng, bám sát kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị và của ngành Thống kê, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, cùng đơn vị hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; Chủ động nghiên cứu, tích lũy, trau dồi và đổi mới trong công việc.

Ở vị trí mới với chức năng nhiệm vụ khác trước đây, do vậy trong công việc, Tổng cục trưởng yêu cầu 4 đồng chí cần chủ động, tìm tòi, suy nghĩ, phát huy cái mới cũng như tính sáng tạo để áp dụng và cải thiện năng suất lao động; Đồng thời, hy vọng 4 đồng chí sẽ là những tấm gương cho các công chức, viên chức trong đơn vị noi theo để học tập và phấn đấu.

Các đồng chí là hạt nhân trong đơn vị, cần thể hiện được năng lực, kinh nghiệm của bản thân cùng với tập thể lãnh đạo trong đơn vị xây dựng khối đoàn kết, thống nhất và tăng cường sự hợp tác



giữa lãnh đạo với cấp ủy và công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị. Ngoài ra cũng cần chú trọng công tác phối hợp giữa đơn vị với các cơ quan, đơn vị khác trong và ngoài Ngành để hoàn thành tốt nhiệm vụ được Lãnh đạo Tổng cục giao phó.

Đối với đồng chí Phạm Thị Quỳnh Lợi, Tổng cục trưởng kỳ vọng đồng chí tiếp tục gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của Người đứng đầu; tiếp thu những thành quả của các thể hệ lãnh đạo Vụ Thống kê XHMT đã xây dựng và quyết liệt trong chỉ đạo để tiếp tục đổi mới công tác Thống kê xã hội và môi trường. Trong thời gian tới, đồng chí Phạm Thị Quỳnh Lợi cần ưu tiên tập trung thực hiện một số nhiệm vụ: Phối hợp với Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê cải tiến phương án Khảo sát mức sống dân cư; Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác thống kê xã hội và môi trường, trước hết củng cố

nguồn thông tin đầu vào; Triển khai dự án Điều tra sử dụng quỹ thời gian đảm bảo đúng tiến độ.

Đối với đồng chí Nguyễn Viết Quân và đồng chí Nguyễn Thị Thuý Hằng, Tổng cục trưởng yêu cầu hai đồng chí: Cần cập nhật kiến thức, công nghệ kịp thời, tiếp tục đổi mới tư duy, lề lối làm việc để nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành xuất bản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh trong công tác xuất bản; Giữ gìn nâng cao chất lượng xuất bản phẩm, làm tốt công tác này cũng chính là xây dựng uy tín thương hiệu Nhà xuất bản; Chủ động tích cực khai thác mở rộng thị trường cả về xuất bản phát hành và tổ chức bản thảo; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xuất bản. Trước mắt, tập trung thực hiện Đề án sách điện tử, số hoá xuất bản phẩm, quản lý, phát hành xuất bản phẩm điện tử đáp ứng yêu cầu phổ biến, cung cấp thông tin thống kê.

Đối với đồng chí Đoàn Thị Hồng Hạnh, cần nhanh chóng

nắm bắt các hướng dẫn, quy định về công tác quản lý tài chính để giúp Vụ trưởng thực hiện tốt chức năng tham mưu phân bổ và quản lý tài chính của toàn Ngành một cách hiệu quả. Tổng cục trưởng cũng yêu cầu tập thể lãnh đạo và công chức Vụ Kế hoạch tài chính tạo điều kiện, phối hợp, giúp đỡ để đồng chí Đoàn Thị Hồng Hạnh nhanh chóng bắt nhịp tốt với công việc, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Phát biểu nhận nhiệm vụ, đồng chí Phạm Thị Quỳnh Lợi thay mặt các đồng chí được bổ nhiệm, giao nhiệm vụ mới đã bày tỏ niềm vinh dự và tự hào, đồng thời xin tiếp thu toàn bộ ý kiến chỉ đạo của Tổng cục trưởng và sẽ cụ thể hóa thành những chương trình hành động cụ thể trong triển khai thực hiện nhiệm vụ của mỗi cá nhân, đơn vị; Đồng thời, hứa quyết tâm với tinh thần trách nhiệm cao nhất để vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. /.

Thu Hòa

HỘI THẢO TRỰC TUYẾN THỐNG NHẤT PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

Sáng ngày 06/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội thảo trực tuyến thống nhất phương án điều tra doanh nghiệp năm 2022. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chủ trì Hội thảo.

Tham dự hội thảo có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến, đại diện lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị liên quan thuộc TCTK.

Tại Hội thảo, Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (Cục TTDL) đã giới thiệu về Dự thảo Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2022, theo đó điều tra doanh nghiệp năm 2022 thu thập các thông tin về doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã với mục đích: Phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương; Tính chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP), Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) năm 2021, các chỉ tiêu thống kê khác thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và các chỉ tiêu thống kê của các chuyên ngành kinh tế; Biên soạn "Sách trắng doanh nghiệp năm 2023" và "Sách trắng hợp tác xã năm 2023"; Cập nhật cơ sở dữ liệu làm mẫu của các cuộc điều tra thống kê về doanh nghiệp.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 bảo đảm các yêu cầu: Công tác thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố, lưu trữ dữ liệu và bảo mật thông tin cuộc điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra; Thu thập, tổng hợp

và công bố kết quả cuộc điều tra đầy đủ nội dung, bảo đảm chất lượng thông tin đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế; Đáp ứng yêu cầu tổng hợp chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Luật Thống kê; Phù hợp với điều kiện thực tế và ứng dụng triệt để công nghệ thông tin trong điều tra; Tiết kiệm kinh phí thực hiện cuộc điều tra.

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 thực hiện với các doanh nghiệp trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoạt động trong tất cả các ngành quy định trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC 2018), trừ 3 ngành: Ngành O (Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc); Ngành U (Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế); Ngành T (Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình).

Điều tra doanh nghiệp năm 2022 áp dụng điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu. Sử dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến. Thời điểm điều tra vào ngày 01/4/2022. Thời gian thu thập thông tin từ ngày 01/4/2022 đến hết ngày 30/5/2022. Các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra của TCTK (Cục TTDL).

Tại Dự thảo Phương án điều tra cũng đã nêu các nội dung liên quan đến phiếu điều tra, các phân loại thống kê sử dụng trong điều tra, quy trình xử lý và tổng hợp kết quả

điều tra, kế hoạch tiến hành điều tra, tổ chức điều tra, kinh phí...

Hội thảo đã dành nhiều thời gian để các đại biểu tham dự thảo luận, góp ý kiến với các nội dung tại Dự thảo Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2022. Đặc biệt là các nội dung mới liên quan tới điều tra doanh nghiệp năm 2022 bao gồm: Loại hình doanh nghiệp theo thiết kế mới; Bổ sung 2 Tập đoàn, Tổng công ty vào danh sách điều tra; Thời điểm và thời gian điều tra; Các loại phiếu điều tra; Kế hoạch thực hiện; Chọn mẫu điều tra...

Tiếp sau Hội thảo này, sáng ngày 10/8, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tiếp tục tổ chức Họp trực tuyến thống nhất một số nội dung về Phương án Điều tra doanh nghiệp năm 2022. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc Họp.

Tại cuộc họp, các đại biểu tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến vào các nội dung trong Dự thảo Phương án điều tra doanh nghiệp năm 2022 như: Loại hình doanh nghiệp; Thông tin về lao động; Các loại phiếu điều tra; tình hình sản xuất kinh doanh; tích lũy tài sản cố định.

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các đại biểu, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương yêu cầu Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê tiếp tục hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung gửi về các đơn vị liên quan tiếp tục lấy ý kiến đóng góp trong thời gian sớm nhất./

Thu Hòa - Minh Thư

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC TRỰC TUYẾN VỚI BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG

Chiều ngày 10/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi làm việc trực tuyến với Ban Kinh tế Trung ương (KTTW) về triển khai công tác hợp tác thông tin, dữ liệu và phân tích dự báo. Ông Đỗ Ngọc An, Phó Trưởng Ban KTTW và Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương tham dự và chỉ đạo buổi làm việc.

Tham dự buổi làm việc, về phía Tổng cục Thống kê còn có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Tổng cục. Về phía Ban Kinh tế Trung ương, có lãnh đạo Trung tâm Thông tin, Phân tích và Dự báo kinh tế; đại diện một số đơn vị liên quan.

Phát biểu tại buổi làm việc, ông Đỗ Ngọc An, Phó Trưởng Ban KTTW cho biết, năm 2014 hai bên đã ký kết quy chế hợp tác, chia sẻ dữ liệu, song việc thực hiện chủ yếu giải quyết các sự vụ. Hiện Ban KTTW đang xây dựng Đề án để báo cáo tại Hội nghị Trung ương 5, phục vụ việc xây dựng và ban hành Nghị quyết mới về sửa đổi chính sách pháp luật về đất đai; Chương trình báo cáo về tình hình và những thách thức của dịch bệnh Covid-19 đối với kinh tế - xã hội Việt Nam cũng như kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới. Đảm nhiệm nhiệm vụ mới tại Ban KTTW là chỉ đạo mảng công tác Thông tin, Phân tích và Dự báo kinh tế, Phó Trưởng Ban KTTW Đỗ Ngọc An mong muốn hai bên có sự hợp tác chặt chẽ và tốt đẹp trong thời gian tới.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cũng chia sẻ, đến nay TCTK đã ký kết gần 20 quy chế phối hợp với các bộ, ban, ngành. TCTK sẵn sàng chia sẻ thông tin

thống kê được công bố rộng rãi theo lịch phổ biến thông tin thống kê cho Ban KTTW. Đối với nhu cầu thông tin phục vụ việc xây dựng các đề án, chương trình của Ban KTTW, hai bên cần có những trao đổi cụ thể để làm rõ những chỉ tiêu cần chia sẻ, từ đó cung cấp những công cụ mạnh mẽ để Đảng và Nhà nước đưa ra quyết sách điều hành kinh tế - xã hội.

Cùng quan điểm sẵn sàng hợp tác, chia sẻ thông tin với Ban KTTW của Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho rằng hai bên cần rà soát, đánh giá lại quy chế phối hợp cũ đã được ký kết, từ đó có cơ sở xây dựng quy chế mới, đáp ứng kịp thời yêu cầu của Ban KTTW và tham mưu tốt cho Đảng và Nhà nước xây dựng những chính sách điều hành.

Tại buổi làm việc, hai cơ quan đã trao đổi rõ hơn quan điểm trong việc hợp tác, chia sẻ số liệu thống kê. Sau buổi làm việc, hai bên thống nhất sẽ rà soát lại, đánh giá quy chế phối hợp cũ, nhanh chóng xây dựng quy chế mới để việc ký kết quy chế phối hợp mới sớm được diễn ra vào tháng 9/2021. Đồng thời, hai bên sẽ cùng nhau rà soát các nội dung phối hợp trong thời gian tới về số liệu thống kê, thông tin truyền thông... qua đó có được những sản phẩm phục vụ kịp thời sự lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước. Trước mắt, hai bên sẽ cùng phối hợp thực hiện một số đề án của Ban KTTW như Đề án hoàn thiện các chính sách pháp luật về đất đai, Báo cáo tổng kết thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị...

B.N

HỢP TRỰC TUYẾN RÀ SOÁT VIỆC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ

Chiều ngày 06/8/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức họp trực tuyến rà soát việc thực hiện Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Trung Tiến chủ trì cuộc họp. Tham dự cuộc họp có Lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị thuộc Tổng cục: Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê và Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê.

Ngày 19/12/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg về ban hành Hệ thống chỉ tiêu Thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, có hiệu lực thi hành từ ngày 05/2/2017. Thực hiện Quyết định số 54, ngày 03/10/2017, Tổng cục Thống kê đã gửi Công văn số 725/TCTK-PPCĐ kèm theo hướng dẫn 71 biểu mẫu cấp tỉnh tới các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Cục Thống kê) để Cục Thống kê dự thảo và trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (UBND) ban hành Quyết định phân công Sở, Ban ngành thu thập thông tin của các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh tại địa phương.

Tiếp theo đó, ngày 14/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết 105/NQ-CP về Phiên họp Chính phủ trực tuyến với các địa phương và phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2020, trong đó giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Văn phòng Chính phủ hướng dẫn các địa phương điện tử hóa các chỉ tiêu thống kê theo Quyết định

54/2016/QĐ-TTg VỀ BAN HÀNH CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, bảo đảm khả năng tích hợp kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, hoàn thành trong quý III/2020. Thực hiện Nghị quyết 105/NQ-CP của Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã triển khai nhiệm vụ Nghị quyết 105 giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Tại cuộc họp, đại diện lãnh đạo Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê đã báo cáo về tình hình thực hiện Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 725/TCTK-PPCĐ của Tổng cục Thống kê và thực trạng ban hành chế độ báo cáo thống kê tỉnh, huyện, xã của các địa phương.

Cuộc họp dành nhiều thời gian để các đại biểu trao đổi, thảo luận các vấn đề liên quan và đề xuất nhiều giải pháp để triển khai hiệu quả Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg, đặc biệt là các giải pháp điện tử hóa các chỉ tiêu thống kê.

Kết luận cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến yêu cầu: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê gửi công văn đề nghị các Cục Thống kê về tổng kết đánh giá việc thực hiện Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg, làm cơ sở để triển khai các công việc trong thời gian tiếp theo. Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin thống kê tham mưu Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành công văn giao Tổng cục Thống kê thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết 105 giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời lồng ghép nội dung điện tử hóa các chỉ tiêu thống kê trong đề án công nghệ thông tin của ngành Thống kê trong thời gian tới./.

B.N

CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐẢM BẢO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 GIAI ĐOẠN II

GIA LAI

Thực hiện Tổng điều tra kinh tế giai đoạn I trên địa bàn tỉnh Gia Lai, các công tác rà soát danh sách nền, tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên các cấp, tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tuyên truyền và điều tra thu thập thông tin tại địa bàn đều được thực hiện tốt. Kết quả thực hiện Tổng điều tra giai đoạn I, khối hành chính (Sở Nội Vụ phụ trách) là 714 đơn vị, đạt 100% so với danh sách rà soát; khối sự nghiệp 956 đơn vị/1051 đơn vị, giảm 95 đơn vị so với danh sách rà soát là do sắp xếp sát nhập; khối Hiệp hội: 116 đơn vị/128 đơn vị, giảm 12 đơn vị so với danh sách rà soát là do không thuộc đối tượng điều tra; khối doanh nghiệp, HTX: Tổng số có 5.578 đơn vị, trong đó có 3.209 đơn vị đang hoạt động, 181 đơn vị tạm ngừng hoạt động, 591 đơn vị ngừng hoạt động, chờ giải thể, 192 đơn vị giải thể, phá sản; 1.224 đơn vị không có doanh thu, không có chi phí sản xuất; 181 đơn vị không tìm thấy.





Thực hiện TĐT kinh tế năm 2021 giai đoạn II tính đến ngày 28/7/2021, toàn tỉnh Gia Lai đã hoàn thành công tác thu thập thông tin, cụ thể: Đối với cơ sở SXKD cá thể đã hoàn thành: 56.778 cơ sở/61.577 cơ sở đạt 92,21%. Đối với cơ sở tôn giáo,, tín ngưỡng đã hoàn thành: 260 cơ sở/278 cơ sở đạt 93,5%. Số cơ sở SXKD cá thể không còn tại địa bàn/không còn SXKD là: 4.330 cơ sở, chiếm 7,03%.

Quá trình thu thập thông tin TĐT Kinh tế năm 2021 của tỉnh Gia Lai gặp khá nhiều thuận lợi, như: Sự lãnh đạo kịp thời của UBND tỉnh; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban ngành của tỉnh, nhất là Cục Thuế tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Kế hoạch và Đầu tư... Công tác tuyên truyền được triển khai rộng khắp; Lực lượng điều tra viên phần lớn là những người còn trẻ tuổi, có trình độ và ở tại địa phương nên rất thuận lợi trong việc tiếp thu nghiệp vụ điều tra, sử dụng thông thạo phần mềm CAPI và thông thuộc địa bàn điều tra, dễ dàng tiếp cận và thu thập thập thông tin đối tượng điều tra.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn một số khó khăn như:

(i) Đối với giai đoạn I: Các đơn vị hiệp hội việc thu thập thông tin qua hình thức tự kê khai trên Web form không thuận lợi, do đa số các đơn vị hiệp hội có nhiều người lớn tuổi, thời gian làm việc ít, không thường xuyên...; Có sự chậm trễ trong việc tự kê khai thông tin của doanh nghiệp; Những doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ hoạt động không ổn định, không có kế toán theo dõi sổ sách, nên doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn trong việc tự kê khai thông tin; Nhiều doanh nghiệp có địa chỉ đăng ký trụ sở hoạt động trên giấy phép

kinh doanh không chính xác, đồng thời không có đầy đủ thông tin liên lạc để ĐTV hướng dẫn việc kê khai; Hiện tượng nhiều doanh nghiệp đăng ký kinh doanh nhưng thực tế không hoạt động SXKD.

(ii) Đối với giai đoạn II: Dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Gia Lai diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến tiến độ điều tra; Đối tượng thu thập thập tin là các cơ sở SXKD cá thể nên việc tiếp cận để phỏng vấn thông tin cũng có nhiều khó khăn hơn, nhất là khu vực các chợ; Các chỉ tiêu thu thập như doanh thu, chi phí, giá vốn... rất khó khai thác được thông tin chính xác; Một cơ sở có thể kinh doanh đa ngành nghề nên việc xác định đủ ngành nghề SXKD và tra cứu đúng mã ngành, mã sản phẩm đối với các điều tra viên trong những ngày đầu lúng túng và khó khăn.../.

BN (tổng hợp theo nguồn của Cục Thống kê tỉnh Gia Lai)

QUẢNG BÌNH

Chú trọng công tác chuẩn bị cho TĐT

Thực hiện Tổng điều tra kinh tế năm 2021, toàn tỉnh Quảng Bình đã thành lập 152 Ban Chỉ đạo (BCĐ) các cấp, bao gồm: 01 BCĐ Cấp tỉnh gồm 14 thành viên; 8 BCĐ cấp huyện với 97 thành viên; 143 BCĐ cấp xã với 707 thành viên (có 8 xã không đủ điều kiện thành lập BCĐ).

Tỉnh Quảng Bình đã làm tốt công tác tuyển chọn điều tra viên, tập huấn và tuyên truyền Tổng điều tra. BCĐ cấp huyện đã tiến hành tuyển chọn và trưng tập 379 điều tra viên (ĐTV) và tổ chức 14 lớp tập huấn trong toàn tỉnh với số lượng đại biểu tham gia

tập huấn cấp huyện là 714 người. Đến ngày 25/6/2021, cấp huyện đã hoàn thành công tác tập huấn, chất lượng đào tạo các lớp tập huấn tương đối tốt, sau khi hoàn thành lớp đầu, ban tổ chức các lớp học đều có tổ chức họp rút kinh nghiệm về cách giảng dạy, cách bố trí chương trình, cách tổ chức lớp học, cách tổ chức thực hành đảm bảo đúng quy trình và có hiệu quả.

BCĐ tỉnh đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan truyền thông và các đơn vị liên quan thực hiện truyền truyền bằng nhiều hình thức như treo logo, băng rôn, khẩu hiệu, thực hiện các phóng sự phỏng vấn và phát file MP3 hỏi đáp về Tổng điều tra trên hệ thống loa truyền thanh của xã, tổ dân phố, thôn, bản...

Đặc biệt, để đảm bảo đường truyền Internet và thực hiện tốt cuộc TĐT trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Bình yêu cầu các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, cơ sở phát hành xuất bản phẩm, in, photocopy hoạt động trên địa bàn tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương và của tỉnh về cuộc TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021; tổ chức rà soát mạng lưới hạ tầng viễn thông, bảo đảm chất lượng dịch vụ kết nối Internet băng rộng hữu tuyến và vô tuyến (3G, 4G) phục vụ các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, các đơn vị thuộc đối tượng điều tra trên địa bàn tỉnh thực hiện kê khai, cung cấp thông tin phiếu điều tra trực tuyến trong thời gian diễn ra TĐT kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, kịp thời phối hợp xử lý các sự cố liên quan dịch vụ

kết nối Internet tại trụ sở cơ quan Thường trực BCD tỉnh, cấp huyện (Sở Nội vụ, Cục Thống kê; Phòng Nội vụ, Chi cục Thống kê) và UBND cấp xã. Nhờ đó, chất lượng đường truyền Internet trong quá trình thu thập thông tin đối với các đối tượng điều tra tại các địa phương trong tỉnh cơ bản được đảm bảo.

Công tác thu thập thông tin hoàn thành

Tính đến ngày 30/4/2021, toàn tỉnh Quảng Bình đã hoàn thành công tác điều tra các đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo đúng Phương án TĐT quy định. Kết quả số lượng các đơn vị sự nghiệp, hiệp hội hoàn thành kê khai phiếu là 830 đơn vị (tỷ lệ đơn vị hoàn thành kê khai đạt 100%); trong đó, đơn vị sự nghiệp là 718 phiếu, tổ chức hiệp hội là 112 phiếu.

Theo Phương án TĐT, đối với điều tra doanh nghiệp, thời gian thu thập thông tin bắt đầu từ ngày 01/3/2021 và thời gian kết thúc là ngày 30/5/2021. Tính đến ngày 29/5/2021, toàn tỉnh đã hoàn thành điều tra 100% doanh nghiệp (DN) thuộc đối tượng phải thực hiện kê khai và đến ngày 30/5/2021, điều tra viên (ĐTV) xác nhận hoàn thành 100% DN.

Thực hiện triển khai thu thập thông tin TĐT trong giai đoạn II đối với các cơ sở SXKD cá thể; tôn giáo, tín ngưỡng từ ngày 01/7/2021 đến ngày 30/7/2021 từ 7h30 ngày 01/7/2021, tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã khẩn trương thực hiện công tác điều tra ghi phiếu; đồng thời, trong ngày đầu ra quân ĐTV các xã đã điều tra một số hộ và tổ chức góp ý, rút kinh nghiệm chung về các vấn đề

như: Thực hiện quy trình phỏng vấn, cách đặt vấn đề tiếp cận hộ, xác định tài sản, nguồn vốn, doanh thu, mã ngành, mã sản phẩm, đơn vị tính... sau đó ĐTV mới tiến hành điều tra theo địa bàn đã được phân công, nên cơ bản đã hạn chế đáng kể các lỗi hệ thống mắc phải trong quá trình điều tra. Từ ngày 01-25/7/2021 đã có 67.261 hộ SXKD cá thể được ĐTV sử dụng phiếu CAPI để thực hiện thu thập thông tin, trong đó, có 2.275 hộ điều tra phiếu mẫu (phiếu 2/CT-M) và 64.968 hộ điều tra phiếu toàn bộ (phiếu 2/CT-TB).

Như vậy, tính đến ngày 29/7/2021, toàn tỉnh đã hoàn thành điều tra 100% cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và 100% cơ sở tôn giáo tín ngưỡng thuộc đối tượng phải thực hiện điều tra. Hiện tại, BCD các cấp đang tập trung chỉ đạo công tác kiểm tra, xác minh và hoàn thiện phiếu điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, cơ sở tôn giáo tín ngưỡng đảm bảo chất lượng thông tin theo đúng quy định của Phương án Tổng điều tra./.

BN (Tổng hợp theo nguồn của Cục Thống kê tỉnh Quảng Bình)

BẮC NINH

Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh cho biết, mặc dù diễn ra trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp, song Tổng điều tra kinh tế năm 2021 giai đoạn II trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành, đạt 99% kế hoạch.

Thực hiện từ 01/7 đến hết 30/7/2021, Tổng điều tra giai đoạn II tiến hành thu thập thông tin đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp

và thủy sản; Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng. Trong đó, tổng số cơ sở điều tra trên địa bàn tỉnh đối với cá thể là hơn 125.000 mẫu; gần 1.240 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng thuộc diện điều tra lên hệ thống. Trong đợt điều tra lần này có 742 người tham gia công tác rà soát cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và 764 điều tra viên, dự phòng thêm 3%.

Tính đến ngày 30/7, Bắc Ninh hoàn thành gần 99% số mẫu cá thể; Hoàn thành 100% cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Đối với số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể còn lại chưa hoàn thành điều tra là do ảnh hưởng của dịch Covid-19, một số địa bàn hiện đang thực hiện Chỉ thị số 16 của Thủ tướng Chính phủ hoặc khu vực đang thực hiện cách ly y tế. Do vậy, điều tra viên chưa thể tiếp cận để tiến hành điều tra.

Trong giai đoạn II, Ban Chỉ đạo tỉnh đang tiến hành kiểm tra, đối chứng số liệu kết quả điều tra đã hoàn thành giai đoạn I của 376 đơn vị hành chính; 631 đơn vị sự nghiệp; 71 đơn vị hiệp hội. Riêng khối doanh nghiệp thời gian kết thúc điều tra trước 30/8/2021, đến nay, Bắc Ninh đã hoàn thành hơn 93% điều tra đối với doanh nghiệp./.

TH (Tổng hợp từ nguồn của Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh)

QUẢNG NAM

Tổng điều tra kinh tế năm 2021 giai đoạn I (thực hiện điều tra các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, hiệp hội – tiến hành điều tra từ ngày 01/3/2021), tỉnh Quảng Nam đã hoàn thành công tác thu thập thông tin khối doanh nghiệp trước ngày 30/7/2021 với 9.255 doanh nghiệp; khối sự nghiệp,

hiệp hội hoàn thành kê khai phiếu trước ngày 30/4/2021 là 1.128 đơn vị (tỷ lệ đơn vị hoàn thành kê khai đạt 100%); trong đó, đơn vị sự nghiệp 981 phiếu, tổ chức hiệp hội là 147 phiếu.

Giai đoạn II (thực hiện điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể và cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng) toàn tỉnh đã hoàn thành công tác thu thập thông tin 100% phiếu cá thể, tôn giáo vào ngày 26/7/2021 (trước thời gian quy định của Trung ương 4 ngày) với 92.172 phiếu cá thể và 436 phiếu tôn giáo, tín ngưỡng.

Đánh giá sơ bộ cuộc TĐT lần này trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã tiến hành theo đúng kế hoạch, phương án điều tra, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Tính đến ngày 30/7/2021, Quảng Nam cơ bản hoàn tất công tác điều tra, trong đó đã tiến hành điều tra 99,74% doanh nghiệp; 100% cơ sở kinh doanh cá thể, các tổ chức tôn giáo; 100% đơn vị sự nghiệp và hiệp hội trên địa bàn tỉnh.

Về công tác chuẩn bị TĐT, toàn tỉnh Quảng Nam đã thành lập 240 BCĐ các cấp để triển khai công tác Tổng điều tra, bao gồm 01 BCĐ cấp tỉnh với 34 thành viên; 18 BCĐ cấp huyện với 413 thành viên; 221 BCĐ cấp xã với 1.011 thành viên (có 20 xã không đủ điều kiện thành lập BCĐ).

Bên cạnh việc thành lập, củng cố BCĐ và bộ máy giúp việc, công tác lập, rà soát danh sách đơn vị điều tra cũng được chú trọng bảo đảm tránh trùng lặp, bỏ sót đối tượng điều tra. Đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp và chi nhánh BCĐ TĐT tỉnh đã phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh rà soát cập nhật, bổ sung thông tin cho hơn 9.800 doanh nghiệp,

chi nhánh doanh nghiệp; đối với danh sách đơn vị sự nghiệp và hiệp hội, Tổ thường trực tỉnh và Sở Nội vụ đã tiến hành rà soát hơn 1.290 đơn vị (trong đó: 1.034 đơn vị sự nghiệp); số cơ sở SXKD cá thể trên địa bàn sau rà soát gần 94,7 nghìn cơ sở và 436 cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

Công tác tổ chức tập huấn được BCĐ TĐT tỉnh thực hiện đúng theo quy định của Phương án TĐT. Toàn tỉnh đã tổ chức 25 lớp tập huấn nghiệp vụ TĐT, trong đó cấp tỉnh tổ chức 01 lớp với 105 người tham dự, cấp huyện tổ chức 24 lớp. Toàn tỉnh đã huy động 839 điều tra viên tham gia công tác TĐT, trong đó trung tập thêm 266 điều tra viên ngoài quy định của Trung ương.

Công tác truyền truyền thực hiện bằng nhiều hình thức như dựng Pano (loại lớn), logo, băng rôn, khẩu hiệu, thực hiện các phóng sự phỏng vấn và phát file MP3 hỏi đáp về Tổng điều tra trên hệ thống loa truyền thanh của xã, tổ dân phố, thôn, bản.

Ngoài ra, BCĐ TĐT tỉnh còn phối hợp Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Truyền thông thành phố Tam Kỳ thực hiện tuyên truyền công tác TĐT bằng xe lưu động gắn các câu khẩu hiệu và loa phát câu hỏi - đáp, trailer tuyên truyền về TĐT. Tổ chức Lễ ra quân tại phường An Xuân, thành phố Tam Kỳ.

BCĐ TĐT cấp xã lồng ghép tuyên truyền công tác TĐT tại các buổi họp thôn, ấp, bản, tổ, khối phố, tuyên truyền bằng loa di động để thông báo mục đích, yêu cầu, nội dung của cuộc TĐT để các đối tượng điều tra biết và phối hợp...

Bên cạnh một số yếu tố thuận lợi như: Công tác tuyên truyền được tăng cường, triển khai đồng bộ;

công tác tham mưu, chỉ đạo kịp thời, quyết liệt; BCĐ tỉnh chủ động xây dựng các bước kiểm tra nghiệp vụ, nhất là kiểm tra dữ liệu lớn, đối chiếu với các cuộc điều tra, TĐT trước và nhận định tình hình kinh tế, xã hội phát sinh thực tế để phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường đến từng địa bàn... qua đó tổ chức giám sát chuyên đề để khắc phục nhanh chóng sai sót hạn chế tối đa ảnh hưởng đến chất lượng của dữ liệu.

Tuy vậy, cuộc TĐT tại Quảng Nam cũng không tránh khỏi những khó khăn, vướng mắc. Trong đó, có thể thấy, TĐT lần này có phạm vi rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều đối tượng điều tra, công tác TĐT thực hiện trong giai đoạn toàn ngành sắp xếp lại mô hình mới có sự biến động nhiều về tổ chức, con người, các quy chế phối hợp giữa các cấp còn trong giai đoạn dự thảo, công tác phối hợp giữa các phòng thuộc Cục Thống kê chưa đi vào ổn định đã ảnh hưởng rất nhiều đến công tác triển khai.

Đặc biệt, TĐT thực hiện trong giai đoạn cả nước chung tay phòng chống dịch Covid-19, ngân sách Trung ương cắt giảm rất nhiều ở các bước triển khai TĐT nhất là công tác tuyên truyền, bên cạnh đó kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương cũng bị sụt giảm do ảnh hưởng dịch bệnh, do vậy ảnh hưởng ít nhiều đến công tác chuẩn bị và triển khai TĐT.

Bên cạnh đó, dịch bệnh diễn biến phức tạp cũng đã ảnh hưởng trên diện rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống và tâm lý của nhân dân, doanh nghiệp, do đó việc phối hợp cung cấp thông tin có lúc có nơi còn chưa tốt./.

Lê Quý Đạt (Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam)



SỰ CẦN THIẾT TRONG VIỆC

KHAI THÁC DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH ĐỂ SẢN XUẤT THÔNG TIN THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

Cục Thu thập DL và Ứng dụng CNTT Thống kê - TCTK

Trên thế giới

Trên thế giới có một số nước ứng dụng khai thác, sử dụng dữ liệu hành chính (DLHC) phục vụ cho mục đích thống kê đã được thực hiện từ lâu và rất thành công.

Có thể kể đến các nước trong khối Scandinavia như: Na-Uy, Thụy Điển, Đan Mạch và Phần Lan đã sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê từ rất sớm và khá thành công. Cụ thể: Ở Đan Mạch, dữ liệu hành chính được xây dựng căn cứ vào sổ đăng ký chính của họ - Sổ Đăng ký Cá nhân Trung tâm (CPR), Sổ Đăng ký kinh doanh (CVR) và Sổ Đăng ký Nhà ở và Hộ Gia đình (BBR). Ở Phần Lan, việc khai thác sử dụng dữ liệu hành chính cho mục đích sản xuất số liệu thống kê kinh tế - xã hội được xây dựng ngay từ trong luật và thực hiện rất tốt. Thống kê Phần Lan (cụ thể là văn phòng thống kê trung ương) thu thập gần như tất cả (chiếm khoảng 93%) dữ liệu từ các nguồn hành chính. Từ năm 1990,

Phần Lan cũng đã hoàn toàn dựa vào dữ liệu hành chính để thực hiện điều tra dân số và nhà ở. Ngay trong các văn bản quy phạm pháp luật của mình, Phần Lan cũng dựa trên nguyên tắc cốt lõi là khai thác và tận dụng tối đa nguồn dữ liệu hành chính để đưa ra các quyết sách.

Bên cạnh các nước trong khối Scandinavia, hiện nay trên thế giới việc nghiên cứu ứng dụng khai thác dữ liệu hành chính trong sản xuất số liệu thống kê đã và đang dần được chú trọng, có nhiều nghiên cứu và đã được áp dụng thành công ở một số nước Châu Á (Sinh-ga-po, Hàn Quốc) cũng như một số nước Châu Âu (Đan Mạch, Na-uy, Đức, Anh...) và Châu Úc (Australia) hay như ở các nước Bắc Mỹ (Ca-na-đa).

Tại Ca-na-đa, từ năm 1921 cơ quan Thống kê của nước này đã thu thập các dữ liệu thống kê quan trọng từ các tỉnh cũng như các vùng lãnh thổ của họ. Ngoài ra

Ca-na-đa đã nhập và xuất dữ liệu về các doanh nghiệp trên lãnh thổ của mình từ những 1938. Có thể nói, tính đến nay Ca-na-đa đã sử dụng dữ liệu hành chính trong gần một thế kỷ. Hiện tại, cơ quan thống kê Ca-na-đa đang sử dụng hơn 800 tệp dữ liệu hành chính trong công tác thống kê và 40% các chương trình của thống kê Ca-na-đa dựa trên toàn bộ hoặc một phần dữ liệu hành chính sẵn có.

Tại Việt Nam

Hiện nay, Tổng cục Thống kê (TCTK) sử dụng 3 nguồn dữ liệu chính: dữ liệu từ điều tra, DLHC và các báo cáo thống kê. Theo nhận định, nguồn dữ liệu từ chế độ báo cáo và DLHC có thể cung cấp thông tin tính toán khoảng gần một nửa trong tổng số 350 chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu Thống kê quốc gia. Đối với các báo cáo thống kê, nguồn dữ liệu đầu vào phục vụ cho báo cáo lại chính là các nguồn DLHC của khu vực công.

Từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017, Tổng cục Thống kê đã nhận được sự hỗ trợ từ UN-ESCAP giúp xây dựng phần mềm chiết xuất số liệu thống kê kinh tế từ dữ liệu thuế, dựa trên Biên bản ghi nhớ giữa Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế (ban hành ngày 10 tháng 11 năm 2015).

Tổng cục Thống kê cũng đang xúc tiến hợp tác với Tổng cục Hải quan trong việc xây dựng quy trình, biểu mẫu và thử nghiệm sử dụng dữ liệu hải quan để sản xuất số liệu thống kê xuất nhập khẩu. Liên quan tới việc sử dụng số liệu hành chính trong thống kê giáo dục, cơ quan Thống kê Đan Mạch đã thực hiện đợt khảo sát thí điểm một số trường tiểu học, trung học cơ sở và đại học tại tỉnh Bắc Ninh để xem xét, đánh giá việc sử dụng dữ liệu hành chính trong sản xuất số liệu thống kê cũng như luồng dữ liệu từ các trường đến cơ quan chủ quản, từ đó nghiên cứu xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở để tìm các nhà tài trợ thực hiện dự án cho Tổng cục Thống kê.

Ngoài ra, hoạt động đăng ký hộ tịch hiện đang được thiết kế và thực hiện tại Việt Nam, điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp chuyển dịch việc sản xuất một số chỉ tiêu thống kê nhất định từ điều tra thống kê sang sử dụng hồ sơ hành chính, đặc biệt việc sử dụng duy nhất một định danh cá nhân sẽ giúp Tổng cục Thống kê xây dựng kho dữ liệu chuỗi thời gian theo chiều dọc (longitudinal time series) trong lĩnh vực thống kê xã hội.

Dự án “Hiện đại hóa sản xuất thống kê của Việt Nam” do Ngân hàng Thế giới (WB) hỗ trợ cũng đang bước đầu giúp Việt Nam trong việc đánh giá và lồng ghép dữ liệu hành chính về giáo dục, thuế và hải quan phục vụ sản xuất số liệu thống kê nhà nước.

Ngày 22/5/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 714/QĐ-TTg về Danh mục Cơ sở dữ liệu

STT	Cơ sở dữ liệu quốc gia	Cơ quan chủ quản	Mô tả vắn tắt
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư	Bộ Công an	Thông tin gốc về người dân phục vụ quản lý hành chính về cư trú, hộ tịch và sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến người dân
2	Cơ sở dữ liệu Đất đai quốc gia	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tin về sử dụng đất đai
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Lưu trữ thông tin cơ bản về doanh nghiệp, phục vụ: Quản lý và chia sẻ, sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước; đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp
4	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Thống kê tổng hợp về dân số	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Thông tin tổng hợp về người dân phục vụ chia sẻ, dùng chung đa ngành, đa lĩnh vực
5	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính	Bộ Tài chính	Thông tin cơ bản về tài chính, ngân sách như: Thu/chi ngân sách nhà nước; nợ công; vốn nhà nước tại doanh nghiệp...
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Thông tin cơ bản về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội

quốc gia (CSDLQG). Theo đó cần ưu tiên triển khai khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử, bao gồm 6 CSDLQG.

Có thể thấy, việc khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính trong sản xuất thông tin thống kê đang trở thành xu hướng mới trong công tác thống kê của nhiều nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Sự cấp thiết khai thác dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê

Thực tế việc khai thác dữ liệu hành chính phục vụ sản xuất thông tin thống kê hiện nay là vô cùng cần thiết bởi những lý do sau:

Thứ nhất, xuất phát từ chính bản thân những ưu thế mà nguồn dữ liệu hành chính mang đến.

Một là, giảm chi phí thu thập số liệu thống kê

Nguồn dữ liệu hành chính là nguồn dữ liệu lớn, đa dạng và sẵn có, vì vậy nếu các cơ quan thống kê khi khai thác sử dụng nguồn dữ liệu này để sản xuất số liệu thống kê nhà nước thì sẽ tiết kiệm

được chi phí so với việc thu thập dữ liệu thống kê thông qua các cuộc điều tra bởi sẽ không mất thêm các khoản chi phí khác, ngoại trừ các khoản phụ phí hoặc chi phí liên quan đến làm sạch dữ liệu.

Trong một vài trường hợp hoặc một vài khâu chi phí để thu thập, khai thác DLHC gần bằng chi phí thu thập dữ liệu ở các cuộc điều tra tại địa bàn, tuy nhiên nếu xét toàn bộ quá trình từ lúc bắt đầu thu thập cho đến khi kết thúc để có thể ra được một bộ dữ liệu hoàn chỉnh thì khai thác DLHC có giá rẻ hơn nhiều.

Từ bảng chi phí cho cuộc tổng điều tra dân số và nhà ở của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu năm 2000-2001 (Theo Bảng 22 của ấn phẩm Eurostat) cho thấy sự khác biệt lớn về chi phí trên đầu người giữa Phần Lan, quốc gia điều tra dân số dựa trên các nguồn hành chính so với các quốc gia khác như Anh và Úc là hai quốc gia sử dụng bảng câu hỏi truyền thống.

Quốc gia	Tổng chi phí (Triệu EURO)	Chi phí bình quân một người (EURO)
Bi	24	2.3
Hy Lạp	50	4.5
Tây Ba Nha	167	4.1
Pháp	248	4.1
Ai len	44	11.2
Ý	298	5.3
Tiếp khác	5	10.6
Úc	56	6.9
Bồ Đào Nha	46	4.5
Phần Lan	0.8	0.2
Anh	367	6.2
Na Uy	15	3.3
Thụy sỹ	99	13.6
Séc	80	7.8
Es-tôn-nia	10	7.4
Hung ga ry	40	3.9

Hai là, giảm tải gánh nặng của thu thập thông tin thống kê

Khi khai thác nguồn dữ liệu hành chính sẵn có sẽ giúp giảm tải gánh nặng đáng kể so với quy trình khai thác sản xuất số liệu thống kê truyền thống. Gồm: (i) Giảm gánh nặng về nguồn nhân lực và thủ tục hành chính. Việc giảm khối lượng thông tin cần thu thập trong bảng hỏi của các cuộc điều tra sẽ giúp giảm tải các gánh nặng về công tác chuẩn bị, tập huấn điều tra, các thủ tục hành chính cũng như giảm thời gian thu thập thông tin tại địa bàn. (ii) Giảm gánh nặng đối với người được phỏng vấn trong các cuộc điều tra. Việc tận dụng khai thác nguồn DLHC để giảm tải các chỉ tiêu cần thu thập qua điều tra, điều này sẽ giúp giảm gánh nặng đối với người trả lời.

Ba là, tính kịp thời và mức độ thường xuyên, liên tục của số liệu

(i) Thông tin thu thập từ các cuộc điều tra chuyên môn luôn có độ trễ nhất định do để triển khai một cuộc điều tra thống kê cần phải được tiến hành đúng theo trình tự, đảm bảo đúng và đầy đủ tất cả

các khâu. Đặc biệt, đối với công tác thu thập thông tin tại địa bàn luôn mất một khoảng thời gian khá dài và sẽ luôn phát sinh các vấn đề ngoài dự tính trong quá trình điều tra làm tăng độ trễ của số liệu. Số liệu thu thập tại địa bàn sau đó sẽ cần khoảng thời gian để nhập tin, rà soát, làm sạch trước khi tiến hành tổng hợp, phân tích và tính toán.

Trái lại, với nguồn DLHC thì các thông tin đã sẵn có không cần phải tiến hành các khâu: chuẩn bị, tập huấn và triển khai thu thập dưới địa bàn.

(ii) Mức độ thường xuyên, liên tục của nguồn số liệu:

Dữ liệu hành chính là dữ liệu được thu thập có tính liên tục, trực tiếp. Các DLHC luôn được cập nhật thường xuyên hàng năm, hàng quý, hàng tháng và thậm chí hàng ngày, hàng giờ tùy thuộc vào nhu cầu về nguồn dữ liệu theo quy định của pháp luật. Đối với quá trình phân tích xu hướng của các hiện tượng kinh tế - xã hội và dự báo thống kê thì việc có được nguồn số liệu thường xuyên liên tục cập nhật theo một chuỗi thời gian như vậy là điều thực sự cần thiết, có thể nói đây được xem là một trong những thế mạnh thực sự của nguồn dữ liệu hành chính.

Trong khi thông tin thống kê cập nhật theo hàng tháng, hàng quý thu thập, tổng hợp từ các cuộc tổng điều tra, điều tra chọn mẫu hay điều tra chuyên đề... là không khả thi. Các cuộc điều tra từ nguồn ngân sách hay được tài trợ để khi tiến hành thường sẽ thực hiện theo định kỳ hàng năm hoặc 3 đến 5 năm hoặc lâu hơn (ví dụ: tổng điều tra dân số và nhà ở diễn ra 5 năm hoặc 10 tùy từng quốc gia, ở Việt Nam được tiến hành 10 năm một lần).

Bốn là, cung cấp các thông tin mang tính “lịch sử”

Nguồn DLHC có thể giúp cho các nhà làm thống kê cũng như các cơ quan thống kê có thể khai thác và phân tích dữ liệu theo một chuỗi thời gian giúp nghiên cứu được sự biến đổi của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn theo thời gian, từ đó có thể chỉ ra được bước ngoặt biến đổi của các hiện tượng kinh tế - xã hội và gắn nó với sự biến đổi về mặt lịch sử, chính trị, văn hóa và xã hội của mỗi quốc gia cũng như của toàn thế giới.

Năm là, có độ bao phủ rộng, thông tin đa dạng và phân tổ được theo nhiều tiêu thức

Dữ liệu hành chính được thu thập dựa trên quy định của pháp luật phục vụ công tác quản lý của các cơ quan hành chính của tất cả từ các cơ quan, tổ chức đến các cá nhân, chính vì thế, dữ liệu hành chính sẽ có độ bao phủ rộng. Ở nhiều quốc gia trên thế giới hay ở một số lĩnh vực cụ thể thì DLHC có tính bao phủ gần như 100% dân số giúp có thể phân tổ cũng như đảm bảo độ tin cậy ở cấp nhỏ.

Sáu là, giảm sai số trong điều tra thống kê

Trong nghiên cứu thống kê có hai loại sai số là “sai số phi chọn mẫu” và “sai số chọn mẫu”. Sai số phi chọn mẫu là sai số do đăng ký, ghi chép và nó xảy ra với tất cả các cuộc điều tra thống kê (điều tra mẫu, điều tra trọng điểm, điều tra chuyên đề và tổng điều tra) cũng như xảy ra đối với cả công tác tổng hợp báo cáo thống kê định kỳ. Sai số chọn mẫu hay còn gọi là sai số do tính đại diện, sai số này chỉ xảy ra trong điều tra chọn mẫu. Cả hai loại sai số này sẽ được khắc phục thay thế bằng việc khai thác nguồn dữ liệu hành chính sẵn có.

Bảy là, khắc phục hiện tượng từ chối trả lời phỏng vấn

Việc từ chối phỏng vấn là một vấn đề cần được quan tâm trong điều tra thống kê, khi tỷ lệ từ chối phỏng vấn nhiều sẽ làm tăng tỷ lệ dữ liệu bị mất (missing data) dẫn đến làm giảm chất lượng của nguồn số liệu khi chúng ta tiến hành tổng hợp và suy rộng cho tổng thể. DLHC đa phần là các dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật nên các thông tin đăng ký, kê khai luôn luôn được thực hiện, khai thác nguồn DLHC là khai thác nguồn dữ liệu sẵn có, vì vậy sẽ khắc phục được hiện tượng từ chối trả lời ở điều tra thống kê.

Thứ hai, xuất phát từ thực tế nền thống kê Việt Nam

Đối với nền thống kê nước ta hiện nay sẽ khó khăn nếu chỉ dựa trên hệ thống sản xuất số liệu thống kê hiện có. Công tác thống kê ngoài việc cần phải thích ứng liên tục với các yêu cầu mới, để giảm gánh nặng thống kê nhà nước cần phải thay thế các quy trình sản xuất số liệu thống kê tốn kém và cồng kềnh bằng các quy trình sản xuất tích hợp giúp tiết kiệm chi phí, thời gian, kết hợp với việc sử dụng mới và mở rộng các nguồn dữ liệu hiện có, dựa nhiều hơn vào các dữ liệu hành chính sẵn có từ các cơ quan chính phủ.

Luật Thống kê số 89/2015/QH13 Mục 1 Chương III (từ Điều 36 đến Điều 39) đã có những quy định về việc sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước cho thấy Chính phủ và Tổng cục Thống kê luôn ý thức rằng việc sử dụng dữ liệu hành chính cho công tác sản xuất số liệu thống kê là hết sức cần thiết. Tuy nhiên thực tế hiện nay, Tổng cục Thống kê vẫn chỉ thu thập các thông tin thống kê dựa trên hai kênh chủ yếu là điều tra thống kê và chế độ báo cáo

thống kê (thông qua các các thông tin từ các báo cáo thống kê của các bộ, ngành và địa phương), trong khi việc thu thập và khai thác thông tin từ các nguồn dữ liệu hành chính vẫn đang bị bỏ ngỏ.

Cuối cùng, hiện nay nguồn dữ liệu hành chính khá đầy đủ và sẵn có ở rất nhiều lĩnh vực liên quan đến thống kê kinh tế, tài chính hay xã hội và môi trường như: Thuế, Hải quan, Y tế, Văn hóa, Giáo dục, Thông tin Truyền thông, Tội phạm, An toàn Giao thông,... nên có thể thấy việc sử dụng dữ liệu hành chính có tiềm năng rất lớn phục vụ trong công tác thống kê nếu được khai thác và tận dụng.

Có thể thấy, việc khai thác sử dụng nguồn dữ liệu hành chính là cần thiết, tuy nhiên hiện nay trong công tác Thống kê vẫn chưa được khai thác toàn diện vì các CSDL chuyên ngành vẫn đang thiển để kết nối lên cổng CSDL quốc gia. Hy vọng trong tương lai không xa, khi 6 CSDLQG hoàn thiện và có một khung pháp lý đầy đủ, kết hợp với cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đủ mạnh thì dữ liệu hành chính sẽ là một trong những kênh được khai thác và sử dụng chính trong công tác Thống kê nhà nước./.

Tài liệu tham khảo:

1. Asian Development Bank – *Administrative Data Sources for compiling millennium development goals and related indicators*;
2. Anders Wallgren and Britt Wallgren - *Register - Based Statistics: Statistical Methods for Administrative Data*
3. European Commission (2017), *Hướng tới hệ thống thống kê dựa trên đăng ký hành chính*;
4. CODED Eurostat's Concepts and Definitions Database, Hyperlink: http://ec.europa.eu/eur_stat/ramon/nomenclatures/index.cfm?TargetUrl=DSP_GLOSSARY_NOM_DTL_VIEW&StrNom=COD_ED2&StrLanguageCode=EN&IntKey=20159524&RdoSearch=BEGIN&TxtSearch=adminis&CboTheme=&IsTer=&IntCurrentPage=1&ter_valid=0

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ KINH DOANH ĐA CẤP TẠI VIỆT NAM

Thu Hòa



Tại Việt Nam, tính đến hết năm 2020, trên thị trường có 22 doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận hoạt động bán hàng đa cấp hợp pháp, đạt doanh thu hơn 15.400 tỷ đồng, tổng số thuế các doanh nghiệp đã nộp về ngân sách nhà nước đạt hơn 1.800 tỷ đồng, tạo việc làm cho khoảng 1 triệu lao động... Đây là một phương thức bán hàng được thế giới công nhận và được điều chỉnh chặt chẽ bởi pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng đa cấp, thời gian tới các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định trong lĩnh vực bán hàng đa cấp phù hợp với thực tiễn, đảm bảo duy trì sự phát triển mang lại hiệu quả tốt.

Thực trạng kinh doanh bán hàng đa cấp tại Việt Nam

Tại Việt Nam, kinh doanh bán hàng đa cấp xuất hiện vào đầu những năm 2000, khi gia nhập chính thức Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2006, một trong những điều khoản các nước yêu cầu Việt Nam phải thực hiện là việc chấp thuận hoạt động kinh doanh đa cấp, chính điều này đã tạo ra một làn gió mới thu hút nhiều người tham gia vào lĩnh vực bán hàng đa cấp.

Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (Bộ Công Thương) cho biết, giống như các phương thức bán hàng khác, mục tiêu của bán hàng đa cấp là đưa hàng hóa từ nhà sản xuất trực tiếp đến tay người tiêu dùng nhằm thỏa mãn

nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Hoạt động bán hàng đa cấp có đặc thù khác biệt với các phương thức bán hàng khác, đó là việc tiếp thị bán hàng được thực hiện bằng truyền miệng, không thực hiện các hình thức quảng cáo, marketing như bán hàng truyền thống. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được kinh doanh đối với mặt hàng hàng hóa phải được đăng ký hợp pháp (đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động) và chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng trong quá trình hoạt động.

Các hoạt động kinh doanh đa cấp bị cấm bao gồm: Dịch vụ, hàng hóa nhưng không có giấy chứng nhận do Bộ Công Thương cấp; các hình thức lợi dụng mô hình đa cấp

khác không phải là mua bán hàng hóa như: Tiền ảo, huy động vốn dự án, thương mại điện tử...

Theo đánh giá, tại Việt Nam trong giai đoạn đầu, cùng với sự phát triển của doanh nghiệp bán hàng chân chính, nhiều loại hình đa cấp biến tướng cũng phát triển trên thị trường. Nhiều vụ việc liên quan đến doanh nghiệp đa cấp hoạt động trong giai đoạn trước năm 2016 đã tạo nên những dư luận xấu, gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng cho hàng trăm nghìn người tham gia.

Giai đoạn từ năm 2016 đến nay, công tác chỉ đạo điều hành, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp được đẩy mạnh, qua đó đã nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp

từ trung ương đến địa phương. Nhờ vậy, kinh doanh đa cấp đã dần chuyển sang thực chất và hiệu quả hơn. Cụ thể: Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bán hàng đa cấp năm 2020 đã giảm 67% hiện chỉ còn 22 doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp đang hoạt động hợp pháp, so với 67 doanh nghiệp đầu năm 2016. Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp trong giai đoạn 2016-2020 đạt mức trung bình 800 nghìn người, năm 2018 ghi nhận số lượng người tham gia cao nhất ở mức gần 1 triệu 250 nghìn người. Tuy nhiên, ngược lại với xu hướng giảm mạnh về số lượng doanh nghiệp, tổng doanh thu bán hàng đa cấp trên toàn thị trường tính đến hết năm 2020 đạt khoảng 15.400 tỷ đồng, tăng 22% so với tổng doanh thu năm 2019.

Một số doanh nghiệp đa cấp chính thống tại Việt Nam: Công ty TNHH Amway Việt Nam; Công ty TNHH Một Thành Viên New Image Việt Nam; Công Ty TNHH Nu Skin Việt Nam; Công ty cổ phần Tập đoàn Liên kết Việt Nam (Vinalink Group); Công ty TNHH TM Lô Hội; Công ty TNHH Kyowon The Orm Việt Nam.

Có thể thấy, tỷ lệ nghịch giữa tăng trưởng doanh thu bán hàng đa cấp và biến động số lượng doanh nghiệp bán hàng đa cấp trên thị trường đã phần nào phản ánh sự phát triển dẫn đi vào chiều sâu và chất lượng của lĩnh vực bán hàng đa cấp tại Việt Nam trong thời gian vừa qua. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các hoạt động kinh doanh đa cấp biến tướng đã được triển khai thực hiện hiệu quả. Từ năm 2016, Bộ Công Thương đã tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử phạt hơn 14 tỷ đồng



và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của 24 đơn vị.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, cảnh báo hoạt động kinh doanh đa cấp biến tướng đạt được hiệu quả đáng kể. Nhiều người dân đã có nhận thức tốt hơn về các hoạt động bán hàng đa cấp bất chính và có ý thức phòng tránh cao hơn, nhờ vậy đã giảm thiểu thiệt hại từ các hoạt động bán hàng đa cấp bất chính. Cùng với đó, số lượng đơn thư, khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp có dấu hiệu giảm rõ rệt so với các năm gần đây. Nếu như năm 2016 số lượng đơn khiếu nại tố cáo các doanh nghiệp đa cấp đến hơn 1000 đơn thư thì đến năm 2017 có hơn 700 đơn thư và đến năm 2020 có 79 đơn thư khiếu nại liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp.

Mặc dù, hoạt động kinh doanh đa cấp thời gian qua đã có những tăng trưởng mạnh về doanh thu, gia tăng mức đóng góp thuế vào ngân sách nhà nước với tốc độ

tăng bình quân cao, tuy nhiên, kinh doanh bán hàng đa cấp tại Việt Nam vẫn còn nhiều khoảng trống. Cụ thể: Bên cạnh các doanh nghiệp hoạt động chính thống, còn có không ít doanh nghiệp lợi dụng hình thức kinh doanh theo phương thức đa cấp để thu hút đầu tư, hoạt động bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, mặc dù đã có nhiều người tham gia bán hàng đa cấp và thành công, có thu nhập cao song cũng có một bộ phận không nhỏ người dân chưa hiểu rõ về bán hàng đa cấp, bị dẫn dụ tham gia vào các hình thức đa cấp biến tướng, chịu tổn thất về sức khỏe và tiền bạc. Theo đánh giá, kinh doanh đa cấp vẫn chưa phải là mô hình kinh doanh phổ biến. Đa số người Việt Nam thường có cái nhìn không thiện cảm đối với mô hình kinh doanh theo mạng này.

Ngoài ra, công tác quản lý bán hàng đa cấp tại Việt Nam hiện còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Việc xử lý đối với các cá nhân, tổ chức kinh doanh theo phương thức đa cấp không phép chưa đủ mạnh;

các tổ chức, cá nhân thường tìm cách lách luật và bất chấp quy định pháp luật để kiếm lời bất chính...

Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý kinh doanh đa cấp trong giai đoạn 2021 – 2025

Với những kết quả đạt được đã khẳng định tính hiệu quả của kinh doanh bán hàng đa cấp, đồng thời cho thấy “sân chơi” cho hoạt động kinh doanh đa cấp tại Việt Nam đã ngày càng đi vào thực chất, đúng với bản chất kinh doanh của nó, lợi ích của các doanh nghiệp và người tiêu dùng ngày càng được bảo vệ, minh bạch hơn.

Theo dự báo, kinh doanh đa cấp ở Việt Nam còn nhiều tiềm năng để phát triển, khi dân số Việt Nam đã đạt gần 100 triệu dân, đời sống của người dân luôn được cải thiện, thu nhập có xu hướng tăng, đặc biệt tầng lớp trung lưu... Việt Nam cũng đã nằm trong Top 5 thị trường thế giới có doanh thu bán hàng đa cấp tăng nhanh nhất năm 2019... Bên cạnh đó, các doanh nghiệp sẽ đối diện nhiều cơ hội khi tham gia kinh doanh đa cấp, bởi đây là hình thức kinh doanh bán hàng được pháp luật thừa nhận; không mất chi phí đầu tư, không cần mặt bằng, không cần ôm hàng, không áp lực về doanh số, không ràng buộc về thời gian... Doanh nghiệp cũng có thể tham gia dễ dàng, không phân biệt trình độ học vấn, nơi đang sống và cũng có thể tạo ra một kênh kiếm tiền tự động... Tuy nhiên, để hoạt động bán hàng đa cấp tại Việt Nam phát triển, đi vào nề nếp, đúng bản chất, mang lại những hiệu quả kinh tế thiết thực thì việc nâng cao chất lượng quản lý hoạt động kinh doanh đa cấp cần có thêm những nền tảng pháp lý phù hợp và hiệu quả hơn nữa.

Nhằm tận dụng tiềm năng, duy trì các kết quả đã đạt được,

đồng thời xử lý những vấn đề do yêu cầu thực tế đặt ra đối với kinh doanh bán hàng đa cấp, một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý bán hàng đa cấp trong giai đoạn năm 2021 – 2025 bao gồm:

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp phù hợp với yêu cầu thực tế và sự phát triển của ngành.

Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bán hàng đa cấp, đặc biệt là hành vi kinh doanh theo phương thức đa cấp trái phép. Trong đó tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bán hàng đa cấp theo hướng minh bạch, phù hợp hơn với yêu cầu của công tác quản lý ngành. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, đặc biệt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm ở các địa phương cần được triển khai đồng bộ và bao quát toàn bộ trên mỗi địa bàn của từng địa phương.

Đẩy mạnh và hướng đến tối đa hóa ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp nhằm tiết kiệm thời gian và nguồn lực cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh đa cấp chân chính cần chủ động công tác tuyên truyền và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng để tuyên truyền cho người tham gia và người tiêu dùng phân biệt rõ các quy định pháp luật và các mô hình biểu hiện

bất chính. Xây dựng kế hoạch phân phối và đào tạo người tham gia một cách chuyên nghiệp và có biện pháp triển khai giám sát chặt chẽ. Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo để kịp thời thông tin và phát hiện các trường hợp sai phạm, các cá nhân không tuân thủ đúng nguyên tắc trong kinh doanh bán hàng đa cấp gây ảnh hưởng đến bản chất và giá trị của ngành bán hàng đa cấp, từ đó kiến nghị và phối hợp với cơ quan chức năng xem xét xử lý đảm bảo hành lang pháp lý minh bạch, nghiêm túc.

Đối với người tham gia vào hình thức kinh doanh đa cấp cần tìm hiểu về doanh nghiệp đa cấp trước khi tham gia trên các tiêu chí: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; lịch sử hình thành và hoạt động đa cấp của doanh nghiệp; các phương thức bán hàng của doanh nghiệp. Đặc biệt, người tham gia cũng có quyền yêu cầu doanh nghiệp cung cấp tài liệu chứng từ chứng minh nguồn gốc, chỉ tiêu chất lượng của hàng hóa. Tìm hiểu kỹ về chương trình trả thưởng, hoa hồng của doanh nghiệp. Lợi ích của người tham gia chỉ có được khi bán hàng hóa, không phải từ việc lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia mạng lưới đa cấp.

Với việc ban hành những quy định chặt chẽ, phù hợp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý đối với hoạt động kinh doanh đa cấp sẽ giúp cơ quan nhà nước loại bỏ các doanh nghiệp bán hàng đa cấp bất chính, đồng thời giúp củng cố vị trí của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp chân chính trên thị trường, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngành kinh doanh bán hàng đa cấp tại Việt Nam./

Diễn biến phức tạp và dồn dập của dịch Covid-19 đã và đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành vận tải. Trước những khó khăn này, nhiều giải pháp của Chính phủ, các bộ, ngành được đưa ra nhằm đồng hành cùng doanh nghiệp vượt qua thách thức.



NGÀNH VẬN TẢI TÌM CÁCH “sống chung” với DỊCH COVID-19

Tiến Long

Sản lượng, doanh thu giảm sâu

Nửa đầu năm 2021 tiếp tục là thời gian khó khăn của ngành vận tải khi sản lượng vận chuyển đều giảm sâu. Chưa kịp phục hồi sau 3 đợt dịch Covid-19 liên tiếp, thì đợt dịch thứ 4 lại ập đến, khiến các ngành vận tải từ đường bộ, đường sắt đến hàng không... đều trong tình trạng điêu đứng, buộc phải dừng hoặc chỉ hoạt động cầm chừng.

Theo Cục Hàng không Việt Nam, với 2 đợt dịch bùng phát mạnh vào đúng thời điểm bắt đầu giai đoạn cao điểm nội địa là Tết Nguyên đán và nghỉ hè từ ngày 30/4-1/5, hoạt động vận chuyển

hàng khách nội địa bằng đường hàng không sụt giảm nghiêm trọng. Cụ thể, sản lượng vận chuyển hàng không trung bình hàng ngày trong 6 tháng đầu năm chỉ bằng 20 - 30% so với giai đoạn tháng 3-4/2020. Tính chung, sản lượng thông qua các cảng hàng không của Việt Nam trong nửa đầu năm chỉ đạt 26,8 triệu lượt hành khách, giảm 19,4% so cùng kỳ năm 2020.

Hiệp hội Doanh nghiệp hàng không Việt Nam (VABA) cho biết, số nợ ngắn hạn và nợ đến hạn phải trả của 3 hãng hàng không Vietnam Airlines, Vietjet Air và Bamboo Airways đã lên tới 36.000 tỷ đồng. Doanh thu cũng bị giảm sâu trong

hai quý đầu năm, trong đó, tháng 5 và 6/2021 doanh thu giảm 90% so với cùng kỳ năm 2020, khiến các hãng càng thêm suy kiệt.

Lĩnh vực đường bộ cũng bị ảnh hưởng không kém từ diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, khi nhiều địa phương phải áp dụng giãn cách xã hội dẫn đến đứt gãy các tuyến vận tải. Theo Tổng cục Đường bộ Việt Nam, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải gặp nhiều khó khăn khi thường xuyên bị gián đoạn, có thời điểm bị dừng hoạt động. Thậm chí, nếu được phép hoạt động thì cũng chỉ được chở lượng khách bằng 50% sức chứa của phương tiện để thực hiện phòng chống dịch.



thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg. Vận tải hành khách tháng Bảy giảm 24,9% về lượng hành khách vận chuyển và giảm 25,7% về lượng hành khách luân chuyển so với tháng trước; vận tải hàng hóa giảm 11,6% về sản lượng vận chuyển và giảm 6,4% về sản lượng luân chuyển.

Tính chung 7 tháng năm 2021, vận tải hành khách đạt 1.917,8 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo ngành vận tải, vận tải hành khách đường bộ 7 tháng đạt 1.775,8 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm trước; hàng không đạt 13,7 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 32,3%; đường sắt đạt 1,2 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 52,3%.

Vận tải hàng hóa 7 tháng đầu năm 2021 đạt 987,4 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, vận tải trong nước đạt 970,4 triệu tấn vận chuyển, tăng 3,6%; vận tải ngoài nước đạt 17 triệu tấn vận chuyển, giảm 19,7%. Xét theo ngành vận tải, vận tải hàng hóa đường bộ 7 tháng đạt 747,8 triệu tấn vận chuyển, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước; đường thủy nội địa đạt 187,2 triệu tấn vận chuyển, tăng 7,4%; đường biển đạt 49 triệu tấn vận chuyển, tăng 8,3%; đường sắt đạt 3,3 triệu tấn vận chuyển, tăng 14,8%; đường hàng không đạt 147,5 nghìn tấn vận chuyển, giảm 9,2%.

Có thể nói, đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ tư này như một cú "đánh bồi" khiến toàn Ngành vận tải điêu đứng, hầu hết doanh nghiệp vận tải hàng hóa, vận tải hành khách lao đao, kiệt sức, khó gượng dậy. Tất cả dường như là một bức tranh u ám đối với sự phát triển của ngành vận tải trong vòng xoáy của đại dịch.

Số liệu của Bộ Giao thông Vận tải cho thấy, sản lượng, doanh thu vận tải hành khách 6 tháng đầu năm 2021 chỉ bằng từ 20-30% so với trước dịch; sản lượng, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt khoảng 70-80%. Tỷ lệ phương tiện hoạt động bình quân trên toàn quốc trong tháng 5/2021 chỉ đạt hơn 50% so với trước dịch.

Đặc biệt, Bộ Giao thông Vận tải quan ngại, hiện có khoảng 90% doanh nghiệp kinh doanh vận tải vay vốn ngân hàng để đầu tư phương tiện và tổ chức hoạt động vận tải. Nếu dịch Covid-19 kéo dài, phương tiện tiếp tục phải ngừng hoạt động, nhiều đơn vị kinh doanh vận tải sẽ lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán và có nguy cơ bị phá sản.

Với ngành đường sắt, tình cảnh còn ảm đạm hơn, nhiều chuyên gia

giao thông khẳng định, đường sắt đang lao dốc không phanh. Bởi vốn đã sống lay lắt hàng chục năm nay, dịch Covid-19 tiếp tục làm cho ngành này không gượng nổi. Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR) cho biết, riêng năm 2020, VNR đã thua lỗ 1.324 tỷ đồng, năm 2021, dự kiến lỗ 940 tỷ đồng nữa. Trong khi đó, 6 tháng đầu năm 2021, doanh thu vận tải chỉ bằng 53% so với năm 2019. Nếu tình trạng này kéo dài, doanh thu vận tải hành khách sụt giảm nghiêm trọng, sẽ dẫn đến hụt một lượng tiền lớn. Dự báo, nếu dịch còn kéo dài sang năm 2022, Tổng công ty sẽ thua lỗ hết vốn điều lệ.

Số liệu từ Tổng cục Thống kê cũng cho thấy, hoạt động vận tải, đặc biệt là vận tải hành khách gặp khó khăn khi nhiều địa phương

Tìm cách sống chung với dịch bệnh

Thực hiện Nghị quyết 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19, nhiều giải pháp hỗ trợ Ngành giao thông vận tải đã được đề xuất và triển khai.

Trong lĩnh vực hàng không, Hiệp hội Doanh nghiệp hàng không Việt Nam (VABA) đề nghị Chính phủ chỉ đạo nới lỏng quy định về đi lại, cách ly đối với những người đã tiêm đủ liều vaccine; từng bước nới lỏng các quy định nhập cảnh và cách ly đối với khách đã tiêm vaccine đầy đủ và có kế hoạch sớm khai thác trở lại các đường bay quốc tế.

Ngoài ra, VABA cũng đề xuất mở rộng và thực hiện chương trình hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp hàng không. Cụ thể, VABA đề nghị cho phép áp dụng cơ chế tái cấp vốn từ 5.000-6.000 tỷ đồng, thời hạn tái cấp vốn là 12 tháng và được gia hạn tự động 2 lần cho các hãng hàng không.

Cùng với đó, hiệp hội này cũng đề nghị Chính phủ dành cho các hãng hàng không vay gói tín dụng khoảng 25.000 tỷ đồng, ưu đãi giảm lãi suất 4%, thời hạn từ 3-5 năm để các hãng duy trì nguồn lực phục hồi, phát triển.

Về lĩnh vực đường sắt, lãnh đạo Cục Đường sắt Việt Nam cho rằng, trước khi bùng phát dịch Covid-19, đường sắt đã rất khó khăn, nay do ảnh hưởng của dịch lại càng lỗ, nếu không có giải pháp hỗ trợ, nguy cơ sắp hết vốn Nhà nước là hiện hữu. Nếu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam dừng hoạt động không chỉ ảnh hưởng đến sự tồn tại của đơn vị này, mà còn

ảnh hưởng đến hoạt động, phát triển của lĩnh vực giao thông đường sắt và đời sống, việc làm của hàng vạn lao động.

Hiệp hội Vận tải thành phố Hải Phòng kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các ngân hàng xem xét giảm mức lãi suất cho doanh nghiệp vận tải; đồng thời, nên tiếp tục giảm thuế VAT cho doanh nghiệp, VAT đầu ra và đầu vào của phương tiện, thuế trước bạ.

Có thể nói, cùng với sự nỗ lực của doanh nghiệp, Chính phủ, Bộ Giao thông Vận tải đã có những chính sách hỗ trợ như giảm và kéo dài thời gian ưu đãi thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay; giảm phí, lệ phí và các chi phí dịch vụ cảng hàng không... để các doanh nghiệp vượt qua khó khăn, nhanh chóng phục hồi trở lại.

Để trụ vững trước tác động của dịch Covid-19, cùng với giải pháp hỗ trợ thiết thực về tài chính của nhà nước, bản thân các doanh nghiệp vận tải phải nỗ lực và có những bước "chuyển mình" về chiến lược, mô hình kinh doanh phù hợp với định hướng phát triển.

Nhiều chủ doanh nghiệp cho biết, những ngày qua, toàn bộ vốn liếng tích cóp và vay mượn lâu nay đều bỏ ra để chia sẻ với người lao động. Có doanh nghiệp chuyên chở khách nay giãn cách xã hội ở nhiều địa phương, xe nằm bến nhưng vẫn phải trả công cho người làm để họ duy trì cuộc sống.

Tương tự, các doanh nghiệp vận tải hàng hóa xe có chạy, nhưng doanh thu lợi nhuận không đủ bù hụt do giá xăng dầu tăng mạnh, nhưng vẫn phải gồng mình để nuôi nhân công. Phía các doanh nghiệp taxi, xe buýt công cộng gần như tê liệt, xe nằm một chỗ phải trả phí bến bãi; tiền bảo trì bảo dưỡng...

Dù khó khăn chồng khó khăn, nhưng các doanh nghiệp vận tải đều chấp nhận thiệt hại, chờ đợi dịch qua mau để khôi phục; doanh nghiệp nào có điều kiện thì cố duy trì để cầm cự qua ngày.

Điều doanh nghiệp mong mỏi nhất là Nhà nước sớm triển khai các biện pháp hỗ trợ thiết thực, trực tiếp và khẩn trương hơn nữa đến doanh nghiệp. Trong đó, có thông tư 47 của Bộ Tài chính như giảm 30% phí đường bộ cho xe chở người, xe buýt kinh doanh vận tải; 10% đối với xe tải, xe chuyên dùng, xe đầu kéo... Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp cũng mong muốn cần thực hiện các chính sách như miễn hoặc chưa thu bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Đợt dịch bùng phát lần thứ 4 này được dự báo là sẽ còn kéo dài, chưa có dấu hiệu hạ nhiệt do biến chủng mới, tốc độ lây lan nhanh và độ phủ rộng. Với việc thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch vừa sản xuất, hoạt động vận tải ở nhiều nơi, nhiều doanh nghiệp vẫn được duy trì. Vấn đề lâu dài đặt ra là cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước, các cấp, các ngành, sự tự thân vượt khó của mỗi đơn vị, doanh nghiệp trong ngành là nhân tố quyết định, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp, buộc cả nền kinh tế phải chuyển sang trạng thái mới. Theo đó cần chủ động thực hiện các biện pháp thích ứng như chuyển đổi từ giao dịch trực tiếp sang giao dịch online; hàng hóa, kho vận theo hướng tập trung, chuyên sâu.

Các chuyên gia kinh tế nhận định, đây là giai đoạn vô cùng khó khăn, vì vậy, Ngành vận tải nói chung cũng như các doanh nghiệp vận tải nói riêng cần phát huy tốt nội lực để duy trì và thực hiện các giải pháp dài hơi "vượt bão" Covid-19 và vươn lên mạnh mẽ khi cơn bão dịch bệnh đi qua./

Dự báo xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2021 đạt 9 tỷ USD. Để đạt mục tiêu xuất khẩu, thời gian tới ngành thủy sản cần mở rộng thị trường, thích ứng với tình hình mới, tạo ra sản phẩm đáp ứng thay đổi của người tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu.

NHIỀU DƯ ĐỊA CHO XUẤT KHẨU THỦY SẢN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Minh Ngân

Xuất khẩu thủy sản duy trì lợi thế cạnh tranh

6 tháng đầu năm 2021, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu thủy sản ước đạt trên 4,1 tỷ USD. Hầu hết các mặt hàng, thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính của Việt Nam đều đạt mức tăng trưởng khá. Chỉ tính riêng mặt hàng tôm xuất khẩu của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng kim ngạch đạt 1,7 tỷ USD, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Những thị trường quan trọng như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức đều đang gia tăng lượng tôm nhập khẩu từ Việt Nam. Trong đó, xuất khẩu tôm sang Mỹ tăng trưởng hàng tháng 45-46%, sang Nhật Bản tăng 17%, sang Hàn Quốc tăng 10%, Đức 60%, sang Anh tăng 15%. Hiện, trừ Mỹ và Trung Quốc, mặt hàng tôm xuất khẩu của Việt Nam đang đứng vị trí số 1 tại hầu hết các thị trường.

Thủy sản là một trong những mặt hàng đã khai thác khá tốt các cơ hội từ Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA). Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), EU chiếm trên 14% xuất khẩu tôm của Việt Nam, đứng thứ 3 sau thị trường Mỹ, Nhật Bản. Ngoài ra, xuất khẩu mực, bạch tuộc,



ngheo, cá ngừ và các loại cá biển khác sang thị trường EU trong nửa đầu năm cũng mang lại kim ngạch khá quan trọng hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2020. Theo cam kết Hiệp định EVFTA có khoảng 220 số dòng thuế các sản phẩm thủy sản có thuế suất cơ sở 0-22%, trong đó phần lớn thuế cao từ 6-22% được về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, số dòng thuế còn lại sẽ được cắt giảm về 0% theo lộ trình 3-7 năm. Một số mặt hàng đang chịu thuế cao được về 0% như: Tôm hùm, cá tuyết Phương Nam, cá ngừ vây xanh Đại Tây Dương, tôm hồng, hàu, điệp, mực, bạch tuộc, ngao, bào ngư, ốc chế biến...

Năm 2021, tác động của đại dịch Covid-19 khiến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản của người tiêu dùng các nước có sự thay đổi. Theo đó nhu cầu các sản phẩm có giá vừa phải, phù hợp mặt bằng thu nhập đang bị sụt giảm tăng lên như: Cá, tôm cỡ nhỏ, surimi, chả cá, một số loài cá biển... Đáng chú ý, nhiều sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như tôm, cá tra, cá ngừ, cua ghe, nhuyễn thể 2 mảnh vỏ... nằm trong nhóm các loài thủy sản được tiêu thụ nhiều nhất trên toàn cầu. Trong đó, nhu cầu tôm sẽ vẫn ổn định vì là lựa chọn của người tiêu dùng ở các thị trường lớn,

như: Mỹ, EU, Nhật Bản, Australia... Mặt khác, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cũng đã định hình xu hướng mua, bán online và thúc đẩy bán lẻ gia tăng. Theo đó, xu hướng hình thành thói quen nấu ăn tại nhà khiến nhu cầu của phân khúc bán lẻ qua kênh siêu thị sẽ tăng lên, kèm với đó là tăng nhu cầu các dạng sản phẩm tiện lợi, ăn liền, chế biến sẵn đối với các mặt hàng thủy sản như: Đồ hộp, hàng khô, bữa ăn tiện lợi... Sự thay đổi này được xem là một trong những lợi thế tạo cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản mở rộng khai thác gia tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm thủy sản Việt Nam vào các thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh những kết quả đạt được, xuất khẩu thủy sản Việt Nam cũng đang phải đối mặt với thách thức như: Quy mô sản xuất nhỏ lẻ; chất lượng và giá trị gia tăng của ngành thủy sản còn thấp; sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa thủy sản trên thị trường khu vực và quốc tế chưa cao; dịch Covid-19 xảy ra khiến chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, nhu cầu sụt giảm và thay đổi; cảnh báo thẻ vàng của Ủy ban châu Âu (EC) chưa được gỡ bỏ; giá thành sản xuất cao; chi phí logistics tăng.

Nhiều dư địa cho xuất khẩu thủy sản 6 tháng cuối năm

Dự báo 6 tháng cuối năm 2021, nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thủy sản tiếp tục tăng do cuối năm thường diễn ra các dịp lễ hội, tết dương lịch, lễ Noel. Trong khi các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam như: Ấn Độ, Indonesia, Thái Lan... đang chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid-19. Đây sẽ là những thuận lợi cho thủy sản Việt Nam gia tăng xuất khẩu hướng tới mục tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2021 từ 8,8-9 tỷ USD.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản Việt Nam sẽ đạt 3,0 - 4,0%/năm; tổng sản lượng thủy sản sản xuất trong nước đạt 9,8 triệu tấn. Trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản 7,0 triệu tấn, sản lượng khai thác thủy sản 2,8 triệu tấn; giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 14 - 16 tỷ USD. Đến năm 2045, thủy sản trở thành ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; là trung tâm chế biến thủy sản sâu, thuộc nhóm ba nước sản xuất và xuất khẩu thủy sản dẫn đầu thế giới.

Các chuyên gia cho rằng, xuất khẩu thủy sản 6 tháng cuối năm 2021 còn nhiều dư địa gia tăng thị phần vào các thị trường xuất khẩu chủ lực, mở rộng xuất khẩu vào thị trường tiềm năng, do nhiều quốc gia đã triển khai tiêm vaccine rộng rãi, nhu cầu tiêu thụ thủy sản của người dân tăng lên, đặc biệt ở hai thị trường xuất khẩu thủy sản lớn của Việt Nam là Mỹ và EU.

Mỹ sẽ tiếp tục là điểm sáng cho thị trường xuất khẩu thủy sản Việt Nam, trong đó các mặt hàng tôm, cá tra, cá ngừ và các hải sản khác sẽ gia tăng. Đặc biệt, Việt Nam có cơ hội nhiều hơn trong xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ, khi Ấn Độ - nguồn cung lớn nhất về tôm tại thị trường này đang gặp khó khăn về sản xuất do dịch bệnh Covid-19.

Thị trường EU đang được xem là điểm đến kỳ vọng của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Mặc dù sự hồi phục kinh tế của khối thị trường này chậm hơn so với Mỹ, nhưng nhu cầu tiêu thụ đang hồi phục rõ rệt, khi dịch Covid-19 được khống chế dần tại EU. Các nhà nhập khẩu châu Âu có xu hướng quan tâm hơn đến các nhà cung cấp thủy sản Việt Nam với lợi thế thuế quan từ hiệp định EVFTA và nguồn nguyên liệu ổn định.

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) đã được ký kết trong năm 2020, có hiệu lực vào đầu năm 2021 đã tạo ra động lực tăng trưởng mới cho sản phẩm thủy sản của Việt Nam với những thuận lợi về thương mại, ưu đãi thuế quan mở ra nhiều cơ hội





thúc đẩy xuất khẩu cho hàng loạt mặt hàng xuất khẩu tỷ USD của Việt Nam vào thị trường Anh giàu tiềm năng. Hầu hết thuế nhập khẩu các mặt hàng tôm nguyên liệu (tươi, đông lạnh, ướp lạnh) của Việt Nam vào Anh được giảm từ mức thuế cơ bản 10 - 20% xuống 0% ngay khi Hiệp định UKVFTA có hiệu lực.

Với nhu cầu tiêu thụ thủy sản ngày càng tăng, Trung Đông được xem là một trong những thị trường mới và còn nhiều dư địa tăng trưởng cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam trong thời gian tới. Đây là thị trường có nhu cầu rất lớn về các mặt hàng thủy sản như tôm, cá tra, cá ngừ hộp, cá thu hộp, cá khô... Tiêu chuẩn chất lượng áp dụng đối với nhóm hàng này cũng không quá khắt khe như tại các thị trường EU, Mỹ và Nhật Bản. Hiện, thủy sản là một trong 5 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam tại khu vực Trung Đông. Đáng chú ý, mặt hàng cá tra Việt đã có chỗ đứng và tạo được niềm tin đối với người tiêu dùng ở thị trường này. Ngoài cá tra, sản phẩm cá ngừ đóng hộp của Việt Nam cũng có nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Trung Đông.

Việt Nam cũng đã mở được một số thị trường mới, đặc biệt thị trường Nga, ngay trong tháng 3 vừa qua, Việt Nam đã có 18 doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản vào Nga.

Đồng thời, các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương cùng với hoạt động xúc tiến thương mại, như: Xây dựng thương hiệu sản phẩm, quảng bá hình ảnh thủy sản, kết nối giao thương... tiếp tục là những yếu tố tích cực tác động tới xu hướng phát triển của thủy sản Việt Nam không chỉ trong 6 tháng cuối năm 2021 mà còn tác động tích cực vào tăng trưởng xuất khẩu thủy sản trong những năm tiếp theo. Ngoài ra, VASEP cho rằng, nguồn nguyên liệu tốt, ổn định và năng lực chế biến hiện đại sẽ tiếp tục là thế mạnh của các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam./.



NGUY CƠ GIA TĂNG GIAN LẬN XUẤT XÚ THƯƠNG MẠI

Thu Hường

Thời gian gần đây, số lượng các vụ việc, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ nhằm vào hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam đang có xu hướng tăng lên. Vì vậy, các chuyên gia thương mại cho rằng, cần phải có giải pháp hữu hiệu để giải quyết bài toán lẩn tránh bất hợp pháp trong phòng vệ thương mại, nhất là khi Việt Nam ngày càng tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA).

Nguy cơ hàng hóa “đội lốt” hàng Việt Nam ngày càng gia tăng

Vài năm trở lại đây, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thường xuyên bị khiếu nại ở nhiều thị trường quốc tế, phải chống chọi gay gắt với hàng rào phòng vệ thương mại. Số vụ việc chống lẩn tránh điều tra, chống phá giá, chống trợ cấp đối với hàng Việt ngày càng gia tăng.

Theo đánh giá của các chuyên gia, một trong những nguyên nhân chính là do các thị trường nhập khẩu cho rằng hàng hóa Việt Nam sử dụng nguyên liệu chính được nhập khẩu từ những khu vực đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) cho biết, tại Việt Nam, các vụ việc nước ngoài khởi xướng điều tra lẩn tránh thuế hàng hóa xuất khẩu thuộc trường hợp hàng hóa của nước đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chuyển tải sang Việt Nam để lấy xuất xứ Việt Nam nhằm lẩn tránh thuế.

Ngoài ra, không ít trường hợp hàng hóa của nước ngoài lấy xuất xứ Việt Nam để hưởng thuế suất ưu đãi theo các FTA hoặc các quy định ưu đãi thuế quan.

Thực tế cho thấy, từ khi cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung xảy ra, hàng Trung Quốc nhằm né cuộc chiến tranh thương mại với Mỹ đã lợi dụng xuất xứ Việt Nam để xuất khẩu gia tăng mạnh.

Hơn thế nữa, Trung tâm WTO và Hội nhập (VCCI) cho biết, Việt Nam với việc “mở cửa” mạnh mẽ thông qua các Hiệp định thương mại tự do (FTA) sẽ khiến nguy cơ chuyển tải hàng hoá bất hợp pháp, gian lận xuất xứ ngày càng gia tăng mạnh.

Đặc biệt, vài năm trở lại đây, Chính phủ và các bộ ngành đã tạo cơ hội cho doanh nghiệp mở rộng phát triển thị trường, gia tăng xuất khẩu qua việc áp dụng tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Đây là cơ chế “mở” có rất nhiều ưu điểm và mang lại nhiều lợi ích bởi các doanh nghiệp sẽ tự thực hiện các thủ tục và đáp ứng điều kiện để tuyên bố hàng hóa đáp ứng tiêu chuẩn về nguồn gốc xuất xứ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tuyên bố đó. Tuy nhiên, điều này cũng làm gia tăng nguy cơ gian lận xuất xứ, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín hàng Việt và tác động tiêu cực đến nền sản xuất trong nước. Vì vậy, nếu không kiểm soát hiệu quả nguồn gốc xuất xứ hàng hóa thì nguy cơ giả mạo hàng Việt Nam để xuất khẩu vào thị trường “ruột” của Việt Nam là rất lớn.

Thống kê từ Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương), đến hết quý I/2021, đã có 203 vụ việc phòng vệ thương mại do 21 quốc gia/vùng lãnh thổ khởi xướng điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam. Đặc biệt, số lượng các vụ việc chống lẩn tránh nhằm vào hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam đang có dấu hiệu tăng lên, do một vài nước cho rằng hàng hóa xuất khẩu



từ Việt Nam sử dụng nguyên liệu chính được nhập khẩu từ những khu vực đang bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại.

Mới đây, Bộ Công Thương thông báo danh sách 11 mặt hàng xuất khẩu có nguy cơ bị điều tra áp dụng biện pháp thương mại, gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp. Đó là: mặt hàng gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng, tủ gỗ, ghế sofa có khung gỗ, đệm mút, đá nhân tạo, gạch men, ống đồng, vỏ bình gas, ghim đóng thùng xuất khẩu sang thị trường Mỹ và các mặt hàng lốp xe, xe đạp điện xuất khẩu sang cả Mỹ và EU.

Chính vì vậy, trong bối cảnh xu thế bảo hộ đang gia tăng, nhất là với nhiều nhóm sản phẩm như thép, nhôm, nông sản, thủy sản... Bộ Công Thương cho rằng, cần có một chiến lược tổng thể, dài hạn trong việc phát triển chuỗi sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Bởi nếu Việt Nam không có các biện pháp tích cực để xử lý vấn đề lẩn tránh bất hợp pháp trong phòng vệ thương mại, đặc biệt thông qua gian lận xuất xứ, nhiều khả năng sẽ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp, ngành hàng cụ thể. Không những thế, về lâu dài, điều này còn tác động tiêu cực tới sức cạnh tranh của cả nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh tham gia hàng loạt FTA có yêu cầu cao về xuất xứ.

Chủ động ứng phó với tình trạng gian lận xuất xứ

Trước thực trạng gian lận, giả mạo xuất xứ hàng hóa ngày càng gia tăng, các chuyên gia cho rằng, Việt Nam cần có giải pháp hữu hiệu để giải quyết bài toán lẩn tránh bất hợp pháp trong phòng vệ thương mại, nhất là thông qua gian lận xuất xứ. Đặc biệt, khi mà thời gian tới, nền kinh tế thế giới sau “tổn thương” lớn bởi dịch bệnh sẽ có những diễn biến khó lường, các nước sẽ tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ nền sản xuất nội địa đang chất chồng khó khăn.

Bộ Công Thương cho biết, đã ủy quyền cho các cơ quan, tổ chức, phòng quản lý xuất nhập khẩu

khu vực của Bộ cấp C/O ưu đãi theo các FTA. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là đơn vị duy nhất được ủy quyền cấp C/O không ưu đãi và C/O form A hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP). Có hai chiều trong hoạt động cấp C/O đó là, phải phòng, chống gian lận xuất xứ; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp được hưởng ưu đãi, tạo thuận lợi cho xuất khẩu.

Liên quan đến vấn đề phân luồng trong cấp C/O, Bộ Công Thương cũng đã ban hành Thông tư 15/2018/TT-BCT quy định rõ doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí nào thì vào luồng xanh; doanh nghiệp có nguy cơ như thế nào vào luồng đỏ, từ đó tăng cường quản lý nhưng vẫn không gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Nhằm ngăn chặn đẩy lùi các nguy cơ về gian lận thương mại, Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương cũng cho biết, hiện Cục đang tiếp tục triển khai thực hiện những giải pháp như: Có cơ chế thường xuyên theo dõi và cập nhật danh sách cảnh báo các mặt hàng có nguy cơ gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp nhằm lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại để thông báo cho các Bộ, ngành và địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

Cùng với đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các trường hợp nghi ngờ gian lận xuất xứ. Trong đó, chỉ đạo các cơ quan cấp giấy chứng nhận xuất xứ đẩy mạnh kiểm soát các hành vi gian lận thương mại về xuất xứ, nhất là đối với các mặt hàng thuộc nhóm có nguy cơ cao. Bên cạnh đó, cũng rà soát lại các quy định liên quan đến chống gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp để bổ sung, hoàn thiện; tăng cường tuyên truyền, phổ biến về phòng vệ thương mại để nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp...

Cục Phòng vệ thương mại dự báo, nền kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến khó lường, vì vậy, các biện pháp phòng vệ thương mại sẽ tiếp tục gia tăng cả về số lượng cũng như mức độ phức tạp. Trong khi đó, phòng vệ thương mại tại Việt Nam vẫn còn là vấn đề mới, đa số doanh nghiệp cũng như các cơ quan quản lý nhà nước chưa có sự hiểu biết sâu; nguồn lực của doanh nghiệp và nhà nước còn hạn chế, nên chưa thể phân bổ một cách phù hợp cho công tác phòng vệ thương mại. Thách thức lớn hơn, khi bối cảnh các nền kinh tế toàn cầu đang chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, ngành sản xuất trong nước của Việt Nam

cũng như hầu hết các quốc gia đều gặp khó khăn....

Bên cạnh đó, tình hình xuất khẩu một số sản phẩm của Việt Nam có sự gia tăng nhanh chóng trong vài năm gần đây, kể cả những mặt hàng đang là đối tượng bị áp dụng PVTM của một số nước. Vì vậy, Cục Phòng vệ thương mại khuyến nghị doanh nghiệp cần tăng cường kiểm tra, giám sát về xuất xứ và sau thông quan nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận, lợi dụng Việt Nam để xuất khẩu hàng hóa của quốc gia khác; không tham gia, tiếp tay cho các hành vi gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp. Bởi thực tiễn cho thấy, nếu phát hiện các hành vi này, nước nhập khẩu sẽ áp dụng chế tài "trừng phạt" rất nặng, trong nhiều trường hợp doanh nghiệp sẽ "mất" toàn bộ thị trường xuất khẩu liên quan.

Thời gian tới, các cơ quan chức năng cần tiếp tục đẩy mạnh công tác cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, chống bán phá giá. Mặt khác, tích cực theo dõi và nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là ngăn chặn tình trạng lẫn tránh các biện pháp này; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng vệ thương mại của Việt Nam cũng như của WTO và một số nước trên thế giới để nâng cao nhận thức và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong việc sử dụng công cụ phòng vệ thương mại và ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài; đẩy mạnh xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, địa phương để xử lý các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài./.





Tiếp tục giữ lửa và nâng cao hiệu quả

Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Gia Linh

Thời gian qua, trong bối cảnh đất nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi đại dịch Covid-19, thiên tai, dịch bệnh liên tiếp bùng phát trên đàn vật nuôi, song phong trào xây dựng nông thôn mới (NTM) tại nhiều địa phương trong cả nước vẫn tiếp tục được “giữ lửa”. Bên cạnh việc triển khai hỗ trợ các xã khó khăn đạt chuẩn NTM thì phong trào xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu cũng được đẩy mạnh ở khắp các địa phương, qua đó tạo những chuyển biến tích cực, góp phần ổn định kinh tế - xã hội cho vùng nông thôn. Đặc biệt, mới đây tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, đây là điểm nhấn quan trọng thể hiện quyết tâm cũng như sự nỗ lực của cả hệ thống Chính trị và nhân dân

trong việc duy trì, triển khai thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Báo cáo của Chính phủ về kết quả thực hiện Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020 cho thấy, tính đến hết năm 2020, Chương trình đã hoàn thành vượt 12,4% số xã đạt chuẩn NTM so với mục tiêu; đến tháng 7/2021, cả nước đã có 64,6% số xã đạt chuẩn NTM. Đáng chú ý, cả nước đã có 194 đơn vị cấp huyện thuộc 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ, đạt chuẩn NTM, chiếm 29% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước. Ngoài ra, 12 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 4 tỉnh gồm: Nam Định, Đồng Nai, Hưng Yên và Hà Nam đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận tình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2020 đạt 41,7 triệu đồng/người/năm, gấp 1,7 lần so với năm 2015 và gấp 3,25 lần so với năm 2010; tỉ lệ hộ nghèo đa chiều khu vực nông thôn năm 2020 còn khoảng 7,1%, giảm 4,7% so với năm 2016...

Tuy vậy, Báo cáo kết quả triển khai chương trình xây dựng NTM thời gian qua cũng cho thấy một số hạn chế, khó khăn. Theo đó, kết quả xây dựng NTM giữa một số vùng vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn, điển hình như: Đồng bằng sông Hồng đạt tỷ lệ 96,65%, Đông Nam Bộ 79,53%, trong khi đó khu vực miền núi phía Bắc mới đạt 37,02%, Tây Nguyên 49,83%. Hiện vẫn còn 6 tỉnh thuộc khu vực miền núi phía Bắc có tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM dưới 30% và 39 huyện nghèo, thuộc 18 tỉnh vẫn còn “trắng xã NTM”. Bên cạnh đó, tư duy sản xuất nông nghiệp



của người dân còn chú trọng tăng quy mô, sản lượng trong sản xuất mà chưa quan tâm nhiều đến nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm; một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến tiêu chí môi trường, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, giữ gìn an ninh trật tự xã hội nông thôn...

Đặc biệt, nhiều địa phương còn lúng túng trong cân đối nguồn vốn để hỗ trợ thực hiện các mục tiêu của Chương trình, nhất là các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Ngoài ra, do diễn biến của đại dịch Covid-19 khá phức tạp tại một số địa phương nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá kết quả xây dựng NTM, huy động nguồn lực và triển khai các nội dung của Chương trình; tác động bất lợi trực tiếp đến các hoạt động phát triển kinh tế của người dân nông thôn. Qua đó, ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành và mức độ bền vững của một số tiêu chí NTM ở một số địa phương bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh Covid-19.

Mặc dù vậy, theo đánh giá thời gian qua, nhất là trong năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, với những diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp

và huy động nguồn lực đầu tư, phát triển khu vực nông thôn, nhưng phong trào xây dựng NTM tại nhiều địa phương vẫn tiếp tục được "giữ lửa". Cụ thể: Tại Hà Nội, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ thành phố đến cơ sở, đặc biệt là Ban Chỉ đạo Chương trình số 04-CTr/TU của Thành ủy (khóa XVII) về "Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025", phong trào xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu tiếp tục được đẩy mạnh ở khắp các địa phương và đạt được những kết quả tích cực. Theo thống kê, tính đến hết tháng 6/2021, Thành phố đã có 12/18 huyện, thị xã đạt chuẩn NTM, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Trong số 6 huyện chưa về đích, hiện nay, huyện Phú Xuyên đã hoàn thiện hồ sơ công nhận đạt chuẩn NTM năm 2020, trình Hội đồng Thẩm định trung ương xem xét, thẩm định. Các huyện Chương Mỹ, Mê Linh, Ứng Hòa phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2021. Hai huyện Ba Vì, Mỹ Đức phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2022.

Toàn thành phố đã có 368/382 xã đạt chuẩn NTM, 29 xã đạt chuẩn NTM nâng cao. Trong số 14 xã chưa hoàn thành NTM, có 2 xã (Vân Hòa, Ba Vì) thuộc huyện Ba Vì đã đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền thẩm định, công nhận đạt chuẩn. Còn lại 12 xã của các huyện Mỹ Đức, Ba Vì đều đạt 15-18 tiêu chí, phấn đấu trình thành phố đánh giá trước 30/9/2021.

Đời sống nông dân Hà Nội thời gian qua đã không ngừng được cải thiện và nâng cao. Đa số các hộ gia đình đã có nhà kiên cố,

khang trang. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm xuống còn dưới 0,37%, đặc biệt có 4 huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Mê Linh và Hoài Đức hiện không còn hộ nghèo... Những kết quả đó không chỉ góp phần ổn định kinh tế - xã hội cho khu vực nông thôn, mà còn sẵn sàng bứt phá cho nấc thang phát triển vươn tầm NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu của Hà Nội trong giai đoạn mới.

Tại Ninh Bình, trước những khó khăn về kinh tế, về nguồn lực đầu tư chương trình NTM vẫn đang được "giữ lửa" thông qua nhiều cách làm sáng tạo nhằm huy động sự tham gia của người dân trong xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các mô hình sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, xây dựng thương hiệu "mỗi xã một sản phẩm"; chỉnh trang lại đường làng, ngõ xóm, hàng rào, cải tạo môi trường nông thôn... Nhờ vậy, đến nay tỉnh Ninh Bình đã có 106 xã đạt chuẩn NTM và 9 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Với mục tiêu phấn đấu có thêm 11 xã đạt chuẩn NTM, 15 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 2 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, Ninh Bình quyết tâm "giữ lửa" tinh thần ra quân xây dựng NTM nhằm giúp các địa phương thực hiện tốt các mục tiêu đặt ra, góp phần quan trọng ổn định kinh tế nông thôn nói riêng và nền kinh tế nói chung, tạo sự ổn định và phát triển chung của tỉnh.

Còn tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cũng đã và đang đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân, triển khai nhiều giải pháp thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng NTM trên địa bàn. Theo đó, đến nay, huyện Cai Lậy đã có 12/15 xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 01 xã (Cẩm Sơn)

đã hoàn thành đạt chuẩn NTM nâng cao. Trong năm 2021, Huyện tiếp tục nỗ lực để hoàn thành 03 xã NTM còn lại là: Mỹ Thành Nam, Mỹ Thành Bắc, Phú Cường và xây dựng thành công thêm 02 xã NTM nâng cao là Hiệp Đức, Long Tiên. Song song đó, huyện đang tranh thủ các nguồn lực để thực hiện các chỉ tiêu còn lại sớm đưa xã Bình Phú trở thành thị trấn - trung tâm của huyện Cai Lậy trong thời gian sớm nhất.

Không chỉ riêng Hà Nội, Ninh Bình, Tiền Giang... nhiều địa phương khác trong cả nước cũng đang nỗ lực hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu xây dựng NTM. Trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19, những kết quả đạt được đó đã cho thấy chương trình xây dựng NTM trong cả nước vẫn luôn được tiếp lửa, lan tỏa và đạt được những thành quả tích cực trong khó khăn.

Đặc biệt, để không gián đoạn chương trình, đồng thời tiếp tục khẳng định sự quyết tâm và thống nhất mục tiêu của Chương trình xây dựng NTM, mới đây Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Theo đó, Chương trình giai đoạn 2021-2025 có mục tiêu tổng quát tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu và NTM cấp thôn, bản.

Chương trình nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới; xây dựng hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm

môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đến năm 2025: Phấn đấu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn NTM, trong đó, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; tiếp tục xây dựng NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu đối với các xã, huyện, tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn NTM; thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

Đến năm 2025, phấn đấu cả nước có ít nhất 50% huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đạt chuẩn NTM, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong đó ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn được công nhận là huyện NTM nâng cao, huyện NTM kiểu mẫu. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM; phấn đấu cả nước có ít nhất 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM...

Theo Nghị quyết của Quốc hội, ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện cho Chương trình tối thiểu 196.332 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách trung ương: 39.632 tỷ đồng, bao gồm: Vốn đầu tư

phát triển: 30.000 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 9.632 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương: 156.700 tỷ đồng. Trong quá trình điều hành, Chính phủ tiếp tục cân đối ngân sách Trung ương để ưu tiên hỗ trợ thêm cho Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế và có giải pháp huy động hợp lý mọi nguồn vốn hợp pháp để thực hiện.

Nghị quyết cũng nêu rõ, vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình được thực hiện trên nguyên tắc phân bổ đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên nguồn lực cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng chỉ tiêu vẫn còn thấp để nâng cao chất lượng các tiêu chí và đảm bảo bền vững.

Với phương châm xây dựng NTM chỉ có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc; làm đâu, chắc đó, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM quốc gia giai đoạn tới sẽ tiếp tục được triển khai thực hiện đồng bộ với nhiều nhiệm vụ, giải pháp căn cơ để hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch đặt ra bảo đảm chất lượng, tiến độ, đồng thời Chương trình luôn được "giữ lửa", duy trì triển khai liên tục và hiệu quả./.



BÀI TOÁN ĐÀO TẠO LẠI NGHỀ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19

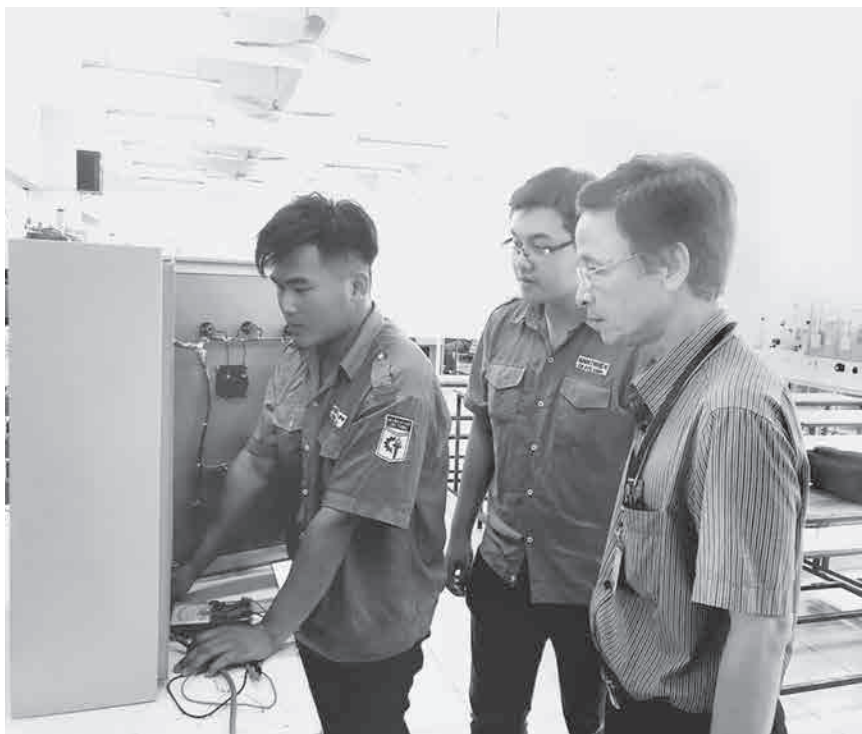
ThS. Bùi Thị Kim Cúc
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Hơn 1 năm qua, sự xuất hiện và lây lan của các đợt dịch bệnh Covid-19 tại Việt Nam đã khiến hàng loạt các doanh nghiệp yếu kém không thể trụ vững, phải cắt giảm lao động, thậm chí đóng cửa hoặc chuyển sang ngành nghề khác; đồng thời cũng giáng một đòn mạnh vào thị trường lao động nước ta, đặt ra bài toán đào tạo lại nghề cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh cho các ngành chức năng.

Những sóng gió của thị trường lao động

Kể từ năm 2020 đến nay, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã khiến thị trường lao động Việt Nam gặp nhiều sóng gió. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 12/2020, cả nước có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập... Tính chung năm 2020, số lao động trong độ tuổi thiếu việc làm là gần 1,2 triệu người, tăng 456,7 nghìn người so với năm 2019; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,51%. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2020 là 2,48%, cao hơn 0,31 điểm phần trăm so với năm 2019.

Sang quý I/2021, mặc dù những nỗ lực khôi phục kinh tế đi đôi với phòng chống dịch đã phần nào cải thiện các gam màu xám của tình hình lao động việc làm trong nước, song cả nước vẫn còn 9,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19.



Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động quý I/2021 là 971,4 nghìn người; tăng 143,2 nghìn người so với quý IV/2020 và tăng 78,7 nghìn người so với cùng kỳ năm 2020. So sánh tương tự, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi quý I/2021 là 2,20%; tăng lần lượt là 0,38 điểm phần trăm

và 0,22 điểm phần trăm. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I/2021 là gần 1,1 triệu người, tuy giảm 137,0 nghìn người so với quý IV/2020 song lại tăng 12,1 nghìn người so với cùng kỳ năm trước. So sánh tương tự, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động quý I/2021 là 2,42%, giảm 0,21

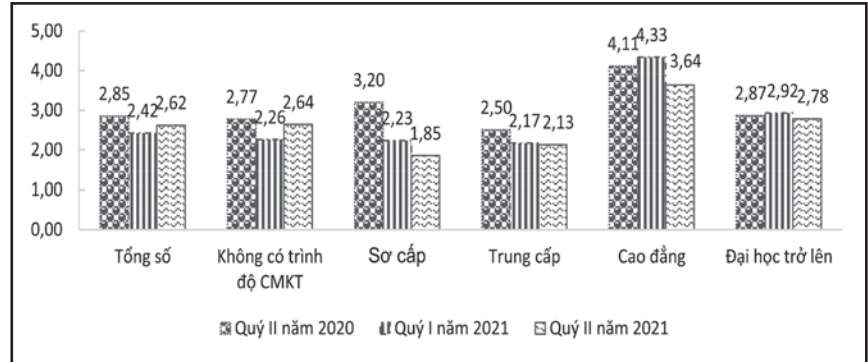
điểm phần trăm so với quý trước và tăng 0,08 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2020.

Trong quý II/2021, dưới tác động của làn sóng dịch bệnh Covid-19 lần thứ tư với sức lây lan mạnh mẽ và khó kiểm soát hơn, những sóng gió tại thị trường lao động lại tiếp tục dậy sóng. Cả nước có 12,8 triệu người từ 15 tuổi trở lên (tăng 3,7 triệu lao động so với quý I/2021) bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/ngỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập. Số người thiếu việc làm trong độ tuổi lao động là 1,1 triệu người, tăng 173,5 nghìn người so với quý I/2020; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,60%, tăng 0,4 điểm phần trăm. Số người thất nghiệp trong độ tuổi lao động là gần 1,2 triệu người, tăng 87,1 nghìn người so với quý I/2021; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,62%, tăng 0,2 điểm phần trăm.

Điều đáng nói là khi nền kinh tế gặp cú sốc, lao động không có trình độ gặp nhiều khó khăn hơn về cơ hội việc làm so với lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và cũng được thể hiện qua những con số của Tổng cục Thống kê. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi có trình độ chuyên môn kỹ thuật (ở các cấp sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và từ đại học trở lên) quý II/2021 đều có xu hướng giảm so với quý I/2021 (lần lượt là 0,38; 0,04; 0,69 và 0,14 điểm phần trăm). Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của nhóm lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng 0,38 điểm phần trăm so với quý trước. Bên cạnh đó, có khoảng 879 nghìn người, hay hơn 3/4 (76,8%) lao động thiếu việc làm trong độ tuổi quý II/2021 không có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

Hình 1: Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật

Đơn vị tính: %



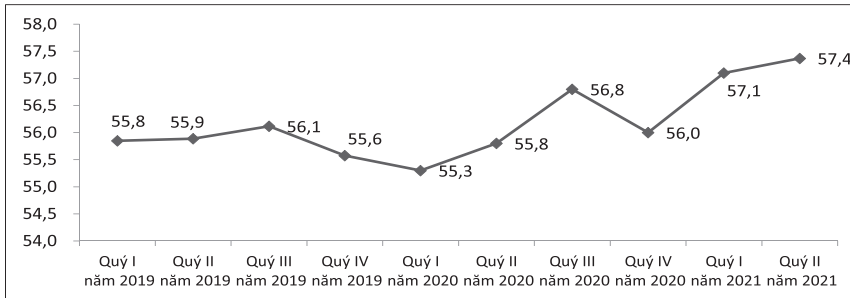
Nguồn: Tổng cục Thống kê

Không chỉ lao động phổ thông gặp nhiều khó khăn về cơ hội việc làm mà thậm chí cả những lao động có bằng cấp cũng khá “loay hoay” trong tìm kiếm việc làm, đặc biệt là những lao động làm việc trực tiếp trong ngành dịch vụ như du lịch, hàng không, nghệ thuật, ngành hàng ăn uống... Chỉ tính riêng trong quý II/2021, lao động thiếu việc làm trong độ tuổi ở khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất trong 3 khu vực kinh tế, với 35,8% (tương đương với hơn 410 nghìn người thiếu việc làm). Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản với 35,6% (hơn 407 nghìn người); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng thấp nhất với 28,6% (hơn 327 nghìn người). So với cùng kỳ năm 2020, số lao động thiếu việc làm ở khu vực dịch vụ quý II/2021 tăng gần 100 nghìn người.

Dù thời gian qua Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ song trước tình trạng mất việc làm kéo dài, thu nhập bị cắt giảm cùng với diễn biến của dịch Covid-19 ngày càng phức tạp, người lao động vẫn không tìm được việc làm mới, không thể ngồi chờ quay trở lại công việc, họ buộc phải tìm kiếm việc làm mới tạm thời, không ổn định, thiếu bền vững để mưu sinh. Điều này thể hiện số lao động có việc làm phi chính thức liên tục tăng. Tính chung cả năm 2020, số lao động có việc làm phi chính thức là 20,3 triệu người, tăng 119,1 nghìn người so năm 2019. Tình trạng tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức tăng cao trong năm 2020 trái ngược với xu thế giảm tỷ lệ này trong những năm 2016-2019. Sang quý I/2021, số người có việc làm phi chính thức là 20,7 triệu, giảm 251,7 nghìn người so với quý IV/2021 nhưng tăng 525,4 nghìn người so với cùng kỳ năm 2020. Và trong quý II/2021, Việt Nam ghi nhận tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức cao nhất so với các quý khác trong vòng 3 năm trở lại đây. Số người có việc làm phi chính thức trong quý II/2021 là 20,9 triệu người, tăng 251,4 nghìn người so với quý I/2021 và tăng 1,4 triệu người so với cùng kỳ năm 2020. Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức quý II năm 2021 là 57,4%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Hình 2: Tỷ lệ lao động phi chính thức các quý, giai đoạn 2019-2021

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Bài toán đào tạo lại nghề cho người lao động

Những con số trên cho thấy, rõ ràng cơ cấu thị trường việc làm đang và sẽ bị xáo trộn đáng kể, do vậy đào tạo, đào tạo lại nghề, hỗ trợ người lao động chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 là những vấn đề đặt ra cấp bách đối với các cơ quan quản lý trong hoạch định, thực hiện chính sách.

Để giải quyết bài toán cho người lao động, thời gian qua nhiều địa phương đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ học nghề, tìm kiếm thị trường lao động như tích cực hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động. Trong đó, tập trung đầu tư phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, phân tích và dự báo thị trường lao động, nâng cao năng lực hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ thanh niên lập nghiệp thông qua tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tìm việc và làm việc; cung cấp các thông tin liên quan tới doanh nghiệp... Trung tâm Dịch vụ việc làm ở nhiều địa phương cũng đã cùng các doanh nghiệp dịch vụ việc làm tổ chức các phiên giao dịch việc làm trực tuyến, lưu động, ngày hội việc làm... Bên cạnh đó, một số tỉnh, thành phố đã có những chương trình hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, mang lại hiệu quả thiết thực. Ví dụ như tại TP. Hồ Chí Minh, bên cạnh việc ngành Lao động, Thương binh và Xã hội liên tục cập nhật, cung cấp thông tin để kết nối các doanh nghiệp với người lao động thì còn nổi lên chương trình tiêu biểu "Cao Thắng vì cộng đồng" do Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng phối hợp với các đối tác thực hiện, nhằm hỗ trợ cho người lao động của Thành phố bị mất việc hoặc giảm giờ làm việc do đại dịch Covid-19. Chương trình này tổ chức dạy nghề miễn phí cho các đối tượng là người dân tộc thiểu số, nữ giới và người khuyết tật, các học viên sẽ được học miễn phí 100% và được cấp giấy chứng nhận hoàn thành mô đun khi thực hiện đúng các qui định về đào tạo của trường; đồng thời, được thực tập trên thiết bị, máy móc hiện đại của trường hoặc đơn vị đối tác tham gia chương trình.

Để chủ trương đào tạo, đào tạo lại nghề được triển khai trên phạm vi rộng, ngày 01/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, có đến 3/12 chính sách liên quan trực tiếp đến lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cụ thể: Chính sách hỗ trợ đào tạo

duy trì việc làm cho người lao động; Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương; Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động. Trong chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức hỗ trợ tối đa là 1,5 triệu đồng/người lao động/tháng và thời gian hỗ trợ tối đa 06 tháng, đây là khoản kinh phí không nhỏ dành cho đào tạo lại nghề.

Điểm đáng chú ý là so với quy định của Luật Việc làm và Nghị định 28/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, thì các điều kiện hỗ trợ người sử dụng lao động trong việc đào tạo duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị định 68 đã được đơn giản hóa hơn, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xây dựng phương án tổ chức đào tạo. Cụ thể, điều kiện để nhận hỗ trợ đào tạo nghề là đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ. Doanh nghiệp thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động; có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020. Bên cạnh đó, việc đào tạo lại nghề theo Nghị quyết 68 không hạn chế lĩnh vực nghề nghiệp, loại hình doanh nghiệp.

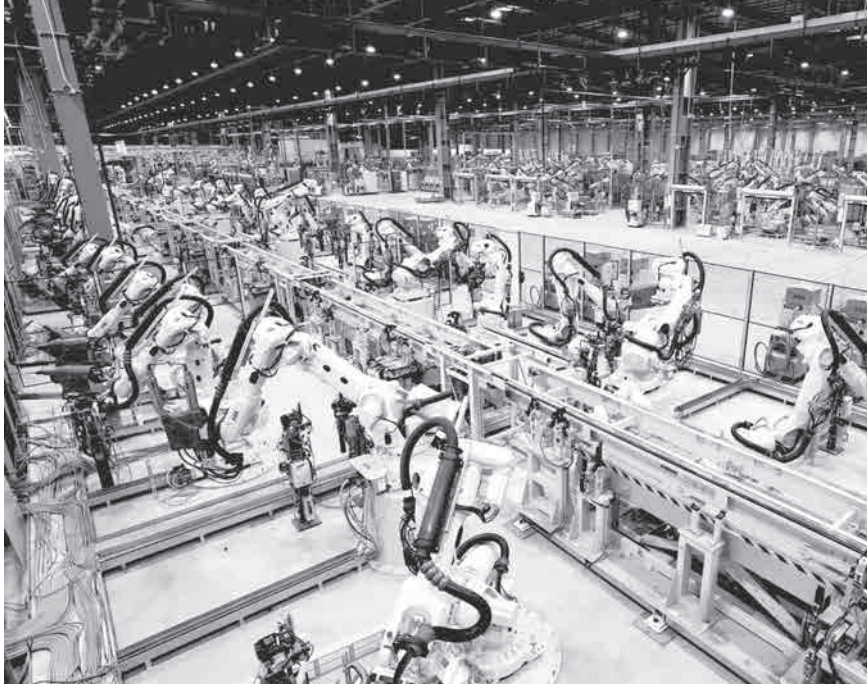
Chủ động triển khai các chính sách trong Nghị quyết 68/NĐ-CP,

ngày 06/7/2021, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) đã tổ chức hội nghị trực tuyến triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động. Tại Hội nghị, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần chủ động tăng cường liên hệ, phối hợp với các doanh nghiệp để xây dựng phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động; Tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động gắn với yêu cầu của doanh nghiệp, người sử dụng lao động; gắn việc đào tạo với cấp bằng, chứng chỉ cho người lao động. Điểm quan trọng nhất là doanh nghiệp phải có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cũng xác định tập trung triển khai tốt Nghị quyết số 68/NQ-CP; ưu tiên hỗ trợ đào tạo, đào tạo lại cho lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành trong 6 tháng cuối năm 2021.

Mặc dù đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong những tháng còn lại của năm 2021, nhưng ở một góc nhìn khác, Nghị quyết 68 thực sự là cơ hội để các cơ sở khẳng định thương hiệu, uy tín trong việc đào tạo kỹ năng nghề để lao động thích ứng với việc thị trường lao động đang có sự thay đổi lớn vì dịch Covid-19. Nghị định 68 đồng thời gợi mở đào tạo lại nghề là hướng đi mới để các cơ sở nghề chủ động kết hợp với các doanh nghiệp trong việc đào tạo lại, chuyển đổi ngành nghề nhằm tái cơ cấu sản xuất, thực hiện chuyển đổi số trong bối cảnh dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp.

Hy vọng rằng sự quyết liệt triển khai những chính sách của Nghị quyết 68/NĐ-CP của ngành chức năng và các địa phương sẽ giúp người lao động chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 sớm tìm được việc làm ổn định, nhanh chóng bắt nhịp với công việc và thị trường lao động nhanh chóng trở lại quỹ đạo quay bình thường./.



Vượt qua khó khăn, Hải Phòng tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”

Sáu tháng đầu năm 2021, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang có những diễn biến hết sức phức tạp, xuất hiện với số lượng nhiều ca mắc ở nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó Hải Phòng xuất hiện một số ca trong cộng đồng. Mặc dù bị ảnh hưởng ít nhiều bởi dịch Covid-19, nhưng Hải Phòng vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ, tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố (GRDP) 6 tháng đầu năm 2021 ước tăng 13,52% so với cùng kỳ năm 2020; cao gấp 2,3 lần tăng trưởng của cả nước (cả nước GDP tăng 5,64%), đứng thứ 4 so với các tỉnh, thành phố trong cả nước, đứng thứ 2 trong các tỉnh, thành phố vùng trọng điểm Bắc Bộ. Kết quả đó cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời của lãnh đạo Thành phố và sự nỗ lực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân để tiếp tục thực hiện hiệu quả mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế”.

Để đạt được mức tăng trưởng như trên phải kể đến sự đóng góp lớn của ngành công nghiệp, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước 6 tháng đầu năm 2021 tăng 20,02% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp trên 9,2 điểm % trong mức tăng trưởng chung của Thành phố. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn giữ vai trò chủ lực với mức tăng 22,8% so với cùng kỳ, đóng góp 9,7 điểm % trong mức tăng trưởng chung (mục tiêu năm 2021 đặt ra giá trị tăng thêm khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 19,2%).

Bên cạnh đó, khu vực dịch vụ cũng đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng của Thành phố, ước tính 6 tháng đầu năm 2021 khu vực dịch vụ tăng 8,92%, đóng góp 3,33 điểm % trong mức tăng chung. Tuy nhiên, khu vực này chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch Covid-19.

HẢI PHÒNG: CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO ĐỘNG LỰC DẪN ĐẦU TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Lê Gia Phong

Cục trưởng Cục Thống kê TP. Hải Phòng

Nếu nhìn vào cơ cấu GRDP của Thành phố cho thấy, cơ cấu kinh tế Thành phố 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng cao nhất, chiếm 52,48%, đây cũng là khu vực có mức tăng cao nhất, tăng 18,55% so với cùng kỳ (trong đó: Cơ cấu ngành công nghiệp chiếm 47,17%; công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 43,7%); tiếp đến khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 37,26%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,6%. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng có sự tăng trưởng nhanh hơn khu vực dịch vụ, giá trị tăng thêm của khu vực này tăng nhanh gấp gần 3 lần so với khu vực dịch vụ (trong đó giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng nhanh gấp 2,7 lần).

Xét theo cấu trúc của toàn chuỗi giá trị, mọi hoạt động kinh tế đều có mối quan hệ khăng khít, và công nghiệp chế biến, chế tạo là trọng tâm trong mối quan hệ giữa các ngành kinh tế¹. Các ngành dịch vụ phụ thuộc rất lớn vào quy mô và trình độ phát triển của hoạt động sản xuất; dịch vụ

Mục tiêu đến năm 2025, thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại. Một trong các giải pháp được đặt ra, đó là: phấn đấu phát triển mạnh công nghiệp theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, trụ cột chính của tăng trưởng kinh tế thành phố với trọng tâm là phát triển công nghiệp công nghệ cao. Điều đó cho thấy, sản xuất công nghiệp thành phố luôn đóng vai trò quan trọng, tạo cơ sở vật chất, nguồn lực để thúc đẩy khu vực dịch vụ phát triển hài hòa. Như vậy, từ những mục tiêu đặt ra có thể thấy công nghiệp chế biến chế tạo được xác định là một trong những yếu tố tạo động lực tăng trưởng của Hải Phòng trong giai đoạn tới.

bán buôn, bán lẻ (trong 6 tháng đầu năm 2021 đóng góp 7,8% GRDP) chính là hoạt động mua và bán hàng hóa do các ngành công nghiệp chế biến chế tạo sản xuất ra; và logistics, vận tải, kho bãi cũng không thể phát triển nếu không có hoạt động trao đổi hàng hóa tạo ra bởi các ngành sản xuất này (trong 6 tháng đầu năm 2021, giá trị tăng thêm của nhóm ngành vận tải, kho bãi đóng góp 15,2% GRDP).

Nền kinh tế của Hải Phòng có độ mở lớn, tính chung 6 tháng đầu năm 2021, độ mở của Hải Phòng

là 184%; các doanh nghiệp của Hải Phòng tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu khá mạnh, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các doanh nghiệp này cơ bản là xuất khẩu 100%. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt trên 11.700 triệu USD, tăng 31,3% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của ngành công nghiệp chiếm khoảng trên 70%. Do vậy, mức độ ảnh hưởng bởi các thị trường trên thế giới cũng như xu hướng phục hồi của các nền kinh tế,

1. Đánh giá của Ban Chỉ đạo 35 Bộ Công Thương

sự gia tăng các dòng vốn đầu tư có tác động thúc đẩy đến kinh tế của Hải Phòng, trong đó có sản xuất công nghiệp.

Công nghiệp chế biến, chế tạo - Động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2021

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố 6 tháng đầu năm đối mặt với nhiều khó khăn, khi dịch Covid-19 tái bùng phát ở một số tỉnh, thành phố, trong đó Hải Phòng xuất hiện một số ca trong cộng đồng đã làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, việc làm của các doanh nghiệp. Chỉ số phát triển sản xuất toàn ngành công nghiệp thành phố tháng 6/2021 giảm 5,53% so với tháng trước và tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, chỉ số phát triển sản xuất toàn ngành công nghiệp ước 6 tháng đầu năm 2021 tiếp tục duy trì tốc độ tăng cao, tăng 20,5% so với cùng kỳ (mục tiêu năm 2021 đặt ra tăng 17%), đây là mức tăng cao thứ 10 so với 63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Trong đó: Ngành chế biến, chế tạo tăng 23,38%, đóng góp 21,4 điểm % vào mức tăng chung; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,89%, đóng góp 0,02 điểm %; hai ngành có chỉ số giảm là ngành khai khoáng giảm 10,12% và ngành sản xuất và phân phối điện giảm 12,73%, cùng tác động làm giảm 0,02 và 0,9 điểm % vào mức tăng chung. Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2021 ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng cao nhất, đồng thời có sự đóng góp nhiều nhất vào mức tăng chung của chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp thành phố.

Sự sụt giảm của tháng 6 so với tháng trước, từ các phân tích

yếu tố ở trên cho thấy có hai góc độ nguyên nhân:

Thứ nhất là sự điều chỉnh kế hoạch, chiến lược sản xuất của doanh nghiệp do điều tiết của thị trường cũng như cung cầu trên thế giới; nền kinh tế của Hải Phòng có độ mở lớn, dẫn đến các doanh nghiệp phải có sự thay đổi linh hoạt để thích ứng. Nếu sự sụt giảm do dừng sản xuất một loại sản phẩm để thay thế bởi một sản phẩm mới thì không đáng lo ngại, trong ngắn hạn thì mức tăng sẽ giảm, nhưng trong dài hạn sẽ có sự tăng trưởng trở lại.

Thứ hai, nếu ngược lại, sản phẩm hay một ngành sản phẩm phải dừng sản xuất do năng lực của doanh nghiệp yếu, giảm đơn hàng, tiêu thụ khó khăn, không chống chọi lại được mức độ ảnh hưởng của khó khăn thì đây là vấn đề khó hồi phục trong thời gian ngắn.

Vì vậy, để cùng đồng hành với các doanh nghiệp, các cấp, ngành của thành phố tiếp tục có những giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh trong mọi tình huống.

Xu hướng phục hồi của các nền kinh tế, sự gia tăng các dòng vốn đầu tư và các hiệp định thương mại tự do tác động thúc đẩy phát triển nền kinh tế của Hải Phòng trong thời gian tới

Kinh tế toàn cầu năm 2021 đều được dự báo sẽ được cải thiện. Với triển vọng này, mặc dù dịch bệnh Covid-19 trên thế giới cũng như trong nước hết sức phức tạp, nhưng vẫn có những tác động tích cực tới phát triển kinh tế Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng. Nhiều nhà đầu tư lớn nước ngoài đã không thay đổi kế hoạch đầu tư vào Hải Phòng (trong đó có đầu tư mới và tăng vốn).

Đối với Hải Phòng, động lực tăng trưởng là công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo định hướng xuất khẩu sẽ là động lực dẫn dắt chính; đây là lợi thế lớn và đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng.

Mặt khác, nhờ các chương trình cải cách nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mạnh mẽ của Hải Phòng, cùng với đó là sự tham gia của Việt Nam vào nhiều hiệp định thương mại tự do với hầu hết các nền kinh tế phát triển. Do vậy, đây là cơ hội lớn cho Hải Phòng, nhất là cộng đồng doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Cơ hội ở đây là các mặt hàng truyền thống của Thành phố có thể mạnh, như dệt may, da giày, thủy sản... tiếp tục có cơ hội tăng trưởng xuất khẩu nhờ cắt giảm thuế quan và các cơ chế thuận lợi hóa thương mại.

Bên cạnh đó, việc loại bỏ thuế suất với các mặt hàng nông sản chế biến sẽ khuyến khích công nghiệp thực phẩm đầu tư sản xuất các mặt hàng cho thị trường này, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu nông sản theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến.

Bên cạnh cơ hội đều gắn liền với thách thức, khi gia nhập các thị trường này, mọi thông tin đều được công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng. Thách thức lớn và trực diện nhất là sức ép cạnh tranh sẽ gay gắt hơn. Đòi hỏi các doanh nghiệp, nhà sản xuất trên địa bàn Thành phố phải tự nâng cao trình độ công nghệ và quản lý, năng suất lao động và khả năng cạnh tranh; Phải đầu tư đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, phát triển công nghiệp hỗ trợ, gia tăng giá trị và hàm lượng nội địa.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Thời gian gần đây, dịch bệnh Covid-19 đang có diễn biến hết sức phức tạp và có những ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội cả nước nói chung, thành phố Hải Phòng nói riêng. Trong bối cảnh hiện nay, duy trì sản xuất công nghiệp ổn định, giữ được mức tăng trưởng cao sẽ là động lực quan trọng chủ yếu góp phần vào tăng trưởng chung của nền kinh tế Hải Phòng. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2020 cũng như 6 tháng vừa qua cho thấy rõ điều đó. Hải Phòng có lợi thế phát triển hài hòa giữa khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ, trong đó, công nghiệp có sự đóng góp quan trọng trong tăng trưởng chung của thành phố. Khi nền công nghiệp thành phố phát triển mạnh và bền vững sẽ là tiền đề vững chắc và có nguồn lực mạnh để phát triển thương mại, dịch vụ.

Một số giải pháp chủ yếu để đạt được mức tăng trưởng năm 2021 như mục tiêu đã đặt ra

- Vấn đề đặt lên hàng đầu, đó là tiếp tục duy trì, phát huy hiệu quả các biện pháp thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phát triển kinh tế-xã hội. Kiểm soát chặt không để dịch bệnh bùng phát trên địa bàn thành phố. Triển khai sớm tiêm vắc xin Covid-19 cho nhân dân thành phố.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính với cách làm mới, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi hơn nữa cho hoạt động xuất khẩu, nhất là đối với các ngành hàng có đóng góp quan trọng cho xuất khẩu.

- Tập trung cao chỉ đạo quyết liệt cho công tác thu ngân sách nhà nước, đây cũng là một trong các yếu tố góp phần vào tăng trưởng kinh tế.

- Quyết liệt đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công để tạo động lực tăng trưởng kinh tế; thu hút đầu tư tạo nguồn lực cho phát triển; tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh; đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm chậm tiến độ, hoặc chưa triển khai thực hiện.

- Đảm bảo tiến độ thực hiện triển khai các Khu, cụm công nghiệp, đồng thời sẵn sàng có đủ mặt bằng để đón đầu, thu hút các dòng đầu tư nước ngoài mới trong thời gian tới.

- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, lữ hành không bỏ cuộc trong khó khăn, nỗ lực tìm giải pháp kháng cự, tăng cường sức bật nội lực; đa dạng hóa sản phẩm, tạo ra các sản phẩm mới; nâng cao chất lượng cũng như đẩy mạnh liên kết sản phẩm du lịch giữa các vùng. Thành phố có chính sách về thuế đối với các doanh nghiệp, tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng cho du lịch; ngân hàng hỗ trợ về vay vốn để phục hồi, giữ lực lượng lao động nông cốt.

- Đảm bảo công tác an sinh, phúc lợi xã hội, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, nâng cao đời sống nhân dân./.

Hà Nội: Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng nhẹ so với cùng kỳ

Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa thành phố Hà Nội ước tính đạt 8.518 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 4.875 triệu USD, giảm 4,3%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3.643 triệu USD, tăng 11,7%.

Đa số các nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu 7 tháng tăng so với cùng kỳ như: Điện thoại và linh kiện đạt 205 triệu USD, tăng 93,8%; giày dép đạt 207 triệu USD, tăng 41,1%; máy móc, thiết bị phụ tùng đạt 1.186 triệu USD, tăng 33,7%; hàng dệt, may đạt 1.184 triệu USD, tăng 13,7%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 7 tháng ước tính đạt 19,5 tỷ USD, tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 15,3 tỷ USD, tăng 20,4%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 4,2 tỷ USD, tăng 16,8%. Một số nhóm hàng có giá trị nhập khẩu lớn như: Máy móc thiết bị, phụ tùng đạt 3.691 triệu USD, tăng 26,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 1.492 triệu USD, tăng 86,6%; máy vi tính, hàng điện tử và 11 linh kiện đạt 1.389 triệu USD, tăng 14,2%; sắt thép đạt 897 triệu USD, tăng 10,7%; chất dẻo đạt 823 triệu USD, tăng 28,3%. Riêng nhóm xăng dầu đạt 1.074 triệu USD, giảm 13,1%./.

Nguồn: Cục Thống kê thành phố Hà Nội

Thanh Hóa: Sản xuất công nghiệp tăng khá

Chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành của tỉnh Thanh Hóa ước tính tháng 7/2021 tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 23,98% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 2,60% so với tháng trước, tăng 32,89% so với tháng cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 0,12% 24,92%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,72% và 11,20%;

cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,87% và 40,71%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất công nghiệp toàn ngành tăng 16,83% so với cùng kỳ; trong đó, công nghiệp khai khoáng tăng 3,29%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,75%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 3,97%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 16,09%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 7/2021 dự kiến tăng 0,78% so với tháng trước, tăng 6,05% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 17,52% so với cùng kỳ năm trước.

Số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tháng 7/2021 dự kiến tăng 2,47% so với tháng trước, tăng 27,19% so với tháng cùng kỳ; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 0,02% so với tháng trước, giảm 2,19% so với tháng cùng kỳ; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 0,47% và 13,83%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 3,08% và 32,76%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2021, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tăng 20,13% so với cùng kỳ; trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước giảm 5,68%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 7,48%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 25,32% so với cùng kỳ năm trước (ngành sản xuất trang phục tăng 13,58%; ngành sản xuất giày dép tăng 33,33%).

Nguồn: Cục Thống kê Thanh Hóa

Thái Nguyên: Các loại cây lâu năm phát triển tốt

Nhìn chung, các loại cây lâu năm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều phát triển tốt. Trong đó, diện tích chè cành, chè trung du cho năng suất cao; một số cây ăn quả đang cho thu hoạch như cây ổi, nhãn. Dự ước, năng suất một số cây ăn quả tăng hơn năm trước.

Tính đến hết 7/2021, toàn tỉnh trồng mới và trồng lại được khoảng 62 ha chè, trong đó, trồng mới 37 ha, trồng lại 25 ha. Các địa phương đang chuẩn bị các điều kiện cho trồng chè năm 2021, tiến hành hoàn thiện các thủ tục và cấp cây chè giống đảm bảo trồng trong vụ Thu năm 2021.

Bên cạnh đó, tỉnh Thái Nguyên đang hình thành một số vùng sản xuất cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ với tổng diện tích 1.581 ha. Một số mô hình đã ứng dụng công nghệ quản lý nước tưới bằng hệ thống tưới tiết kiệm trong thâm canh cây ăn quả với tổng diện tích toàn tỉnh đạt 278 ha; ứng dụng quy trình sản xuất cây ăn quả an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích cây ăn quả

toàn tỉnh ước tính 14,7 nghìn ha, giảm 0,1% (146 ha) so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do giảm diện tích trồng cây vải, hồng,... thực hiện cải tạo một số diện tích trồng cây ăn quả già cỗi, năng suất, giá trị thấp (nhãn, xoài, mơ, mận, dứa, táo ...) sang trồng một số loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao hơn như bưởi, na, thanh long, mít, ổi, đu đủ...

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên

Quảng Trị: Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tăng 23,59% so với tháng trước

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng Bảy của tỉnh Quảng Trị ước tính đạt 308,98 tỷ đồng, tăng 23,59% so với tháng trước và tăng 17,57% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 237,23 tỷ đồng, tăng 19,94% và tăng 16,74%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 59,62 tỷ đồng, tăng 31,97% và tăng 9,59%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 12,13 tỷ đồng, tăng 72,33% và tăng 134,30%.

Tính chung 7 tháng năm 2021, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước tính đạt 1.544,90 tỷ đồng, bằng 38,29% kế hoạch năm 2021 và tăng 1,75% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 1.251,26 tỷ đồng, bằng 37,49% kế hoạch và tăng 6,80%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 257,49 tỷ đồng, bằng 41,27% kế hoạch và giảm 14,87%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 36,15 tỷ đồng, bằng 49,39% kế hoạch và giảm 18,23%.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị

Tây Ninh: Thu ngân sách trên địa bàn đạt khá

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Tây Ninh tháng 7/2021 ước đạt 600 tỷ đồng, lũy kế 7 tháng 6.510 tỷ đồng, đạt 62,01% dự toán, tăng 16,68% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nội địa 5.699 tỷ đồng, đạt 60,0% dự toán, tăng 14,06% cùng kỳ năm trước. Cộng dồn 7 tháng đầu năm, trong nguồn thu nội địa, nhiều khoản thu tăng khá so với cùng kỳ và đạt khá cao so với dự toán, như: thu công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 1.055 tỷ đồng, đạt 62,06% dự toán, tăng 22,84% so với cùng kỳ; thu từ doanh nghiệp nhà nước 271 tỷ đồng đạt 66,17% dự toán và tăng 36,75% so với cùng kỳ; thu từ Doanh nghiệp có vốn ĐTNN 946 tỷ đạt 86,0% dự toán, tăng 51,26%; thuế thu nhập cá nhân 612 tỷ tăng 9,57% và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 811 tỷ bằng 81,07% dự toán năm, và tăng 39,13% so với cùng kỳ so cùng kỳ.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

TS. Nguyễn Cảnh Hiệp
Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Định hướng phát triển kinh tế và yêu cầu về vốn đầu tư cho giai đoạn mới

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 01/2021) đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm 2021-2030 với mục tiêu đến năm 2030 nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư phát triển, nền kinh tế sẽ phải huy động qua nhiều kênh khác nhau, như chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động qua thị trường chứng khoán... Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam giai đoạn sắp tới, có thể thấy rằng việc huy động nguồn vốn đầu tư qua các kênh nói trên cũng gặp nhiều khó khăn, xuất phát từ những lý do sau đây:

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Việc chi đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước sẽ được siết chặt để phù hợp với chủ trương của Đảng đã được đề ra tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 về chủ trương,



giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Theo đó, kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước sẽ được siết chặt nhằm bảo đảm cân đối ngân sách tích cực, giảm dần tỉ lệ bội chi, nguồn vốn ngân sách nhà nước sẽ chủ yếu tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, có sức lan toả lớn và giải quyết các vấn đề phát triển của quốc gia, vùng và liên vùng, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Đối với nguồn vốn ODA: Với việc Việt Nam chính thức vươn lên trở thành quốc gia có thu nhập

trung bình từ năm 2010 và "tốt nghiệp IDA" từ tháng 7/2017, tức là không còn nằm trong nhóm những nước nhận được các khoản vay ưu đãi từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế giới nữa, nguồn vốn ODA đầu tư vào Việt Nam trong những năm tới sẽ giảm dần, tiến tới áp dụng các điều kiện vay vốn từ các quốc gia và định chế tài chính đa phương tương tự như các khoản vay thương mại.

- Đối với nguồn vốn của các tổ chức tín dụng: Theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn

đang được giảm dần. Hiện tại, theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN, các tổ chức tín dụng đang được sử dụng tối đa 40% nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn. Tuy nhiên, theo Thông tư số 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN (ban hành ngày 14/8/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2020), tỷ lệ này theo lộ trình sẽ giảm xuống còn 37% từ ngày 01/10/2021 và 34% từ ngày 01/10/2022 để tiến tới mức 30% từ ngày 01/10/2023. Do đó, trong thời gian tới, việc vay vốn trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng để phục vụ nhu cầu đầu tư cũng trở nên khó khăn hơn.

- Đối với nguồn vốn huy động qua thị trường chứng khoán: Mặc dù huy động vốn đầu tư qua thị trường này là xu hướng tất yếu trên thế giới, tuy nhiên ở Việt Nam, tỷ lệ huy động vốn qua thị trường chứng khoán vẫn còn ở mức thấp, việc huy động vốn qua thị trường này chưa trở thành một kênh phổ biến được các nhà đầu tư ưa chuộng xuất phát từ trình độ phát triển của thị trường chứng khoán cũng như năng lực quản lý tài chính của các doanh nghiệp.

Bắt nguồn từ những lý do nêu trên, việc duy trì một kênh tạo lập nguồn vốn đầu tư cho nền kinh tế thông qua hoạt động TDĐT của Nhà nước là rất cần thiết nhằm đảm bảo vẫn đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư của nền kinh tế mà không tạo ra áp lực quá lớn cho các kênh cung ứng vốn còn lại hoặc không làm cho hoạt động của các kênh này đi chệch định hướng đã được đặt ra.

Thực trạng khả năng cung ứng vốn TDĐT của Nhà nước

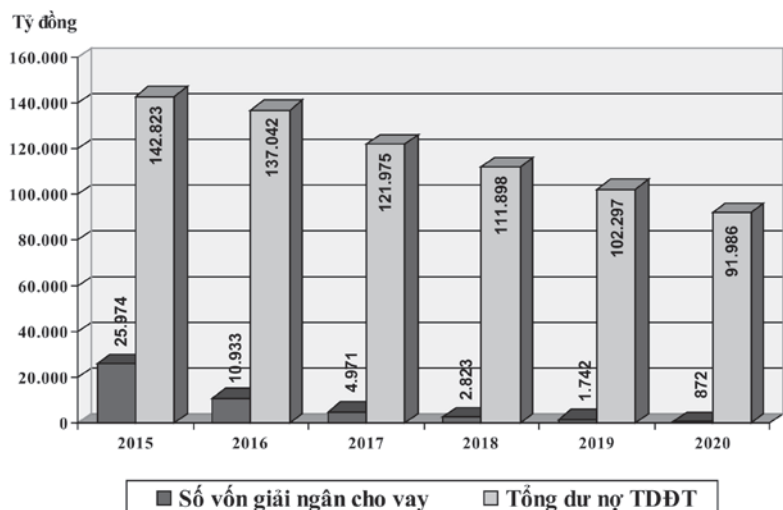
Ở Việt Nam hiện nay, nguồn vốn TDĐT của Nhà nước đang được cung ứng qua một định chế

tài chính đặc biệt của Chính phủ là Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)¹. Đối tượng sử dụng vốn TDĐT của Nhà nước là các dự án thuộc danh mục do Chính phủ quy định từng thời kỳ, trong đó chủ yếu tập trung vào lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng KT-XH, phát triển nông nghiệp, nông thôn và phát triển công nghiệp. Ngoài ra, nguồn vốn TDĐT của Nhà nước còn tài trợ cho một số loại dự án đầu tư được thực hiện tại một số địa bàn thuộc diện ưu tiên theo chính sách của Nhà nước (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc Chương trình 135 và các xã biên giới thuộc Chương trình 120, các xã vùng bãi ngang...).

Kể từ khi thành lập (2006) đến nay, VDB đã cung ứng cho nền kinh tế một lượng vốn TDĐT của Nhà nước rất lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển cơ sở hạ tầng KT-XH cũng như nâng cao năng lực sản xuất của các ngành kinh tế. Tính chung trong cả giai đoạn 2006-2020, số vốn TDĐT của Nhà nước đã tài trợ cho các dự án qua VDB chiếm khoảng 0,5% GDP và gần 1,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội cùng thời kỳ.

Tuy nhiên, trong một số năm gần đây, quy mô tài trợ vốn TDĐT của Nhà nước hàng năm có xu hướng sụt giảm. Nếu như năm 2015, số vốn TDĐT của Nhà nước giải ngân trong năm là 25.947 tỷ đồng và dư nợ TDĐT cuối năm đạt tới 142.823 tỷ đồng, thì đến năm 2020, con số tương ứng chỉ còn lại lần lượt là 872 tỷ đồng và 91.986 tỷ đồng. So với năm 2015, dư nợ TDĐT của Nhà nước năm 2020 tại VDB chỉ bằng 64,4%.

Biểu đồ 1. Quy mô TDĐT của Nhà nước giai đoạn 2015-2020



(Nguồn: Báo cáo tổng kết hàng năm của VDB)

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng nói trên chủ yếu là do Chính phủ thu hẹp danh mục đối tượng sử dụng vốn TDĐT của Nhà nước

1. VDB được thành lập theo Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện chính sách TDĐT của Nhà nước. Hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, VDB được Nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán, không phải dự trữ bắt buộc hay tham gia bảo hiểm tiền gửi. Ngoài ra, còn được Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý đối với hoạt động tín dụng chính sách của Nhà nước và các nhiệm vụ khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

qua từng giai đoạn², đồng thời giảm dần các ưu đãi về điều kiện cho vay của nguồn vốn này, đặc biệt là lãi suất cho vay và bảo đảm tiền vay³. Bên cạnh đó, xuất phát từ khó khăn trong việc cân đối ngân sách nhà nước, Chính phủ cũng không bố trí đủ nguồn lực tài chính cho VDB tương xứng với nhiệm vụ thực thi chính sách TDĐT của Nhà nước, từ việc không cấp đủ vốn điều lệ cho đến việc không thanh toán kịp thời các khoản cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh hàng năm của VDB⁴.

2. Tại Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, Chính phủ quy định đối tượng vay vốn TDĐT gồm 24 loại dự án (không phân biệt dự án nhóm A, nhóm B hay nhóm C). Song đến khi Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ra đời thì đối tượng vay vốn TDĐT chỉ còn lại 21 loại dự án (trong đó chủ yếu là dự án thuộc nhóm A và nhóm B). Danh mục đối tượng vay vốn TDĐT của Nhà nước hiện hành theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP thậm chí còn thu hẹp hơn so với Nghị định số 75/2011/NĐ-CP.

3. Theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP, khách hàng vay vốn TDĐT của Nhà nước được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay, và phải trả lãi vay với lãi suất bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng 0,5%/năm. Song đến khi Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ra đời, khách hàng vay vốn TDĐT của Nhà nước phải thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay theo quy định chung của pháp luật về giao dịch bảo đảm, và phải trả lãi vay với lãi suất không thấp hơn lãi suất bình quân các nguồn vốn cộng với phí hoạt động của VDB.

4. Theo lộ trình được xác định tại Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển VDB đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, vốn điều lệ của VDB sẽ được tăng lên mức 20.000 tỷ đồng vào năm 2015 và 30.000 tỷ đồng vào năm 2020, tuy nhiên, đến hết năm 2020, VDB mới chỉ được ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ hơn 15.000 tỷ đồng. Ngoài ra, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cũng thường xuyên không bố trí đủ số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho VDB, bình quân cả giai đoạn 2006-2020, ngân sách nhà nước chỉ bố trí 74,82% số chênh lệch lãi suất và phí quản lý phát sinh thực tế.

Ngoài ra, sự sụt giảm quy mô cung ứng vốn TDĐT của Nhà nước còn bắt nguồn từ một nguyên nhân rất quan trọng là sự hạn chế về thẩm quyền quyết định của VDB đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động TDĐT, từ việc xác định kế hoạch tăng trưởng tín dụng và kế hoạch huy động vốn hàng năm cho đến việc phán quyết các vấn đề liên quan đến các dự án vay vốn (như lãi suất cho vay, bảo đảm tiền vay, mức vốn cho vay, biện pháp xử lý rủi ro...). Cụ thể:

- Theo quy định về đầu tư công và quản lý nợ công, quy mô cho vay vốn TDĐT của Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thông qua Kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển được giao cho VDB hằng năm; quy mô phát hành trái phiếu để huy động vốn phục vụ hoạt động tín dụng này được quyết định thông qua hạn mức bảo lãnh của Chính phủ cấp cho VDB hằng năm.

- Theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP, lãi suất cho vay đối với các dự án được thực hiện theo lãi suất do Bộ Tài chính quyết định, việc cho vay vượt 70% tổng mức đầu tư của dự án phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Theo quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP, các dự án có nhu cầu vay vốn quá 15 năm

hoặc không đáp ứng đủ yêu cầu chung về bảo đảm tiền vay phải được Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP và Nghị định số 32/2017/NĐ-CP, các biện pháp xử lý rủi ro vốn TDĐT của Nhà nước mà VDB được quyết định chủ yếu là điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ, còn các biện pháp khác (khoanh nợ, xoá nợ gốc, xoá nợ lãi, bán nợ...) phải được quyết định bởi Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Thủ tướng Chính phủ...

Một số đề xuất đổi mới hoạt động TDĐT của Nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế

Kết quả phân tích ở các phần trước của bài viết đã chỉ ra rằng, yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn sắp tới đòi hỏi một lượng vốn rất lớn, trong đó bao gồm cả vốn TDĐT của Nhà nước. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai hoạt động TDĐT của Nhà nước những năm gần đây cho thấy, để có thể mở rộng khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế thì hoạt động TDĐT của Nhà nước cần phải được đổi mới trên nhiều phương diện, bao gồm cả chính sách về TDĐT của Nhà nước cũng như quy định về tổ chức và hoạt động



của cơ quan thực thi chính sách này nhằm khắc phục những bất cập đã được chỉ ra ở trên.

Với yêu cầu đó, VDB và các cơ quan quản lý nhà nước cần phối hợp nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Mở rộng danh mục đối tượng vay vốn TDĐT của Nhà nước theo hướng xem xét bổ sung một số loại hình dự án thuộc các lĩnh vực được ưu tiên phát triển theo Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, bên cạnh các dự án thuộc danh mục đối tượng vay vốn TDĐT của Nhà nước được quy định tại Nghị định số 32/2017/NĐ-CP hiện nay.

- Sửa đổi các quy định về điều kiện vay vốn TDĐT của Nhà nước theo hướng cho phép VDB được thực hiện chính sách phân biệt lãi suất cho vay và tỷ lệ bảo đảm tiền vay theo khách hàng vay vốn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có uy tín và có dự án hiệu quả được vay vốn với lãi suất thấp hơn và tỷ lệ bảo đảm tiền vay nhỏ hơn so với các doanh nghiệp khác. Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay đối với mỗi khoản vay do VDB quyết định và chịu trách nhiệm theo mức độ rủi ro của khoản vay.

- Ưu tiên để VDB được huy động các nguồn vốn có lãi suất thấp từ các quỹ tài chính nhà nước hoặc xem xét cấp bảo lãnh để VDB huy động vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng quốc tế trong trường hợp VDB tìm được nguồn vốn giá rẻ từ các tổ chức này; đồng thời tạo điều kiện cho VDB phát hành trái phiếu kỳ hạn phù hợp với yêu cầu cho vay đối với các dự án đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dài thuộc đối tượng sử dụng vốn TDĐT của Nhà nước.

- Bố trí ngân sách nhà nước để cấp đủ vốn điều lệ của VDB theo lộ trình đã được phê duyệt tại Chiến lược phát triển VDB đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 nhằm sớm đạt mức vốn điều lệ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; thanh toán đủ số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý còn thiếu cho VDB trong thời gian qua, đồng thời không để tình trạng nợ đọng tương tự xảy ra trong các năm tiếp theo.

- Đổi mới mô hình hoạt động của VDB theo hướng nâng cao tính tự chủ trên cơ sở tính đủ chi phí huy động vốn và các chi phí quản lý hoạt động vào lãi suất cho vay cùng với việc cho phép VDB cung ứng thêm một số dịch vụ ngân hàng có thu phí để tạo nguồn thu nhằm giảm dần số cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý từ ngân sách nhà nước; đồng thời phân quyền mạnh hơn cho VDB trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng TDĐT của Nhà nước tương ứng với khả năng tự chủ về tài chính.

Bên cạnh việc hoàn thiện chính sách như trên, để đáp ứng yêu cầu cung ứng vốn đầu tư cho nền kinh tế thì bản thân VDB, với tư cách là cơ quan thực thi chính sách TDĐT của Nhà nước, cũng cần thực hiện các biện pháp để nâng cao năng lực của mình về mọi mặt, từ chất lượng nhân lực cho đến nền tảng công nghệ cũng như trình độ quản lý. Chỉ trong trường hợp đó, hoạt động cung ứng vốn TDĐT của Nhà nước qua VDB mới có thể được mở rộng quy mô mà không gây ra rủi ro, tổn thất cho VDB hay gánh nặng cho ngân sách nhà nước./.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân

sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030 (trong các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng)

3. Hạnh Nguyễn (2021), “Tỷ lệ vốn huy động qua thị trường chứng khoán còn thấp”, Báo điện tử VietnamPlus TTXVN, truy cập ngày 30/3/2021 tại <https://www.vietnamplus.vn/ty-le-von-huy-dong-qua-thi-truong-chung-khoan-con-thap/702258.vnp>

4. Nghị định số 151/2006/NĐ-CP của Chính phủ về TDĐT và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

5. Nghị định số 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ về TDĐT của Nhà nước

6. Nghị định số 75/2011/NĐ-CP của Chính phủ về TDĐT và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

7. Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 28/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”

8. Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 28/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển VDB đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

9. Trần Văn Thọ (2017), “Tiến tới tốt nghiệp ODA toàn phần”, Tạp chí Tia Sáng, truy cập ngày 20/4/2021 tại <http://tiasang.com.vn/-dien-dan/Tien-toi-%E2%80%9Ctốt-nghiep%E2%80%9D-ODA-toan-phan-10748>

10. Thông tư số 22/2019/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN.

11. Tổng cục Thống kê (2020), Báo cáo số 245/BC-TCTK ngày 27/12/2020 về tình hình KT-XH quý IV và năm 2020, truy cập ngày 20/6/2021 tại <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=48535&idcm=293>

12. VDB (2016-2021), Báo cáo tổng kết hoạt động các năm 2015-2020

THỎA THUẬN THUẾ DOANH NGHIỆP TOÀN CẦU VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM

Trúc Linh

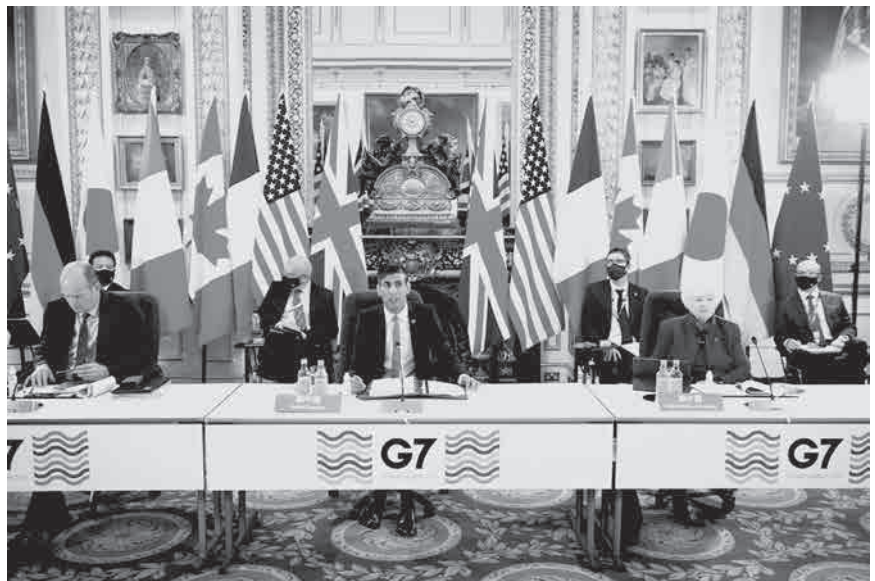
Nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) vừa đạt được thỏa thuận mang tính bước ngoặt, khi nhất trí về mức thuế doanh nghiệp toàn cầu tối thiểu là 15%. Theo giới chuyên gia kinh tế, đây là một bước tiến mang tính lịch sử về cải cách hệ thống thuế doanh nghiệp toàn cầu, chấm dứt cuộc đua giảm thuế doanh nghiệp giữa các nước. Tuy nhiên, để thỏa thuận mức thuế thống nhất được áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn cầu vẫn còn là một chặng đường dài.

Bước tiến tích cực về thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu

Trong nhiều năm qua, các quốc gia giàu có đã gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm sự đồng thuận về cách thức áp thuế đối với các công ty đa quốc gia lớn. Các tập đoàn khổng lồ, với doanh thu hàng tỷ USD trên toàn cầu này, thường chỉ nộp một mức thuế không đáng kể nhờ các biện pháp né thuế tinh vi, gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài chính công.

Trong một động thái có thể huy động hàng trăm tỷ USD để giúp các chính phủ đối phó với hậu quả của Covid-19, nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới (G7) đã đồng ý thiết lập mức thuế doanh nghiệp toàn cầu tối thiểu là 15%.

Thông cáo từ các Bộ trưởng tài chính G7 nêu rõ: "Chúng tôi cam kết đạt được một giải pháp hợp lý trong vấn đề phân bổ quyền áp thuế, theo đó các nước có quyền áp thuế đối với ít nhất 20% lợi nhuận vượt quá biên độ 10% đối với các công ty đa quốc gia lớn nhất



Các nước G7 ngày 5/6 đã đạt được thỏa thuận về thuế thu nhập doanh nghiệp toàn cầu. Ảnh: Reuters

và sinh lời nhiều nhất. Chúng tôi đảm bảo sự phối hợp hợp lý giữa việc áp dụng các luật thuế quốc tế mới với việc xóa bỏ toàn bộ thuế dịch vụ kỹ thuật số và các biện pháp tương tự liên quan đối với tất cả các công ty".

Cải cách thuế mới nhằm giải quyết 2 mục tiêu (được gọi là 2 trụ cột của Tổ chức Hợp tác

và Phát triển kinh tế - OECD) để đối phó với các công ty (đặc biệt là các công ty công nghệ) hoạt động ở nhiều quốc gia. Thứ nhất, cho phép các quốc gia đánh thuế một phần lợi nhuận do các công ty lớn thu được ở quốc gia đó dựa trên cơ sở doanh thu phát sinh, thay vì lấy nơi đặt trụ sở của công ty để áp mức thuế. Thứ hai, đặt ra

một mức thuế suất thuế doanh nghiệp tối thiểu trên thu nhập toàn cầu.

Với trụ cột thứ nhất, các quốc gia nơi các công ty đa quốc gia tạo ra doanh thu sẽ được trao quyền đánh thuế mới đối với ít nhất 20% của phần lợi nhuận vượt trên biên độ 10% đối với các công ty lớn nhất và có lợi nhuận cao nhất (các tỷ lệ phân bổ lại 20% và 10% này vẫn cần được thống nhất). Trong khi đó, trụ cột thứ hai cho phép các quốc gia áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu ít nhất là 15%.

Đánh giá về thỏa thuận thuế mới này, Bộ trưởng Tài chính Anh Rishi Sunak cho biết: “Sau nhiều năm thảo luận, các bộ trưởng tài chính G7 đã đạt được một thỏa thuận lịch sử nhằm cải cách hệ thống thuế toàn cầu để phù hợp với kỷ nguyên kỹ thuật số toàn cầu, và quan trọng hơn, đảm bảo tính công bằng”.

Còn theo Bộ trưởng Tài chính Mỹ Janet Yellen, “cam kết quan trọng, chưa từng có tiền lệ này” sẽ kết thúc cái gọi là cuộc chạy đua xuống đáy trong thuế thu nhập doanh nghiệp, đảm bảo sự công bằng cho tầng lớp trung lưu và người lao động ở Mỹ cũng như trên thế giới. Bà Yellen đồng thời cũng cho rằng điều này sẽ khuyến khích các nước cạnh tranh dựa trên những cơ sở tích cực.

Bộ trưởng Tài chính Đức Olaf Scholz nhận định thỏa thuận này là “tin xấu đối với các thiên đường thuế trên toàn thế giới”, đồng thời cho biết thêm: “Các công ty sẽ không còn có thể trốn tránh nghĩa vụ thuế bằng cách chuyển lợi nhuận của họ tới các quốc gia có mức thuế thấp nhất”. Thỏa thuận cũng hứa hẹn sẽ chấm dứt các khoản thuế dịch vụ kỹ thuật số quốc gia mà Anh và các nước

châu Âu khác áp dụng với những công ty đa quốc gia của Mỹ, điều mà Washington cho rằng mang tính phân biệt đối xử và thiếu công bằng đối với các doanh nghiệp của nước này.

Phản ứng trước các thông tin về thỏa thuận, một số hãng công nghệ hàng đầu thế giới của Mỹ cho biết đang tập trung theo dõi cách thức thỏa thuận có thể ảnh hưởng đến những quy định về thuế.

Ông Nick Clegg, Phó chủ tịch Facebook phụ trách các vấn đề toàn cầu và cũng là cựu Phó thủ tướng Anh cho biết: “Thỏa thuận này là một bước đi đầu tiên quan trọng, hướng tới sự ổn định cho các doanh nghiệp và củng cố niềm tin công chúng vào hệ thống thuế toàn cầu”. Ông cũng nhận định: “Chúng tôi muốn quá trình cải cách thuế quốc tế thành công và nhận ra rằng điều này có thể khiến những công ty như Facebook phải trả nhiều thuế hơn và ở những nơi khác nhau”.

Hãng công nghệ khổng lồ khác là Google cũng ủng hộ việc thay đổi quy định thuế quan quốc tế, đồng thời hy vọng các nước tiếp tục hợp tác cùng nhau để đảm bảo một thỏa thuận cân bằng và bền vững.

Trong khi đó, phát ngôn viên của Amazon cho rằng “Chúng tôi tin tưởng một quy trình do OECD dẫn đầu nhằm đưa ra một giải pháp đa phương sẽ giúp đem lại sự ổn định cho hệ thống thuế quan quốc tế. Thỏa thuận của G7 là một bước đi được hoan nghênh nhằm hướng tới nỗ lực đạt được mục tiêu này”.

Mặc dù thỏa thuận đã được các nước G7 đồng ý về mặt nguyên tắc, nhưng rất nhiều chi tiết còn cần được soạn thảo và đạt được sự đồng thuận ở các vòng tiếp theo.

Các biện pháp vừa được G7 thông qua còn cần phải tìm được sự ủng hộ rộng rãi hơn tại cuộc họp của nhóm G20, trong đó bao gồm một số nền kinh tế mới nổi, dự kiến sẽ diễn ra vào tháng Bảy tới ở Venice, Italy cùng với cuộc đàm phán được lên kế hoạch với sự tham dự của 135 quốc gia tại Paris, Pháp.

Những tác động đến Việt Nam

Theo giới chuyên gia đánh giá, thỏa thuận đánh thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu sẽ tác động đến Việt Nam theo 3 cách. Thứ nhất, hiệp định thuế mới này có thể làm giảm khả năng thu hút các công ty nước ngoài của Việt Nam bằng các chính sách ưu đãi thuế.

Mặc dù thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam là 20%, cao hơn mức tối thiểu để xuất, nhưng Việt Nam đang ưu đãi thuế cho nhiều đối tượng/loại dự án, như miễn thuế 4 năm, giảm 50% trong 9 năm, thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm cho các công ty công nghệ cao đủ điều kiện. Nếu mức thuế tối thiểu toàn cầu là 15% được áp dụng, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa.

Tuy nhiên, thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu có dẫn đến sự thay đổi nào trong chính sách ưu đãi thuế ở Việt Nam hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác và khó có thể xảy ra trong thời gian ngắn tới đây, do còn một số lượng đáng kể đối tượng được hưởng lợi từ chính sách ưu đãi sẽ không nằm trong phạm vi của quy định thuế toàn cầu mới. Trong mọi trường hợp, các tổ chức/dự án đang triển khai và đã được hưởng ưu đãi sẽ được bảo đảm theo quy định của Luật Đầu tư Việt Nam.

Thứ hai, đối với việc phân bổ thuế cho các quốc gia thị trường,

ASEAN – NHẬT BẢN: QUAN HỆ HỢP TÁC BỀN CHẶT, TỪ TRÁI TIM ĐẾN TRÁI TIM

Bích Ngọc

xét đến Việt Nam là một nước có thị trường nội địa tương đối lớn, sáng kiến thuế này có thể có lợi cho Việt Nam, vì nó sẽ cho phép Việt Nam được quyền đánh thuế ở một chừng mực nào đó đối với các công ty công nghệ và thương mại điện tử có doanh thu lớn tại Việt Nam. Ước tính, Việt Nam đang thất thu lớn tiền thuế từ các giao dịch thương mại điện tử tại các công ty thương mại điện tử và công nghệ, ví dụ như Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thị trường khác.

Bên cạnh đó, gần đây Việt Nam đã thông qua Nghị định số 126/2020/ND-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế mới nhằm quản lý việc thu thuế từ các doanh nghiệp thương mại điện tử (thông qua hình thức tự đăng ký hoặc yêu cầu ngân hàng khấu trừ thuế), tuy nhiên, hiện chưa thể khẳng định Nghị định mới sẽ thành công như thế nào trong việc tăng nguồn thu thuế từ các công ty này.

Trong khi đó, quy định về thuế toàn cầu mới có thể cũng sẽ khó mang lại kết quả tốt hơn cho Việt Nam vì cơ chế chia sẻ thuế cho các quốc gia thị trường cũng sẽ đòi hỏi một hệ thống quản lý thuế có năng lực và các nỗ lực phối hợp ở tầm quốc tế. Đây cũng là một trong những mối lo ngại của Diễn đàn Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận của OECD khi thảo luận về kế hoạch chi tiết cho trụ cột thứ nhất này, bởi đây sẽ là một thách thức lớn đối với các nước đang phát triển với năng lực quản lý thuế thường còn yếu.

Thứ ba, mức thuế doanh nghiệp tối thiểu mới có thể ảnh hưởng đến việc cơ cấu các giao dịch trong đơn vị thành viên của các công ty đa quốc gia, vì các công ty này thường sử dụng cơ chế giá nội bộ để quản lý các nghĩa vụ thuế trên toàn cầu. Giao dịch trong nội bộ của các công ty đa quốc gia là một lĩnh vực mà các cơ quan chức năng của Việt Nam đang tiến hành rà soát chặt chẽ để tránh việc lạm dụng thuế./.

Traï qua gần 5 thập kỷ, ASEAN và Nhật Bản đã xây dựng mối quan hệ hợp tác trải rộng trên nhiều lĩnh vực và trở thành những đối tác tin cậy của nhau. Cơ sở để tạo dựng niềm tin cho mối quan hệ hợp tác này là việc hai bên luôn coi trọng quan hệ đối tác chiến lược của nhau. Đối với Nhật Bản, luôn ủng hộ đoàn kết ASEAN và coi trọng vai trò trung tâm của ASEAN trong khu vực, tôn trọng và luôn đóng góp rất trách nhiệm vào các cơ chế do ASEAN dẫn dắt như: Cơ chế hợp tác giữa ASEAN và ba quốc gia Đông Bắc Á gồm Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc (ASEAN+3); Cơ chế cấp cao Đông Á (EAS); Cơ chế đối thoại an ninh hàng đầu giữa các nước ASEAN và các đối tác quan trọng ở châu Á - Thái Bình Dương (ARF); Cơ chế hợp tác quốc phòng chính thức giữa ASEAN và các nước đối tác - đối thoại quan trọng của ASEAN (ADMM+),... Xác định một tình bạn lâu dài, Nhật Bản mong muốn tiếp tục thúc đẩy hợp tác toàn diện với ASEAN trên cả 4 trụ cột: Đối tác vì hoà bình và ổn định, Đối tác vì sự thịnh vượng, Đối tác vì chất lượng cuộc sống và Đối tác từ trái tim đến trái tim. Ngược lại, Nhật Bản là một đối tác tích cực của ASEAN, đóng góp tích cực cho đối thoại, hợp tác vì hoà bình, ổn định và thịnh vượng tại khu vực.

Trong những năm qua, hai bên đã cùng nhau thực hiện hiệu quả các Tuyên bố chung của Lãnh đạo Cấp cao như: Tuyên bố chung Hội nghị Cấp cao Kỷ niệm 45 năm Quan hệ Hữu nghị và Hợp tác ASEAN-Nhật Bản (năm 2018) và Tuyên bố chung Hội nghị Cấp cao ASEAN-Nhật Bản lần thứ 22 về Kết nối (năm 2019)... cũng như phối hợp triển khai Tuyên bố chung Hợp tác ASEAN-Nhật Bản về quan điểm chung của ASEAN về Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (AOIP). Theo đó, ASEAN và Nhật Bản ưu tiên tăng cường hợp tác về kết nối, phát triển hạ tầng, thông qua thực hiện Đối tác Giao thông ASEAN-Nhật Bản (AJTP); đàm phán Hiệp định Dịch vụ Hàng không ASEAN-Nhật Bản; gắn kết giữa việc triển khai Sáng kiến của Nhật Bản về Đối tác mở rộng về hạ tầng chất lượng cao với Kế hoạch Tổng thể Kết nối ASEAN 2025 (MPAC 2025)... Hai bên cũng ghi nhận những kết quả tích cực trong triển khai các dòng hành động trong Kế hoạch sửa đổi 2017 thực hiện Tuyên bố tầm nhìn ASEAN-Nhật Bản; Kế hoạch hành động 2018-2022 thực hiện Tuyên bố Tầm nhìn Quan hệ hữu nghị và hợp tác ASEAN-Nhật Bản. Đặc biệt, các nước ASEAN ghi nhận sự hỗ trợ hiệu quả của Nhật Bản thông qua Quỹ Liên kết ASEAN-Nhật Bản (JAIF).

Trong quan hệ thương mại, một trong những dấu ấn quan trọng là ASEAN và Nhật Bản cùng nhau ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện (AJCEP) vào tháng 4/2008 trên cơ sở Hiệp định khung về đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản đã được ký năm 2003. Hiệp định AJCEP bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/12/2008. Hiệp định AJCEP được đánh giá là một hiệp định thương mại tự do toàn diện trong nhiều lĩnh vực, bao gồm các cam kết về thương mại hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, hợp tác kinh tế. Những nỗ lực trong hợp tác thương mại đã đưa Nhật Bản trở thành đối tác thương mại lớn của ASEAN. Theo thống kê, năm 2018, thương mại hai chiều giữa ASEAN và Nhật Bản đạt 231,7 tỷ USD. Báo cáo hội nhập ASEAN năm 2019 của Ban Thư ký SEAN cũng cho thấy, Nhật Bản là một trong 4 thị trường xuất khẩu lớn của ASEAN với tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 sang thị trường này chiếm 7,9% trong tổng xuất khẩu của ASEAN. Đối với nhập khẩu, năm 2018, Nhật Bản là thị trường nhập khẩu lớn thứ 3 của khối ASEAN với kim ngạch nhập khẩu chiếm tỷ trọng là 8,4% tổng nhập khẩu của ASEAN, đứng sau Trung Quốc (20,5%) và EU 28 (9,2%). Ở chiều ngược lại, ASEAN cũng là thị trường thương mại quan trọng của Nhật Bản. Theo số liệu từ Bộ Tài chính Nhật Bản, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ ba của nước này, sau Trung Quốc và Mỹ. Năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước này sang ASEAN đạt 11.580 tỷ yen (khoảng 110 tỷ USD), trong khi kim ngạch nhập khẩu đứng ở mức 11.760 tỷ Yen (khoảng 111,7 tỷ USD).

Bên cạnh đó, ASEAN còn trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và doanh nghiệp Nhật Bản có nhu cầu đa dạng hoá

thị trường cũng như điểm đến đầu tư trong xu thế chuyển dịch các chuỗi cung ứng tại khu vực. Trong 5 năm qua, các nhà đầu tư Nhật Bản đã “rót” trung bình 20 tỷ USD mỗi năm vào khu vực ASEAN. Tính đến năm 2019, có hơn 13.000 công ty Nhật Bản đang hoạt động tại Đông Nam Á. Một cuộc khảo sát của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) vào năm 2019 còn cho thấy hơn 56% doanh nghiệp Nhật Bản đang tìm cách mở rộng kinh doanh ở các nước ASEAN trong những năm tới, đặc biệt là Việt Nam, Indonesia và Thái Lan.

Năm 2019, chính phủ Nhật Bản và 5 nước thành viên ASEAN là Lào, Myanmar, Singapore, Thái Lan và Việt Nam đã ký Nghị định thư đầu tiên sửa đổi Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện ASEAN-Nhật Bản (AJCEP) để bổ sung các nội dung về thương mại dịch vụ, đầu tư và di chuyển thể nhân. Có hiệu lực từ ngày 01/8/2020, Nghị định được kỳ vọng là tác nhân quan trọng, tiếp thêm động lực mới, tăng cường trao đổi thương mại và đầu tư hơn nữa giữa Nhật Bản và các quốc gia ASEAN trong thời gian tới.

Không những tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư, Nhật Bản còn tích cực hỗ trợ kỹ thuật các nước ASEAN trong thu hẹp khoảng cách phát triển, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo về công nghệ thông tin, y tế sức khỏe; thúc đẩy giao lưu hiểu biết giữa người dân hai khu vực thông qua nhiều dự án, chương trình như: Chương trình trao đổi học sinh, sinh viên được tài trợ bởi chính phủ Nhật Bản (JENESYS), hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cho các nước trong khu vực hay các khóa đào tạo về tăng cường năng lực an ninh mạng, phát triển hệ thống liên vận bền vững khu vực,

quản lý cảng biển chiến lược và xử lý rác thải biển... Bên cạnh đó, Nhật Bản còn hỗ trợ ASEAN phát triển thành phố thông minh, kinh tế số, nông nghiệp chất lượng cao và hỗ trợ thích ứng với Cách mạng Công nghiệp 4.0, năng lượng, quản lý thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu...

Trong bối cảnh quốc gia các nước khu vực ASEAN phải đối mặt với làn sóng dịch bệnh Covid-19, Nhật Bản sát cánh cùng các nước ASEAN nâng cao năng lực ứng phó dịch bệnh; phối hợp bảo đảm cung ứng, phân phối vaccine đồng đều, hiệu quả và đảm bảo chất lượng cho các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này thể hiện qua việc Nhật Bản đóng góp 1 triệu USD cho Quỹ ASEAN ứng phó Covid-19 và hỗ trợ 50 triệu USD giúp ASEAN thành lập Trung tâm ASEAN ứng phó các tình huống y tế công cộng khẩn cấp và dịch bệnh mới nổi (ACPHEED), góp phần nâng cao năng lực y tế, tăng cường khả năng điều phối quốc gia và khu vực, ứng phó với dịch bệnh trong tương lai. Trong thời gian tới, các nước ASEAN và Nhật Bản sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong ứng phó, kiểm soát và ngăn ngừa sự lây lan dịch bệnh Covid-19, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh, từng bước phục hồi và ổn định đời sống kinh tế-xã hội, duy trì chuỗi sản xuất - cung ứng khu vực... để cùng nhau vượt qua đại dịch với tư cách là những người bạn lâu đời và những đối tác bình đẳng.

Bằng những cam kết và hành động thiết thực, chắc chắn rằng quan hệ hợp tác giữa ASEAN và Nhật Bản trong thời gian tới sẽ tiếp tục mở rộng, dựa trên các giá trị chung của liên kết kinh tế mở và hai bên sẽ là những người bạn tốt, chân thành của nhau./



THÀNH TỰU KINH TẾ XÃ - HỘI TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2015-2020

Kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực

Hà Giang là tỉnh vùng cao, biên giới địa đầu cực Bắc của Tổ quốc, có vị trí địa chính trị quan trọng, nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế. Trong giai đoạn 2015-2020, Kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang đã có những chuyển biến tích cực, với 36 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân đạt mức 6,8%, mức khá so các tỉnh trong khu vực, tổng sản phẩm bình quân đầu người năm 2020 đạt 30 triệu đồng/người, tăng 57,4% so năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông-lâm nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Giai đoạn 2015 - 2020, huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt gần 44,7 nghìn tỷ đồng, tăng 71,3% so với giai đoạn 2010-2015. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ước gần 10,7 nghìn tỷ đồng, riêng năm 2020 thu ngân sách đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng 51,2% so năm 2015.

Cùng với đó, tỉnh Hà Giang đã hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch tỉnh và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; thực hiện điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hà Giang và quy hoạch các khu du lịch, quy hoạch huyện, thành phố và Cao nguyên đá Đổng Văn. Đồng thời, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, quyết liệt và có nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo. Giai đoạn 2016-2020, Tỉnh đã huy động nguồn vốn đầu tư cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được trên 5,1 nghìn tỷ đồng, trong đó nguồn xã hội hóa và nhân dân đóng góp chiếm 25,5%. Đến nay, thành phố Hà Giang được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Năm 2020, toàn Tỉnh ước có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành mục tiêu trước 02 năm so với kế hoạch.



Song song với đó, kết cấu hạ tầng giao thông từng bước được hoàn thiện, 100% các xã có đường ô-tô đến trung tâm, các thôn cơ bản có đường xe cơ giới đến trung tâm.

Đặc biệt, sau một thời gian thực hiện các giải pháp phát triển du lịch, tốc độ tăng trưởng bình quân trong lĩnh vực du lịch đạt 16%/năm, lượng khách quốc tế đến Tỉnh ngày càng tăng. Bên cạnh đó, nhiều chính sách đảm bảo an sinh xã hội được triển khai, đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng thuận cao và được cả hệ thống chính trị vào cuộc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm, giữ vững đường biên, mốc giới.

Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020-2025

Mục tiêu đến năm 2025, Hà Giang phấn đấu trở thành tỉnh có kinh tế-xã hội phát triển khá trong khu vực miền núi phía Bắc, với tốc độ tăng trưởng đạt 8%/năm; thu ngân sách đạt 4 nghìn tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 55 triệu đồng/năm; giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 4%/năm; có một huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ che phủ rừng đạt 60%... Đồng thời tỉnh Hà Giang xác định ba đột phá trong giai đoạn 2020 - 2025 là: Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông toàn diện, liên thông; Phát triển du lịch gắn với phát triển nông nghiệp đặc trưng hàng hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đặt mục tiêu cuối nhiệm kỳ thu hút khách du lịch đạt ba triệu lượt; tạo sinh kế để nhân dân thoát nghèo

bền vững, với những đề án, chương trình, chính sách để người dân có điều kiện phát triển và làm giàu.

Hiện nay, tỉnh Hà Giang sẽ tập trung triển khai 15 chương trình trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: Sản xuất lúa, ngô hàng hóa; trồng rừng kinh tế, bảo vệ rừng đầu nguồn; xây dựng hồ treo chứa nước sinh hoạt ở các huyện vùng cao; trồng cây cải dầu; chăn nuôi đại gia súc; phát triển công nghiệp thủy điện, khai khoáng; xây dựng và phát triển kinh tế cửa khẩu; phát triển văn hóa gắn với du lịch sinh thái; định cư cho đồng bào sống ở các sườn núi cao và vùng có nguy cơ sạt lở cao; xây dựng nông thôn mới và xây dựng, phát triển các đô thị; giảm nghèo nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo; đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm...

Để thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế-xã hội nói trên, tỉnh Hà Giang đang thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp như: Bảo đảm nguồn lực về tài chính cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển; đẩy nhanh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất và đời sống. Tỉnh quyết liệt thực hiện cải cách hành chính; chủ động nghiên cứu xây dựng, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách một cách kịp thời và hiệu quả...

Thành Nam

NGÀNH TÀI CHÍNH HÀ GIANG VƯỢT KHÓ HOÀN THÀNH TỐT NHIỆM VỤ

2 năm vừa qua, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tuy nhiên với sự lãnh chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và điều hành quyết liệt, kịp thời của UBND tỉnh, ngành tài chính Hà Giang đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nhiều chỉ tiêu nhiệm vụ quan trọng đạt và vượt kế hoạch giao, trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 2.529 tỷ đồng, tăng 33,4% so với dự toán Trung ương giao, nằm trong top 10 các tỉnh có tỷ lệ thu đạt/vượt cao.

Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, thời gian qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn ít nhiều bị ảnh hưởng, đặc biệt là các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch. Nhận định được khó khăn, ngay từ đầu năm 2020, các cơ quan trong khối Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, phương án, văn bản hướng dẫn và chỉ đạo các ngành, các cấp và đơn vị, chủ đầu tư, đặc biệt trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

Các cơ quan thu (chủ lực ngành Thuế) đã phối hợp với các huyện, thành phố và các Sở, ngành triển khai quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, tập trung phân tích, đánh giá từng khu vực thu, từng số thu, kiểm soát chặt chẽ nguồn thu, chú trọng các khoản thu còn tiềm năng để bù đắp các khoản hụt thu do nguyên nhân khách quan. Cục Thuế tỉnh cũng thường xuyên gặp gỡ, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức làm việc với một số doanh nghiệp có số nộp NSNN lớn, kịp thời nắm tình hình hoạt động kinh doanh để đôn đốc nộp các khoản thuế phát sinh và số thuế còn nợ vào NSNN.

Ngành Tài chính đã Tham mưu UBND tỉnh thành lập tổ công tác liên ngành để triển khai thực hiện bán đấu giá tài sản trên đất và đẩy nhanh tiến độ bán đấu giá quyền sử dụng đất; phối hợp các ngành liên quan đôn đốc thu nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,

từ các điểm mỏ do tỉnh cấp phép, xác định lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ giai đoạn trước phải nộp trong năm 2020.

Các đơn vị trong ngành Tài chính tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT và đơn giản hóa, công khai, minh bạch các thủ tục về thuế, hải quan, KBNN; tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và hoạt động thông quan hàng hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra sau thông quan, chống thất thu từ hoạt động xuất nhập khẩu.

Với những giải pháp quyết liệt, đồng bộ, kết quả trong năm 2020, thu NSNN trên địa bàn đạt 2.529,7 tỷ đồng, tăng 33,4% so với dự toán Trung ương giao và bằng 101,2% kế hoạch tỉnh giao (số tuyệt đối tăng 29,7 tỷ đồng), tăng 10,6% so với thực hiện năm 2019.

Công tác quản lý chi và điều hành ngân sách ngân sách hoàn thành tốt, đảm bảo đủ nguồn cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống dịch. Trong đó, Sở Tài chính đã đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp cho CBCCVN và các chính sách an sinh xã hội cho đối tượng hộ nghèo, bảo trợ xã hội và người có công; hỗ trợ các xã hoàn thành nông thôn mới năm 2020; bố trí kinh phí kích cầu du lịch theo chỉ đạo của TW và của tỉnh; triển khai việc xúc tiến tiêu thụ sản phẩm cam sành Hà Giang; cân đối nguồn để thanh toán nợ XDCB và thực hiện chương trình giáo dục mới.

Công tác giải ngân các nguồn vốn đầu tư công được tập trung chỉ đạo quyết liệt, tỷ lệ giải ngân



Hà Giang tổ chức Hội nghị chuyên đề về thu ngân sách và giải ngân vốn đầu tư

đạt trên 97%. Ngành Tài chính tăng cường công tác thanh kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn UBND các huyện, các chủ đầu tư quản lý việc thanh quyết toán và đôn đốc thu hồi số đã tạm ứng vốn cho nhà thầu.

Đối với khoản chi thường xuyên, Kho bạc nhà nước tỉnh tăng cường kiểm soát chặt chẽ, nhất là các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài,... ưu tiên kiểm soát thanh toán nhanh, kịp thời kinh phí cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng quy định của pháp luật và chỉ đạo cấp trên.

Trong thời gian tới, Sở Tài chính và các đơn vị trong khối phát huy tinh thần đoàn kết, nỗ lực cố gắng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu đạt được nhiều thành tích, tập trung quán triệt, thực hiện hiệu quả "nhiệm vụ kép" về phòng, chống dịch Covid-19 và nhiệm vụ phát triển KT - XH, đảm bảo quốc phòng an ninh./.

Trịnh Long



NGÀNH Y TẾ HÀ GIANG

TẬP TRUNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG Y TẾ CƠ SỞ

Là tỉnh miền núi, biên giới, diện tích lớn, địa hình chia cắt, kết cấu hạ tầng giao thông còn chưa đồng bộ, để tạo thuận lợi cho người dân, đặc biệt các khu vực vùng xa tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, ngành y tế Hà Giang xác định tập trung củng cố và nâng cao chất lượng mạng lưới y tế tuyến cơ sở.

Ưu tiên nguồn lực cho y tế cơ sở

Trong điều kiện hạn hẹp của tỉnh, Hà Giang đã phải tranh thủ các nguồn lực đầu tư (trung ương, dự án) để tập trung cho y tế cơ sở. Giai đoạn vừa qua, y tế Hà Giang được thụ hưởng hoặc cùng các ngành tham gia thực hiện các đề án, dự án quan trọng như: Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở tỉnh Hà Giang, Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng tầm vóc người DTTS, Chương trình hỗ trợ ngành y tế của Liên minh Châu Âu, Dự án nâng cao năng lực phòng chống HIV/AIDS khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng... Cùng với sự hỗ trợ của các tập đoàn, doanh nghiệp, Hà Giang tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế theo hướng "xanh - sạch - đẹp"; bổ sung trang thiết bị hiện đại, tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị như hệ thống máy xét nghiệm sinh hóa tự động nhiều thông số, hệ thống máy chụp CT- Scan đa dãy, hệ thống phẫu thuật nội soi, hệ thống máy thận nhân tạo...; tăng cường vật tư, hoá chất, sinh phẩm cho công tác y tế dự phòng.

Thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị trong Ngành theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối,



Khám, chữa bệnh từ xa giúp bệnh nhân thụ hưởng dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại Bệnh viện ĐKKV Bắc Quang.

đến 31/12/2020, Hà Giang hiện chỉ còn 11 bệnh viện (03 bệnh viện đa khoa khu vực và 8 bệnh viện đa khoa tuyến huyện), 11 Trung tâm y tế tuyến huyện/thành phố; 11 Trung tâm Dân số - KHHGĐ; 18 Phòng khám đa khoa khu vực và 175 Trạm y tế xã/phường/thị trấn (bao phủ đến 193/193 xã phường thị trấn trong toàn tỉnh).

Công tác bồi dưỡng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế cũng đặc biệt chú trọng. Sở Y tế tỉnh tiếp tục làm việc với các Trường Đại học Y - Dược (Hà Nội,

Thái Nguyên, Hải Phòng...), tranh thủ các chương trình, dự án của Bộ áp dụng nhiều hình thức đào tạo (theo địa chỉ, liên thông, chính quy) cử hàng trăm lượt cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (chú trọng các trình độ chuyên sâu, các bác sĩ CKII, CKI, Thạc sĩ, đại học). Đến nay, toàn tỉnh trung bình có 10,5 bác sĩ trên 10 nghìn dân và 0,91 dược sĩ đại trên 10 nghìn dân (bao gồm cả cơ sở y tế tư nhân), 5,9 cán bộ/trạm y tế xã.

Để đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của y tế cơ sở, Sở Y tế

tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện theo Quyết định 6858/QĐ-BYT của Bộ Y tế; tăng cường ứng dụng CNTT vào các hoạt động. Các cơ sở y tế đặc biệt là bệnh viện tuyến huyện đã triển khai hội chẩn, khám, chữa bệnh từ xa với các bệnh viện tuyến trung ương (Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Nhi trung ương) và giữa các bệnh viện trên địa bàn tỉnh. Điều này mang lại hiệu quả rất rõ rệt trong công tác khám chữa bệnh cũng như nâng cao năng lực của đội ngũ y bác sĩ.

Nhờ vậy, nhiều kỹ thuật mới được triển khai thực hiện ở tuyến cơ sở, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng nâng lên. Nhân dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế ngày càng dễ dàng, nhất là y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đồng bào DTTS. Chương trình mục tiêu y tế - dân số được triển khai đầy đủ, đồng bộ và có hiệu quả. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV AIDS... tiếp tục duy trì.

Chủ động trong phòng chống dịch

Trong khoảng 2 năm gần đây, dịch Covid-19 đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống xã hội. Là đơn vị tuyến đầu trên mặt trận chống dịch, ngành Y tế Hà Giang đã bám sát hướng dẫn chỉ đạo của Bộ Y tế về phòng chống dịch, chủ động tham mưu giúp UBND tỉnh và trực tiếp tham gia cùng các cấp, ngành và địa phương triển khai các giải pháp chống dịch đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả.

Trước hết, Sở Y tế nhanh chóng thành lập và kiện toàn Ban điều hành chống dịch bệnh Covid-19,



Chăm sóc bệnh nhi tại Bệnh viện Đa khoa khu vực huyện Hoàng Su Phì

thành lập 4 đội phản ứng nhanh tuyến tỉnh; tham mưu cho Ban Chỉ đạo phòng chống dịch Tỉnh, huyện/thành phố duy trì các chốt kiểm dịch y tế liên ngành để giám sát, kê khai y tế, khử trùng phương tiện... khi đi vào địa phận của tỉnh.

Bên cạnh đó, Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Khu cách ly tập trung để triển khai cách ly y tế đối với các trường hợp nhập cảnh, nghi nhiễm và những người có nguy cơ cao; tham mưu để UBND tỉnh chỉ đạo các huyện/thành phố bố trí khu cách ly tập trung tại xã phường thị trấn; bố trí sẵn sàng 700 giường cách ly tập trung và 30 giường điều trị, có phương án thành lập bệnh viện dã chiến khi nguy cơ có nhiều ca nhiễm mới; chỉ đạo BVĐK tỉnh, BVĐK các huyện cùng TTYT các huyện duy trì các Đội phản ứng nhanh, Đội điều trị cơ động, rà soát mua sắm vật tư, trang thiết bị phòng chống dịch; đầu tư nâng cấp bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật và BVĐK tỉnh

để triển khai xét nghiệm sàng lọc bằng phương pháp RT-PCR với năng lực 400 mẫu/ngày; tổ chức phun khử khuẩn tại các trường học, bệnh viện, cơ quan, khu cách ly, các địa bàn có nguy cơ cao, thực hiện truyền thông với các thông điệp 5K để giữ an toàn trong mùa dịch.

Khi có ca F0 (ca bệnh số 268), Sở Y tế đã thành lập đoàn công tác đặc biệt để chỉ đạo, giám sát, phát hiện, cách ly tập trung, khử trùng các địa điểm có liên quan và điều trị ca nhiễm tại huyện Đồng Văn. Đồng thời, phối hợp với các địa phương khi truy vết, thực hiện xét nghiệm, cách ly đối với các trường hợp F1. Hiện nay, tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp, song với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cùng những giải pháp quyết liệt, hiệu quả, tin rằng Hà Giang sẽ tiếp tục giữ vững thành quả của công tác phòng chống dịch, bảo vệ vững chắc khu vực an toàn, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu kép mà Chính phủ đề ra. /.

Đình Đình



XÍN MẦN: DẤU ẤN ĐẦU NHIỆM KỲ

Trong khoảng hai năm vừa qua, cùng với cả nước, Xín Mần nỗ lực hết mình để vừa chống dịch vừa đảm bảo ổn định phát triển kinh tế xã hội. Dưới sự điều hành năng động của tập thể lãnh đạo Huyện, Xín Mần đạt được một số thành tựu nổi bật: Các biện pháp phòng chống dịch được triển khai bài bản, hiệu quả; tiếp nhận người dân đi làm xa trở lại quê hương chu đáo, ấm tình người; sự kiện Bầu cử HĐND các cấp được diễn ra an toàn, thành công; công tác cải cách hành chính được đánh giá nằm trong tốp đầu của tỉnh, thu ngân sách đạt và vượt dự toán Tỉnh giao.

Kế thừa những thành quả quan trọng

Xín Mần là huyện biên giới nằm ở phía Tây của tỉnh Hà Giang, địa hình đồi núi cao, khó đi lại, người dân chủ yếu là người DTTS, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn mức cao (năm 2016 còn 54,78%). Trong điều kiện khó khăn như vậy, nhiệm kỳ vừa qua (2015 - 2020), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Xín Mần đã xác định phải tập trung 2 khâu đột phá và 4 chương trình trọng tâm. Các chương trình trọng tâm được triển khai hiệu quả, góp phần mang đến những tích cực cho phát triển kinh tế xã hội.

Nổi bật, trong lĩnh vực nông nghiệp, cơ cấu nội ngành có sự chuyển dịch rõ nét (năm 2020, tỷ trọng chăn nuôi đạt 36,7% trong tổng giá trị sản xuất ngành), phương thức sản xuất chuyển từ nhỏ lẻ, manh mún sang tập trung,

hình thành một số vùng sản phẩm nông nghiệp hàng hoá đặc trưng, bước đầu đã tạo dựng thương hiệu. Huyện đã lồng ghép các chương trình, đề án nhằm hỗ trợ nhân dân chuyển đổi diện tích kém hiệu quả sang trồng cỏ (phục vụ chăn nuôi), trồng cây ăn quả cho thu nhập cao; xây dựng vùng trồng mận, lê, hồng gắn với du lịch; chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người dân thay đổi tập quán canh tác lạc hậu. Trong lĩnh vực chăn nuôi, Huyện đẩy mạnh sản xuất theo hướng liên kết gắn doanh nghiệp với người sản xuất, khuyến khích nhân dân tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã, áp dụng khoa học vào cải tạo giống bò địa phương, tập trung vỗ béo đàn bò, phát triển mạnh đàn dê và lợn đen địa phương.

Nhiệm kỳ vừa qua, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.



Đồng chí Phạm Duy Hiền – Chủ tịch UBND huyện Xín Mần

Xín Mần đã khai thác thế mạnh nằm trong cung đường phát triển du lịch phía Tây của tỉnh và tiếp giáp với Lào Cai để kết nối tua, tuyến với khu du lịch quốc gia Sa Pa. Mặt khác, Xín Mần còn có những danh thắng tuyệt đẹp đã có tên bản đồ du lịch của tỉnh như: Thác Tiên - đèo Gió, Bãi đá cổ Năm Dẩn, Thảo nguyên Suối Thầu... với khung cảnh thiên nhiên vẫn còn hoang sơ và hùng vĩ. Phát huy lợi thế đó, Xín Mần đã đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nhờ đó đã thu hút trên 113 nghìn lượt khách (khách quốc tế là 20 nghìn lượt). Doanh thu từ dịch vụ du lịch tăng mạnh góp phần tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho nhân dân. Cùng với du lịch, thương mại biên mậu diễn ra sôi động nhờ việc mở cửa chính thức cặp cửa khẩu song phương Xín Mần - Đô Long. Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 25 triệu USD, giá trị trao đổi thương mại cư dân hai bên biên giới bình quân đạt 8,7 triệu USD/năm (khoảng 200 tỷ mỗi năm).



Tuyến đường trung tâm thị trấn Cốc Pài được nâng cấp, mở rộng

**Tiếp tục hành trình đổi mới, phát triển bền vững**

Nhìn lại chặng đường 5 năm vừa qua, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Xín Mần đã đạt những kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: 100% chỉ tiêu chính đạt mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2015-2020) đề ra, kinh tế tăng trưởng khá, thu nhập của nhân dân được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 6,04%/năm, chất lượng cuộc sống của nhân dân được nâng lên, các đối tượng yếu thế, chính sách được quan tâm, chăm lo (đặc biệt là việc xoá nhà tạm cho các hộ gia đình này).

Tuy nhiên, những năm đầu nhiệm kỳ mới, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tác động đến tình hình phát triển kinh tế xã hội của Xín Mần. Đặc biệt, trong năm 2021, Huyện tổ chức đón nhận lực lượng lao động của Xín Mần từ khu vực đang có dịch trở lại quê hương. Huyện đã huy động tổng hợp các nguồn lực, xây dựng phương án tổ chức tiếp nhận, bố trí chỗ ở, phục vụ ăn, uống cho người lao động tại khu cách ly được chu đáo, an toàn. Khi giám sát tại khu cách ly, lãnh đạo Sở Y tế Hà Giang đã đánh giá Xín Mần không chỉ thực hiện nghiêm túc, bài bản các quy định của Bộ mà còn rất nhân văn, ấm tình người.

Song song với công tác chống dịch, công tác xây dựng kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm, đặc biệt việc chỉnh trang hạ tầng tại khu vực trung tâm Huyện và các xã. Các tuyến đường trục chính được nâng cấp, mở rộng, hệ thống vỉa hè được cải tạo, đường phố được trang bị hệ thống đèn trang trí, đèn chiếu sáng, cây xanh... để ngày càng sáng, xanh, sạch đẹp.

Bên cạnh đó, Xín Mần tiếp tục đẩy mạnh CCHC với trọng tâm là đơn giản hoá thủ TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC. UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản, hướng dẫn và chỉ đạo cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC, liên tục rà soát, cập nhật TTHC đúng theo quy định pháp luật, bố trí lựa chọn cán bộ có đủ năng lực chuyên môn và ứng xử tốt, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC. Nhờ đó từ vị trí thấp trong năm 2020, đến 6 tháng đầu năm 2021 Xín Mần vươn lên xếp vào nhóm đầu trong toàn tỉnh về thực hiện cải cách TTHC.

Mặc dù phải đối mặt với một số yếu tố bất lợi song công tác thu ngân sách của Xín Mần là điểm sáng trong 2 năm vừa qua. Một mặt, Huyện đã chỉ đạo Phòng Tài chính kế hoạch, phối hợp với Chi cục thuế triển khai các giải pháp để nuôi dưỡng nguồn thu bền vững. Mặt khác, Huyện chủ động trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, từ đó, tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư hoặc để đấu giá tạo nguồn thu cho ngân sách. Nhờ vậy, 6 tháng năm 2021, Xín Mần đã đạt gần 80% dự toán Tính giao. Song song, công tác điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, chủ động để vừa đảm bảo hỗ trợ phòng chống thiên tai, chống dịch hiệu quả vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

Trịnh Long

Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) huyện Xín Mần là bệnh viện hạng II tuyến huyện theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế với 120 giường bệnh kế hoạch (156 giường thực kê); 5 phòng chức năng; 13 khoa lâm sàng, 5 khoa cận lâm sàng và 106 cán bộ, nhân viên y tế.

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, Bác sĩ CKII Vương Tiến Lương - Giám đốc BVĐK huyện Xín Mần cho biết: Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của người thầy thuốc là không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho bệnh nhân, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng. Để làm được điều đó, tập thể cán bộ, y bác sĩ Bệnh viện đã nỗ lực, đoàn kết thống nhất toàn đơn vị trong việc thực hiện đồng bộ các giải pháp từ khâu tiếp đón bệnh nhân, cải cách thủ tục hành chính đến công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới, mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện để phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh ngày càng tốt hơn. Đồng thời, Bệnh viện cũng thường xuyên chú trọng công tác giáo dục y đức cho cán bộ viên chức, tránh gây phiền hà, tạo môi trường thân thiện đối với người bệnh. Nhờ vậy, năm 2020 Bệnh viện đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ kép đó là: Vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân. Theo đó, Bệnh viện đã triển khai khám cho trên 24,3 nghìn lượt người; Điều trị nội trú cho gần 8,3 nghìn lượt người; Tổng số lượt siêu âm trên 9 nghìn lượt; Tổng số lượt chụp X-quang gần 14,6 nghìn lượt; Thực hiện 731 ca phẫu thuật, trên 27,14 nghìn thủ thuật. Công suất sử dụng giường bệnh thực hiện đạt 108,3% KH...

Bên cạnh đó, Ban Giám đốc BVĐK huyện Xín Mần luôn khuyến khích, động viên và tạo điều kiện để đội ngũ y, bác sĩ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, xem đây là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Nhiều hình thức đào tạo đã được Bệnh viện áp dụng, từ cấm tay chỉ việc, truyền đạt kinh nghiệm qua các buổi sinh hoạt chuyên môn đến việc gửi cán bộ đi đào tạo theo ê - kíp hoặc đào tạo chuyên khoa sâu tại các bệnh viện lớn tuyến Trung ương, BVĐK tỉnh Hà Giang; tại các trường đại học, cao đẳng y dược hàng đầu trong cả nước.

Đặc biệt, Bệnh viện còn làm tốt công tác phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, viên chức quản lý và bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ giữa các khoa, phòng phù hợp với trình độ, năng lực, đảm bảo nhân lực hợp lý; Đội ngũ cán bộ trẻ, có năng lực và được đào tạo sau đại học gồm 06 bác sĩ chuyên khoa I đã được đưa vào đội ngũ cán bộ quy hoạch của bệnh viện.



BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN XÍN MẦN: NỖ LỰC VƯỢT KHÓ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH CHO NHÂN DÂN

Hiện tại, BVĐK huyện Xín Mần đã có 24 bác sĩ, trong đó: Có 01 bác sĩ CKII, 14 bác sĩ CK I, 9 bác sĩ đa khoa, 01 dược sĩ CKI; 14 cử nhân điều dưỡng và đông đảo cán bộ khác có trình độ đại học, cao đẳng. Tuy rằng, số lượng nguồn nhân lực chất lượng cao còn ít so với mặt bằng chung, song với đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, tâm huyết với nghề này, Bệnh viện đã và đang làm chủ được nhiều kỹ thuật chuyên môn mới với kết quả tốt như: Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, kết hợp xương, khâu nối gân cơ; phẫu thuật thoát vị bẹn; lấy sỏi bàng quang; mổ lấy thai lần 1,2,3; mổ chữa ngoài tử cung; mổ u nang buồng trứng; cắt tử cung bán phần; nội soi tiêu hóa dạ dày, đại trực tràng...

Trong những năm qua, song song với công tác đào tạo, để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh theo hướng hiện đại, BVĐK huyện Xín Mần đã từng bước



*Bác sĩ CKII Vương Tiến Lương,
Giám đốc BVĐK huyện Xín Mần*

đầu tư nhiều máy móc, trang thiết bị y tế hiện đại, triển khai được nhiều kỹ thuật mới, nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, giúp giảm chi phí cho người bệnh và giảm tải cho bệnh viện tuyến trên như: Nội soi dạ dày, nội soi tai - mũi - họng; Siêu âm Doppler màu; Chụp X- quang kỹ thuật số; Điều trị bằng sóng ngắn; Đặt ống nội khí quản; Phẫu thuật đầy đủ các chuyên khoa; Hồi sức sơ sinh; Điều trị sơ sinh non tháng bằng lồng

ấp...

Từ năm 2020, BVĐK huyện Xín Mần đã triển khai thêm các dịch vụ kỹ thuật mới theo phân tuyến như: Nội soi tiêu hóa trên, xét nghiệm đông máu bằng máy bán tự động, siêu âm màu 4D. Gần đây nhất, ngày 17/01/2021, Bệnh viện đã khai trương hệ thống mổ nội soi. Với trình độ chuyên môn hiện tại, đội ngũ thầy thuốc, y bác sĩ của đơn vị đã làm chủ được các tiến bộ kỹ thuật mới, tạo cơ hội cho người dân của huyện Xín Mần và vùng lân cận được hưởng lợi từ dịch vụ y tế chất lượng cao. Các bệnh nhân nặng, bệnh nhân phẫu thuật được làm hội chẩn đầy đủ. Công tác chuyển khoa, chuyển tuyến thực hiện theo đúng quy định. Đặc biệt, từ tháng 5/2020, BVĐK huyện Xín Mần cùng với các bệnh viện khác trong tỉnh được tham gia vào Chương trình hội chẩn, khám chữa bệnh từ xa - TELEHEALTH của Bệnh viện - Đại học Y Hà Nội. Qua đó, đã góp phần rất lớn vào việc nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị các ca bệnh khó tại đơn vị.

Dù phía trước vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức do điều kiện cơ sở vật chất tuy đã được Tỉnh, ngành Y tế quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đồng bộ, thiếu bác sĩ chuyên khoa sâu, song với tinh thần và trách nhiệm của người thầy thuốc, tập thể cán bộ, y bác sĩ BVĐK huyện Xín Mần tiếp tục không ngừng trau dồi trình độ chuyên môn, nỗ lực phục vụ nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện ngày càng tốt hơn./.

Minh Hà



Một ca phẫu thuật nội soi tại BVĐK huyện Xín Mần

BỆNH VIỆN PHỔI TỈNH HÀ GIANG - THỰC HIỆN MỤC TIÊU KÉP TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19 DIỄN BIẾN PHỨC TẠP



Bệnh nhân lao phổi được tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng cao trong khám, điều trị bệnh tại Bệnh viện Phổi Hà Giang

Trước những diễn biến ngày càng phức tạp của dịch Covid-19, Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh hiệu quả, vừa nâng cao chất lượng khám và điều trị, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang là bệnh viện chuyên khoa hạng II tuyến tỉnh với 120 giường bệnh. Tiền thân là Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Hà Giang, được đổi tên theo Quyết định số 1447/QĐ – UBND ngày 18 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang.

Trước những diễn biến ngày càng phức tạp của dịch Covid-19, Bệnh viện đã và đang triển khai các giải pháp ở mức cao nhất nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ kép vừa khám chữa bệnh, vừa phòng chống dịch Covid-19 một cách hiệu quả. Bệnh viện đã bố trí các khu điều trị, khu khám bệnh nội,

ngoại trú riêng biệt, không có sự tiếp xúc giữa bệnh nhân các khoa với nhau. Cùng với đó, Bệnh viện đã tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá lại toàn bộ quy trình làm việc trong Bệnh viện, đảm bảo thực hiện nghiêm ngặt công tác phòng chống lây nhiễm virus SARS-CoV-2. Tất cả các bệnh nhân, người nhà, khách thăm đến bệnh viện đều được khai báo y tế, đo thân nhiệt trước khi vào khám chữa.

Với mục tiêu cao nhất là cung cấp các dịch vụ y tế chất lượng, toàn diện, Bệnh viện đã áp dụng phác đồ điều trị mới nhất của Bệnh viện Phổi Trung ương để điều trị bệnh nhân lao; xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh thông minh để chăm sóc sức khỏe tối ưu cho người bệnh. Hiện nay, với những bệnh nhân nặng nằm giường ICU có máy Monitor theo dõi các chỉ số của người bệnh; các phòng bệnh được trang bị điều hòa, máy điện tim, siêu âm, chụp X-quang tại giường và các thiết bị thông tin như tivi, mạng wifi miễn phí nhằm giúp người bệnh tiếp cận các thông tin truyền thông.

Bên cạnh đó, Bệnh viện luôn chú trọng công tác đào tạo, tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quy tắc ứng xử, giao tiếp, ý thức đến nhân viên Bệnh viện và bệnh nhân, người nhà bệnh nhân. Bệnh viện cũng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo đơn giản, thuận tiện theo hướng công khai, minh bạch bằng nhiều hình thức như: Cải tiến quy trình khám chữa bệnh; tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng hệ thống phần mềm trong công tác khám chữa bệnh, thanh toán BHYT.

Đến nay, không chỉ triển khai tốt các kỹ thuật theo phân tuyến, Bệnh viện Phổi Hà Giang còn triển khai được nhiều kỹ thuật vượt tuyến, điển hình như: Kỹ thuật nội soi màng phổi gây dính, phá vách ngăn và sinh thiết màng phổi và là một trong số ít những cơ sở y tế áp dụng kỹ thuật Soi màng phổi ống cứng trong điều trị.

Bên cạnh việc duy trì tốt hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện cũng thường xuyên triển khai các hoạt động phòng chống lao trên địa bàn Tỉnh. Trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021, Bệnh viện đã tích cực kiểm tra, giám sát công tác chống lao tại 11 huyện, thành phố; đồng thời thực hiện nhiều hoạt động truyền thống nhân ngày Thế giới phòng chống lao 24/3. Hiện, mạng lưới phòng, chống lao bao phủ 193/193 xã, phường, thị trấn của tỉnh Hà Giang; tỷ lệ dân số được tiếp cận với chương trình chống lao đạt 100%.

Theo kịch bản phòng chống dịch Covid-19 của tỉnh Hà Giang, nếu dịch Covid-19 bùng phát, Bệnh viện Phổi Hà Giang sẽ là Bệnh viện dã chiến, nơi thu dung và điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Với tinh thần chống dịch như chống giặc, toàn thể cán bộ, nhân viên y tế Bệnh viện Phổi Hà Giang luôn nêu cao tinh thần chủ động, trách nhiệm trong thực hiện các biện pháp phòng dịch Covid-19, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về trang thiết bị, nhân lực, vật tư y tế, cơ sở vật chất để đáp ứng tốt công tác phòng, chống dịch và tổ chức điều trị bệnh nhân mắc Covid-19 trong mọi tình huống./.

Minh Châu



BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÈO VẠC LÀM TỐT NHIỆM VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI DÂN NƠI VÙNG CAO NÚI ĐÁ

Những năm qua, Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc luôn nỗ lực nâng cao chất lượng khám và điều trị, tạo điều kiện để người dân tiếp cận những dịch vụ y tế chất lượng, hạn chế tình trạng chuyển tuyến, qua đó giảm gánh nặng chi phí điều trị cho người bệnh, góp phần vào việc thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo của địa phương.

Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc là bệnh viện hạng II, với quy mô 120 giường bệnh, có chức năng nhiệm vụ là khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân huyện Mèo Vạc và các vùng lân cận. Nhận thức nhân lực là yếu tố quyết định đến việc nâng cao chất lượng khám và điều trị, cũng như sự phát triển lâu dài, Ban giám đốc Bệnh viện đã sớm định hướng công tác tạo nguồn và đào tạo cán bộ chuyên môn. Bệnh viện thực hiện kết hợp giữa đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu, cơ bản, thông qua hình thức đào tạo ngắn hạn và dài hạn, trong đó tập trung vào việc phát triển chuyên môn của Bệnh viện, đáp ứng nhu cầu phục vụ tại chỗ, ưu tiên đào tạo trình độ đại học và sau đại học, phát triển cán bộ trong diện quy hoạch.

Cùng với chú trọng công tác đào tạo, Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc luôn tích cực áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; thực hiện nghiêm Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế; thành lập tổ chăm sóc khách hàng và phân công cán bộ trực đường dây nóng 24/24h để tiếp thu những ý kiến phản hồi của người dân, kịp thời xử lý những hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đặc biệt, Bệnh viện nêu cao tinh thần tiết kiệm và sử dụng

hiệu quả các nguồn kinh phí để đầu tư kết cấu hạ tầng, trang thiết bị, xây dựng môi trường bệnh viện "xanh - sạch - đẹp"; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý và khám, chữa bệnh tại Bệnh viện, trong đó đáng chú ý là sinh hoạt chuyên môn, khoa học và hội chẩn từ xa qua hệ thống telehealth với các bệnh viện tuyến trên.

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp, công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc ngày càng được củng cố, chất lượng ngày một nâng cao. Đến nay, Bệnh viện đã áp dụng nhiều kỹ thuật mới vào khám và điều trị, điển hình như: Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa, cắt vòi trứng, cắt u buồng trứng... Cùng với đó, tinh thần, thái độ phục vụ của nhân viên y tế luôn tận tình, chu đáo. Năm 2020, mặc dù tỷ lệ thu dung bệnh nhân giảm so với năm 2019 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng tỷ lệ triển khai các thủ thuật lại tăng, tỷ lệ phẫu thuật tăng từ 7,4% năm 2019 lên 9,3% năm 2020, kết quả cải tiến chất lượng bệnh viện được nâng lên.

Cùng với việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc còn thực hiện hiệu quả công tác chỉ đạo tuyến. Bệnh viện luân phiên cử các y, bác sĩ có năng lực chuyên môn cao về hỗ trợ tuyến dưới,

giúp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho y tế tuyến xã, triển khai mô hình phòng khám bác sĩ gia đình tại 02 Phòng khám Đa khoa khu vực, qua đó cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản, toàn diện, liên tục và thuận lợi cho cá nhân, gia đình và cộng đồng, góp phần giảm tải cho bệnh viện tuyến huyện.

Trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, để vừa thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, vừa đảm bảo an toàn phòng chống dịch, thời gian qua, Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc thường xuyên tập huấn cập nhật chuyên môn phòng chống dịch, tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho cộng đồng, phân luồng giám sát chặt chẽ người dân đến khám chữa bệnh... Đặc biệt, Bệnh viện phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế huyện và các đơn vị có liên quan để sớm phát hiện những bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm, những ổ dịch lưu hành và tăng cường cán bộ cho những điểm cách ly tập trung phòng chống dịch Covid tại các xã biên giới.

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc đang tiếp tục đẩy mạnh cải tiến chất lượng bệnh viện, trong đó tập trung dành nguồn lực cho hoạt động đào tạo nhân lực, đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp, nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật mới vào chẩn đoán và điều trị, thực hiện tốt 12 điều y đức và văn hóa nghề nghiệp... để người dân luôn tin tưởng và sử dụng các dịch vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của Bệnh viện./.

Minh Hùng

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 8/2021 (604) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hội nghị công bố quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về công tác cán bộ

3. Hội thảo trực tuyến thống nhất phương án điều tra doanh nghiệp năm 2022

4. Tổng cục Thống kê làm việc trực tuyến với Ban Kinh tế Trung ương

5. Các địa phương đảm bảo tiến độ thực hiện Tổng điều tra Kinh tế năm 2021 giai đoạn II

9. Sự cần thiết trong việc khai thác dữ liệu hành chính để sản xuất thông tin thống kê nhà nước của Việt Nam

ThS. Nguyễn Thanh Ngọc

KINH TẾ - XÃ HỘI

13. Nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh đa cấp tại Việt Nam

Thu Hòa

16. Ngành vận tải tìm cách "sống chung" với dịch Covid-19

Tiến Long

19. Nhiều dư địa cho xuất khẩu thủy sản 6 tháng cuối năm 2021

Minh Ngân

21. Nguy cơ gia tăng gian lận xuất xứ thương mại

Thu Hường

24. Tiếp tục giữ lửa và nâng cao hiệu quả Chương trình xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Gia Linh

27. Bài toán đào tạo lại nghề cho người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

ThS. Bùi Thị Kim Cúc

30. Hải Phòng: Công nghiệp chế biến, chế tạo - Động lực dẫn dắt tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2021

Lê Gia Phong

33. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

35. Đổi mới hoạt động tín dụng đầu tư của nhà nước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn mới

TS. Nguyễn Cảnh Hiệp

QUỐC TẾ

39. Thỏa thuận thuế doanh nghiệp toàn cầu và những tác động đến Việt Nam

Trúc Linh

41. ASEAN - Nhật Bản: Quan hệ hợp tác bền chặt, từ trái tim đến trái tim

Bích Ngọc

HÀ GIANG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

43. Thành tựu kinh tế xã - hội tỉnh Hà giang giai đoạn 2015-2020

Thành Nam

44. Ngành Tài chính Hà Giang: Vượt khó hoàn thành tốt nhiệm vụ

Trịnh Long

45. Ngành Y tế Hà Giang: Tập trung nâng cao chất lượng y tế cơ sở

Đình Đình

47. Xín Mần: Dấu ấn đầu nhiệm kỳ

Trịnh Long

48. Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần: Nỗ lực vượt khó nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân

Minh Hà

51. Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc: Làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe người dân nơi vùng cao núi đá

Minh Hùng

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HOÀNG SU PHÌ

NỖ LỰC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Bệnh viện Đa khoa Khu vực (BV ĐKKV) Hoàng Su Phì là bệnh viện hạng II có quy mô 190 giường bệnh (thực kê 295 giường) với 171 cán bộ, viên chức (trong đó có 37 bác sỹ). Ông Sin Đức Văn - Giám đốc BV ĐKKV Hoàng Su Phì cho biết: Hoàng Su Phì là huyện vùng cao, biên giới phía Tây đặc biệt khó khăn của tỉnh Hà Giang, cách trung tâm thành phố Hà Giang khoảng trên 100 km, có địa hình phức tạp, giao thông đi lại khó khăn với trên 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số; đời sống của phần lớn đồng bào các dân tộc trong huyện còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Bám sát đặc thù đó, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ, y, bác sỹ BV ĐKKV Hoàng Su Phì đã không quản ngại khó khăn, gian khổ để thực hiện tốt mục tiêu “Trách nhiệm, hiệu quả, tất cả vì người bệnh”. Năm 2020, Bệnh viện đã thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn huyện theo các chỉ tiêu, kế hoạch được giao. Tổng số lượt khám, chữa bệnh trên 34 nghìn lượt bệnh nhân, đạt 97,19 % KH; Số bệnh nhân điều trị nội trú trên 13,4 nghìn lượt, đạt 111,93 %. Công suất sử dụng giường bệnh chung đạt 117%...

Những năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh, ngành Y tế tỉnh Hà Giang, BVĐKKV Hoàng Su Phì đã được đầu tư cải tạo cơ sở vật chất, kê thêm giường bệnh; hạn chế



Thầy thuốc nhân dân, bác sĩ chuyên khoa Trần Đức Quý cùng các chuyên gia y tế hàng đầu của tỉnh Hà Giang trực tiếp tiến hành ca phẫu thuật nội soi đầu tiên tại BVĐKKV Hoàng Su Phì

thấp nhất và tránh tình trạng nằm ghép, tăng cường công tác phân luồng, cách ly; bố trí đầy đủ cơ sở thuốc cấp cứu, giường bệnh, phương tiện cấp cứu.

Bên cạnh đó, Bệnh viện đẩy mạnh công tác đào tạo, cử cán bộ y, bác sỹ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu. Do đó nhiều kỹ thuật điều trị mới đã được Bệnh viện triển khai như: Phẫu thuật nội soi ổ bụng - tiết niệu; Nội soi tiêu hóa dạ dày, đại tràng; Nội soi tai - mũi - họng; Đặt nội khí quản trẻ em; Chiếu đèn điều trị vàng da; Thở máy xâm nhập và không xâm nhập CPAP; xét nghiệm hạch đồ; xét nghiệm máu lắng... Nhờ vậy, đã giảm bớt

tình trạng bệnh nhân phải chuyển lên tuyến trên, đặc biệt giảm chi phí điều trị và đem lại sự hài lòng, niềm tin cho người bệnh.

Ông Sin Đức Văn cho biết thêm: Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh và ngành Y tế Hà Giang, Bệnh viện đã kiện toàn, bổ sung Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 và các tổ chuyên môn khẩn trương triển khai các biện pháp phòng ngừa, đối phó với dịch bệnh. Bệnh viện đã bố trí nhân lực sàng lọc, khai báo y tế bắt buộc, kiểm tra thân nhiệt đối với các trường hợp ra vào đơn vị. Theo đó, tất cả người bệnh khi đến bệnh viện thăm khám sẽ được nhân viên y tế đo thân nhiệt, thực hiện khai báo y tế. Các trường hợp người bệnh có dấu hiệu về đường hô hấp cấp (sốt, ho, khó thở...) hoặc có yếu tố dịch tễ sẽ được khám sàng lọc riêng.

Tin tưởng rằng, với các giải pháp đồng bộ mà ngành Y tế Hà Giang và BVĐKKV Hoàng Su Phì đã và đang thực hiện, cùng sự chung tay, góp sức và đồng lòng của cả cộng đồng, đặc biệt, thực hiện đúng các hướng dẫn tuyên truyền trong công tác phòng chống đại dịch Covid-19 sẽ góp phần tích cực bảo vệ cộng đồng, tránh lây lan các loại dịch bệnh, từ đó, đảm bảo cho công tác khám và điều trị bệnh được diễn ra an toàn, hiệu quả./.

T.N



BV ĐKKV Hoàng Su Phì tổ chức khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho nhân dân tại xã Tùng Sán



**PHÂN BÓN
PHÚ MỸ**
Cho mùa bội thu



ĐẠM PHÚ MỸ

Hạt trong, tan nhanh, phát mạnh